





BẢN LĨNH TIỀN PHONG

BẢN LĨNH TIỀN PHONG

TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS (HOSE: APH)

 Lô CN11 + CN12, Cụm Công nghiệp An Đồng,
Huyện Nam Sách, Hải Dương.

 www.anphatholdings.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024



BẢN LĨNH TIÊN PHONG

Năm vừa qua là một chặng đường đáng tự hào của Tập đoàn An Phát Holdings khi chúng tôi tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong dẫn đầu trong lĩnh vực nhựa bao bì, đồng thời mở rộng hoạt động sang bất động sản khu công nghiệp, nhựa kỹ thuật và thương mại hạt nhựa. Trước những thách thức và biến động của kinh tế toàn cầu, Tập đoàn An Phát Holdings vẫn duy trì đà tăng trưởng ổn định, tăng cường đổi mới và tiếp tục khẳng định cam kết phát triển bền vững theo các tiêu chí ESG (Môi trường, Xã hội và Quản trị).

Trong lĩnh vực nhựa bao bì, chúng tôi tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu với các dòng sản phẩm chất lượng cao, từ nhựa sinh học phân hủy hoàn toàn đến nhựa công nghiệp đạt chuẩn quốc tế. Hoạt động sản xuất và kinh doanh được tối ưu hóa về chi phí, gia tăng hiệu quả nhờ áp dụng các giải pháp công nghệ mới. Bên cạnh đó, hoạt động bất động sản khu công nghiệp của Tập đoàn gặt hái nhiều thành công với tỷ lệ lấp đầy cao, thu hút đầu tư từ nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Không dừng lại ở những thành tựu đã đạt được, chúng tôi luôn tìm kiếm cơ hội và sẵn sàng chinh phục những thách thức mới. Chúng tôi tin rằng, bên cạnh việc mở rộng thị trường quốc tế và đa dạng hóa danh mục sản phẩm, việc tăng cường áp dụng các nguyên tắc ESG sẽ giúp Tập đoàn An Phát Holdings tạo ra giá trị bền vững cho cổ đông, khách hàng và toàn xã hội.

Năm tới, Tập đoàn An Phát Holdings sẽ tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất, đầu tư vào các giải pháp xanh, cùng với đội ngũ nhân sự nhiệt huyết và tài năng, chúng tôi tin tưởng vào tương lai tươi sáng.

Trân trọng cảm ơn Quý Cổ đông, Quý Đối tác và Khách hàng đã luôn đồng hành cùng chúng tôi. Chúng tôi cam kết tiếp tục đem đến những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất, góp phần vào một tương lai bền vững và thịnh vượng.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

AAA:	CTCP Nhựa An Phát Xanh
APH:	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
BCTC:	Báo cáo tài chính
BDH:	Ban Điều hành
BDS:	Bất động sản
BKS:	Ban Kiểm soát
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
CTCP:	Công ty Cổ phần
CT TNHH:	Công ty Trách nhiệm hữu hạn
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
GDP:	Gross Domestic Product – Tổng sản phẩm nội địa
HĐQT:	Hội đồng Quản trị
HOSE/HSX:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
IPO:	Initial Public Offering – Chào bán lần đầu ra công chúng
KCN:	Khu Công nghiệp
KPI:	Key Performance Indicators – Chỉ số đo lường hiệu quả công việc
MCK:	Mã chứng khoán
TP:	Thành phố
QTRR:	Quản trị rủi ro

MỤC LỤC

CHƯƠNG

01

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Tầm nhìn, sứ mệnh, định vị thương hiệu	11
Dấu ấn năm 2024	12
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	14
Thông điệp của Tổng Giám đốc	16
Thông tin khái quát	18
Lịch sử hình thành và phát triển	20
Hệ sinh thái Tập đoàn An Phát Holdings	22
Địa bàn kinh doanh	24
Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	26
Cơ cấu quản trị Tập đoàn	28
Các công ty con	30
Giới thiệu Hội Đồng Quản Trị	34
Giới thiệu Ban Điều Hành	38
Giới thiệu Ban Kiểm Soát	42

CHƯƠNG

02

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Định hướng chiến lược kinh doanh các lĩnh vực	44
Định hướng chiến lược hoạt động quản trị	46
Định hướng chiến lược hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	47
Định hướng chiến lược hoạt động nghiên cứu và phát triển	47

CHƯƠNG

03

BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2024 và triển vọng kinh tế năm 2025	50
Ngành nhựa Việt Nam 2024 và triển vọng 2025	52
Kết quả hoạt động năm 2024	54
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	62
Kế hoạch hoạt động năm 2025	66

CHƯƠNG

04

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Mô hình quản trị Tập đoàn An Phát Holdings	70
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	71
Báo cáo của Ban Kiểm soát	75
Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông	79
Quản trị rủi ro	88

CHƯƠNG

05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2024 ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Thông tin chung	92
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	94
Báo cáo của Kiểm toán độc lập	95
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	96
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	99
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	100
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	102



01

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Tầm nhìn, sứ mệnh, định vị thương hiệu	11
Dấu ấn năm 2024	12
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	14
Thông điệp của Tổng Giám đốc	16
Thông tin khái quát	18
Lịch sử hình thành và phát triển	20
Hệ sinh thái Tập đoàn An Phát Holdings	22
Địa bàn kinh doanh	24
Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	26
Cơ cấu quản trị Tập đoàn	28
Các công ty con	30
Giới thiệu Hội Đồng Quản Trị	34
Giới thiệu Ban Điều Hành	38
Giới thiệu Ban Kiểm Soát	42

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, ĐỊNH VỊ THƯƠNG HIỆU

Tầm nhìn

Trở thành Tập đoàn nhựa công nghệ cao và thân thiện với môi trường hàng đầu Đông Nam Á

Sứ mệnh

Thúc đẩy và hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam cùng phát triển, nâng tầm vị thế thương hiệu nhựa kỹ thuật cao và thân thiện với môi trường Việt Nam.

Giá trị cốt lõi

SÁNG TẠO - ĐỔI MỚI



ĐOÀN KẾT - KỈ LUẬT



NHÂN VĂN - CHIA SẺ



HIỆU QUẢ - BỀN VỮNG



DẤU ẤN 2024



KHU CÔNG NGHIỆP AN PHÁT 1 ĐẠT TỶ LỆ LẮP ĐẶT 100%

Khu công nghiệp An Phát 1 là một trong những dự án KCN trọng điểm của Tập đoàn An Phát Holdings có diện tích 180 ha (giai đoạn 1), với tổng vốn đầu tư gần 2.000 tỷ đồng, tọa lạc tại huyện Nam Sách, Hải Dương. Chính thức đi vào khai thác thương mại từ đầu năm 2023, hiện An Phát 1 đã đạt tỷ lệ lắp đầy 100%, thu hút 20 dự án thứ cấp với tổng số vốn đầu tư đăng ký đạt gần 600 triệu USD.

KHỞI CÔNG DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP LƯƠNG ĐIỂN – NGỌC LIÊN

Năm 2024 đánh dấu bước tiến quan trọng của Tập đoàn khi chính thức triển khai giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Lương Điển – Ngọc Liên (KCN LDNL). Với quy mô 150 ha, dự án này được cấp phép hoạt động trong 50 năm kể từ ngày được chấp thuận chủ trương đầu tư và nhà đầu tư, kéo dài đến năm 2073.

Tọa lạc tại xã Lương Điển và xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, KCN LDNL sở hữu vị trí chiến lược với khả năng kết nối trực tiếp đến các trung tâm kinh tế quan trọng của miền Bắc. Việc tiếp giáp với quốc lộ 38 và quốc lộ 05 – tuyến giao thông huyết mạch kết nối Hà Nội, Hải Phòng và Bắc Ninh – tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu cũng như xuất nhập khẩu, gia tăng lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.



NHỰA AN PHÁT XANH VÀ THƯƠNG HIỆU ANECO LẦN THỨ 2 LIÊN TIẾP ĐẠT THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

Chương trình Thương hiệu Quốc gia Việt Nam 2024 đánh dấu lần thứ 2 Tập đoàn An Phát Holdings tham gia xét chọn và có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia. Túi nhựa sinh học phân hủy hoàn toàn AnEco của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (thành viên thuộc Tập đoàn An Phát Holdings) được công nhận là sản phẩm Thương hiệu quốc gia, gồm: túi đựng thực phẩm, túi shopping và túi rác. Đây là những sản phẩm đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của Chương trình và là sản phẩm tiêu biểu, đại diện cho Thương hiệu Việt Nam. Trước đó, thương hiệu túi sinh học phân hủy hoàn toàn AnEco cũng đã được vinh danh vào năm 2022, là thương hiệu sản phẩm nhựa phân hủy sinh học đầu tiên góp mặt trong bảng xếp hạng Thương hiệu quốc gia Việt Nam. Hai lần liên tiếp được công nhận là Thương hiệu quốc gia đã cho thấy sự tin nhiệm của thị trường nội địa dành cho dòng sản phẩm xanh “made-in-Vietnam”.



AN PHÁT HOLDINGS HỢP TÁC VỚI SKC XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT NGUYÊN LIỆU PHÂN HỦY SINH HỌC TẠI VIỆT NAM

Ngày 11/5, Ecovance Việt Nam, công ty thuộc tập đoàn hóa chất SKC (Hàn Quốc) đã tổ chức Lễ khởi công xây dựng nhà máy sản xuất nguyên liệu phân hủy sinh học PBAT (Polybutylene Adipate Terephthalate) tại Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Hải Phòng.

Với chiến lược phát triển xanh và bền vững, An Phát Holdings – Tập đoàn nhựa công nghệ cao và thân thiện với môi trường hàng đầu ở khu vực Đông Nam Á, thông qua công ty con, Công ty PBAT An Phát, đã góp vốn đầu tư vào công ty Ecovance Việt Nam, cùng SKC hiện thực hóa mục tiêu xây dựng hệ sinh thái vật liệu thân thiện với môi trường, chung tay cùng thế giới giải quyết bài toán ô nhiễm nhựa hiện đang nhức nhối trên toàn cầu.



NHỰA HÀ NỘI ĐẠT GIẢI NHÀ CUNG ỨNG TỐT NHẤT CỦA TOYOTA BOSHOKU

Cuối tháng 5 vừa qua, tại Hội nghị nhà cung ứng toàn cầu thường niên 2024 của Toyota Boshoku châu Á diễn ra ở Thái Lan, Nhựa Hà Nội được trao giải thưởng “Nhà cung ứng tốt nhất Việt Nam năm 2024”. Theo đó, Nhựa Hà Nội là nhà cung ứng duy nhất tại Việt Nam được nhận giải thưởng uy tín này. Đây cũng là năm đầu tiên Nhựa Hà Nội được vinh danh ở hạng mục nói trên. Trước đó, năm 2023, Nhựa Hà Nội là nhà cung ứng duy nhất được trao giải Toàn diện (Best performance) của Toyota Boshoku Châu Á, nhờ đáp ứng đủ 4 tiêu chí ‘S, Q, C, D’ – An toàn, Chất lượng, Giá cả, Giao hàng. Trong khi đó, vào các năm 2020 – 2021, công ty được nhận giải dành cho nhà cung ứng trong hạng mục S (An toàn) và Q (Chất lượng). Giải thưởng lần này là sự đánh giá cao của Toyota Boshoku châu Á dành cho những nỗ lực không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm của Nhựa Hà Nội, đồng thời thể hiện cam kết hợp tác giữa hai thương hiệu lớn, để mang đến trải nghiệm tốt nhất cho người tiêu dùng trong lĩnh vực ô tô trên khắp thế giới.



NHỰA HÀ NỘI VÀ TẬP ĐOÀN POWERNET TECHNOLOGIES (HÀN QUỐC) KÝ KẾT MOU VỀ HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC TOÀN DIỆN TRONG VIỆC LẮP RÁP CÁC THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ

Ngày 9/5/2024, CTCP Nhựa Hà Nội (HPC) – thành viên của Tập đoàn An Phát Holdings và Tập đoàn PowerNet Technologies (Hàn Quốc) ký kết Biên bản ghi nhớ (MoU) về hợp tác chiến lược toàn diện trong việc lắp ráp các thiết bị điện tử. Sự kiện này được đánh giá là dấu mốc quan trọng, mở ra triển vọng hợp tác và phát triển cho cả hai bên, đồng thời là bước đệm để Nhựa Hà Nội tiếp tục tham gia sâu rộng hơn vào chuỗi cung ứng cho các doanh nghiệp lớn tại Hàn Quốc trong tương lai.

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Thay mặt Hội Đồng Quản trị, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Cổ đông, Quý Đối tác và Khách hàng đã luôn đồng hành cùng Tập đoàn An Phát Holdings. Chúng tôi cam kết nỗ lực hết mình để đem lại giá trị bền vững và những thành công vững chắc trong tương lai.



Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng và đối tác,

Năm 2024 đã đánh dấu một giai đoạn đầy thách thức nhưng cũng tràn đầy quyết tâm và bản lĩnh của Tập đoàn An Phát Holdings. Dưới áp lực từ các yếu tố vĩ mô không thuận lợi, chúng tôi vẫn duy trì sự tăng trưởng và khẳng định vị thế trong ngành nhựa bao bì, nhựa kỹ thuật, bất động sản khu công nghiệp và thương mại hạt nhựa.

Với doanh thu thuần đạt 14,2 nghìn tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 310 tỷ đồng, Tập đoàn An Phát Holdings đã chứng tỏ khả năng thích ứng nhanh chóng và bản lĩnh vượt qua khó khăn. Chúng tôi tin rằng năm 2025 - 2030 sẽ là giai đoạn nhiều cơ hội hơn khi kinh tế phục hồi, nhu cầu thị trường gia tăng và Tập đoàn An Phát Holdings đã sẵn sàng để bắt tay vào những bước đi mới.

Trong năm 2025, chúng tôi đặt mục tiêu tăng cường năng lực sản xuất bằng việc xây dựng thêm các nhà máy mới phục vụ cho bao bì, nhựa kỹ thuật. Chúng tôi dự định tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng Khu công nghiệp Lương Điện Ngọc Liên để bắt đầu khai thác trong quý 4. Cùng với đó, chúng tôi liên tục nghiên cứu các dự án mới, thể hiện tư duy đổi mới và mở rộng kinh doanh trong nhiều lĩnh vực tiềm năng.

Tại Tập đoàn An Phát Holdings, phát triển bền vững không chỉ là mục tiêu mà còn là trách nhiệm cốt lõi. Chúng tôi tiếp tục đầu tư vào các giải pháp sản xuất xanh, giảm tác động đến môi trường. Cam kết với các giá trị ESG (Môi trường, Xã hội, Quản trị) là động lực thúc đẩy Tập đoàn tiến nhanh và xa hơn.

Thay mặt Hội Đồng Quản trị, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Cổ đông, Quý Đối tác và Khách hàng đã luôn đồng hành cùng Tập đoàn An Phát Holdings. Chúng tôi cam kết nỗ lực hết mình để đem lại giá trị bền vững và những thành công vững chắc trong tương lai.

Trân trọng

Chủ tịch HĐQT
NGUYỄN LÊ THĂNG LONG

THÔNGIỆP CỦA
TỔNG GIẢM ĐỐC

Kính gửi Quý Cổ đông, khách hàng và đối tác,

Năm 2024 đánh dấu một giai đoạn biến động mãnh liệt của kinh tế toàn cầu, với nhiều yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất và thương mại. Các doanh nghiệp trong ngành nhựa và bao bì, bao gồm cả Tập đoàn An Phát Holdings, đã phải đối mặt với những thách thức to lớn do biến động giá nguyên vật liệu, suy thoái nhu cầu từ các thị trường xuất khẩu chính và sự biến động trong chính sách thương mại quốc tế.

Nhìn lại 2024: Chủ động vượt khó

Năm 2024, nhờ vào nỗ lực không ngừng nghỉ và những điều chỉnh kịp thời trong chiến lược kinh doanh, chúng tôi đã đạt được những kết quả đầy ấn tượng. Tổng doanh thu thuần đạt 14.193 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận sau thuế đạt 310 tỷ đồng, tăng 41% so với năm 2023. Kết quả này là minh chứng rõ nét cho nỗ lực không ngừng nghỉ trong việc tối ưu hóa hoạt động, tăng cường năng lực sản xuất và quản trị hiệu quả.

Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng đã gặt hái nhiều thành công quan trọng, trong đó có việc hoàn thành và bàn giao Khu công nghiệp An Phát 1 tới khách hàng, đạt tỷ lệ lấp đầy 100%, khẳng định vị thế vững chắc trong lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp. Dự án này không chỉ mang lại doanh thu ổn định mà còn tạo tiền đề cho các kế hoạch phát triển tiếp theo trong mảng bất động sản công nghiệp của Tập đoàn.

Tầm nhìn 2025: Tăng trưởng và đổi mới

Bước vào năm chặng đường mới, Tập đoàn An Phát Holdings xác định rõ ràng con đường phía trước với tinh thần đổi mới mạnh mẽ, tận dụng cơ hội để bứt phá và nâng tầm vị thế trong ngành công nghiệp nhựa và bất động sản khu công nghiệp. Trên nền tảng những thành tựu đã đạt được, chúng tôi không ngừng mở rộng, tối ưu hóa và sáng tạo nhằm tạo ra giá trị bền vững, đồng thời đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế và môi trường.

Sự tăng trưởng của Tập đoàn trong giai đoạn 2025 - 2030 sẽ được thúc đẩy bởi chiến lược mở rộng quy mô sản xuất. Chúng tôi đang triển khai ba dự án trọng điểm gồm nhà máy sản xuất sản nhựa với công suất 6,5 triệu m² sản/năm, nhà máy sản xuất bao bì với quy mô 12.000 tấn/năm và dự án sản xuất nhựa kỹ thuật với doanh thu dự kiến đạt 2.800 tỷ đồng/năm khi vận hành hết công suất. Những dự án này không chỉ củng cố vị thế của Tập đoàn trong ngành nhựa mà còn mở ra những cơ hội lớn để

chiếm lĩnh thị phần trong các phân khúc sản phẩm giá trị cao.

Bên cạnh đó, lĩnh vực bất động sản khu công nghiệp tiếp tục là động lực quan trọng cho sự phát triển của Tập đoàn. Dự án Khu công nghiệp Lương Điền - Ngọc Liên quy mô 150 ha sẽ hoàn tất hạ tầng giai đoạn 1 và sẵn sàng khai thác vào quý IV/2025, mang lại lợi thế cạnh tranh và gia tăng hiệu suất sử dụng đất công nghiệp. Sự hoàn thiện của khu công nghiệp này sẽ thu hút thêm nhiều nhà đầu tư, góp phần đẩy mạnh dòng vốn FDI vào Việt Nam, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để Tập đoàn mở rộng hệ sinh thái sản xuất, hỗ trợ các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng.

Mục tiêu doanh thu của Tập đoàn trong năm 2025 đạt 9.179 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ là 60 tỷ đồng. Với chiến lược đúng đắn, nguồn lực mạnh mẽ và tinh thần đổi mới, chúng tôi tự tin sẽ biến năm 2025 thành một cột mốc quan trọng trên hành trình phát triển, vươn xa hơn trên bản đồ ngành nhựa khu vực và thế giới.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Tập đoàn, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến tất cả Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác và toàn thể nhân viên đã đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua. Chúng tôi rất mong nhận được sự ủng hộ tiếp tục của Quý vị trong những bước tiếp theo của chúng ta trên con đường kiến tạo tương lai xanh và bền vững.

Trân trọng
Tổng Giám đốc Tập đoàn
PHẠM ĐỖ HUY CƯỜNG

“

Thay mặt Ban Lãnh đạo Tập đoàn, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến tất cả Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác và toàn thể nhân viên đã đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua. Chúng tôi rất mong nhận được sự ủng hộ tiếp tục của Quý vị trong những bước tiếp theo của chúng ta trên con đường kiến tạo tương lai xanh và bền vững.

”



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Thông tin chung	Tên Công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS
	Tên tiếng Anh	: An Phat Holdings Joint Stock Company
	Tên viết tắt	: An Phat Holdings., JSC
	Mã cổ phiếu	: APH
	Vốn điều lệ	: 2.438.842.680.000 đồng (tại ngày 31/12/2024)
	Trụ sở chính	: Lô CN 11 + CN 12, Cụm CN An Đồng, TT.Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
Liên hệ	Điện thoại	: (84-24) 3 206 1199
	Website	: http://www.anphatholdings.vn

CTCPTập đoàn An Phát Holdings (gọi tắt là “An Phát Holdings” hoặc “Tập đoàn”) là doanh nghiệp tiên phong phát triển các sản phẩm nhựa công nghệ cao và thân thiện với môi trường hàng đầu Đông Nam Á.

Khởi đầu bằng lĩnh vực sản xuất bao bì màng mỏng, An Phát Holdings đã không ngừng phát triển và mở rộng các lĩnh vực kinh doanh. Với tinh thần không ngừng sáng tạo, vững bước tiến lên, Tập đoàn hiện đang hoạt động trong 06 lĩnh vực chính:

- 1



Sản phẩm và nguyên vật liệu sinh học
- 2



Bao bì
- 3



Nhựa kỹ thuật và nhựa xây dựng
- 4



Nguyên vật liệu ngành nhựa
- 5



Khuôn mẫu và cơ khí chính xác
- 6



Bất động sản khu công nghiệp



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



- 2002

 - Công ty TNHH Anh Hai Duy – tiền thân của Tập đoàn An Phát Holdings được thành lập
- 2005

 - Nhà máy sản xuất bao bì đầu tiên của Tập đoàn đi vào hoạt động tại KCN Nam Sách, Hải Dương.
- 2009

 - Thành lập CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái, nay là CTCP An Tiến Industries (HII) – thành viên Tập đoàn với lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất hạt nhựa phụ gia.
- 2010

 - Niêm yết CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh – đơn vị thành viên hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bao bì nhựa.
- 2013

 - Hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ, mở ra các thị trường xuất khẩu lớn.
- 2017

 - Thành lập CTCP An Phát Holdings (APH), công bố định hướng phát triển theo mô hình Tập đoàn. Tháng 12/2017, vốn điều lệ CTCP An Phát Holdings đạt 1.100 tỷ đồng.
 - CTCP An Phát Holdings nâng tỷ lệ sở hữu tại công ty con – CTCP Nhựa An Phát Xanh (AAA) lên 31,9%. Cũng trong năm 2017, nhà máy sản xuất bao bì số 6 và số 7 của AAA đi vào hoạt động, đưa AAA trở thành nhà sản xuất bao bì màng mỏng lớn nhất Đông Nam Á.
- 2018

 - CTCP An Phát Holdings đổi tên thành CTCP Tập đoàn An Phát Holdings, vốn điều lệ được nâng lên 1.241 tỷ đồng.
 - Tập đoàn ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới, đồng bộ tất cả các công ty thành viên. Hệ sinh thái Tập đoàn được dẫn hoàn thiện, gia tăng giá trị qua việc kiểm soát chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị ngành nhựa.
 - APH mua 49,23% cổ phần của CTCP Nhựa Hà Nội (MCK: NHH), mở rộng sang lĩnh vực công nghiệp nhựa hỗ trợ.
- 2019

 - Công ty con – CTCP Nhựa Hà Nội (MCK: NHH) được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
 - APH nâng tỷ lệ sở hữu tại NHH lên 55,17% và tại AAA lên 48,08%.

- 2019

 - Thông qua công ty con, APH mua lại 51% Công ty TLC Korea Ltd – đơn vị tiên phong sản xuất nguyên vật liệu sinh học tại Hàn Quốc. TLC Korea Ltd được đổi tên thành ANKOR Bioplastics JSC.
 - Thương hiệu ANECO các sản phẩm sinh học tự hủy của Tập đoàn chiếm lĩnh thị trường trong nước.
- 2020

 - Tập đoàn IPO và niêm yết cổ phiếu tại HOSE với mã chứng khoán APH. Vốn hóa thị trường tại ngày 31/12/2020 đạt 10.424 tỷ đồng, trở thành Tập đoàn niêm yết có vốn hóa lớn nhất ngành nhựa Việt Nam.
 - Tập đoàn đầu tư vào dự án xây dựng nhà máy sản xuất chất dẻo sinh học phân hủy hoàn toàn PBAT. Đây là dự án trọng điểm hiện thực hóa chiến lược chuyển đổi xanh, giúp Tập đoàn tự chủ được nguồn nguyên vật liệu sinh học và ghi tên vào Top 4 nhà sản xuất PBAT lớn nhất thế giới.
 - Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, Tập đoàn nỗ lực hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược, hoàn thành mục tiêu kép: duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo an toàn cho CBCNV.
- 2021

 - Tập đoàn tăng vốn điều lệ lên 2.024 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 100:40
 - Tập đoàn lọt vào Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2021, Top 100 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2021 và top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam do Vietnam Report công bố.
 - Thương hiệu ANECO các sản phẩm sinh học tự hủy được bảo hộ nhãn hiệu tại Hoa Kỳ và ra mắt gian hàng trên Amazon, đánh dấu bước tiến quan trọng tại thị trường nhiều tiềm năng này.
- 2022

 - Tập đoàn tăng vốn điều lệ lên 2.512 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 100:25
 - 5 công ty thành viên của An Phát Holdings được vinh danh Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín.
 - Sản phẩm túi nhựa sinh học phân hủy hoàn toàn AnEco của Tập đoàn An Phát Holdings được vinh danh là sản phẩm Thương hiệu Quốc gia Việt Nam
- 2023

 - Tập đoàn giảm vốn điều lệ xuống 2.439 tỷ đồng thông qua việc mua lại cổ phiếu ưu đãi cổ tức có hoàn lại
 - Khu công nghiệp An Phát 1 đã thu hút 18 dự án với tổng vốn đầu tư hơn 500 triệu USD
 - Nhựa Hà Nội đạt Top 10 sản phẩm công nghiệp chủ lực TP Hà Nội năm 2023
 - AnEco vinh dự là thương hiệu chiến thắng hạng mục “The Polaris – Seller of the year”
 - 2023 do Amazon Global Selling Vietnam trao tặng.
- 2024

 - Bắt đầu giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Lương Diễn – Ngọc Liên với quy mô 150ha
 - Nhựa An Phát Xanh và thương hiệu AnEco lần thứ 2 liên tiếp đạt Thương hiệu quốc gia
 - Nhựa Hà Nội đạt giải Nhà cung ứng tốt nhất của Toyota Boshoku

HỆ SINH THÁI TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS



Nguyên liệu và sản phẩm sinh học phân hủy hoàn toàn

- Sản xuất và thương mại các sản phẩm phân hủy sinh học hoàn toàn dưới thương hiệu ANECO bao gồm: bao bì, dao, thìa, đĩa, ống hút, găng tay, cốc,.....
- Sản xuất hạt nhựa phân hủy sinh học



Bao bì

- Sản xuất các loại bao bì: bao bì màng mỏng, bao bì công nghiệp (bao jumbo, bao sling...)



Nhựa kỹ thuật và nhựa nội thất

- Sản xuất linh kiện nhựa ô tô, xe máy, thiết bị gia dụng, điện tử, điện thoại...
- Sản xuất các sản phẩm nhựa phụ trợ: pallet, thùng nhựa....
- Sản xuất tấm ốp trần, sàn nhựa, phào chỉ trang trí nội thất

Nguyên vật liệu ngành nhựa

- Sản xuất phụ gia ngành nhựa: hạt PP, PE compound, hạt màu, filler, masterbatch...
- Thương mại hạt nhựa PE, PP



Khuôn mẫu và cơ khí chính xác

- Sản xuất khuôn đúc chính xác



Bất động sản khu công nghiệp

- Bán, cho thuê đất, nhà xưởng khu công nghiệp
- Khai thác dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tập đoàn An Phát Holdings sở hữu hệ thống gồm 16 nhà máy sản xuất các sản phẩm, nguyên vật liệu ngành nhựa. Trụ sở, văn phòng đại diện và chi nhánh của các đơn vị thành viên đặt tại Việt Nam, Singapore, Hàn Quốc, Pháp, Mỹ. Mạng lưới khách hàng của Tập đoàn trải rộng hơn 70 quốc gia và vùng lãnh thổ.

16: Nhà máy sản xuất

- Tỉnh Hải Dương (Việt Nam)**

 - 07: CTCP Nhựa An Phát Xanh (AAA)
 - 01: CT TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (VMC)
 - 01: CTCP Vật liệu xây dựng Công nghệ cao An Cường (ACP)
 - 01: CT TNHH An Trung Industries (ATI)
 - 01: CTCP Nhựa và Bao bì An Vinh (AVP)
- Tỉnh Hưng Yên (Việt Nam)**

 - 01: CT TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư Viexim (Viexim)
- Tỉnh Yên Bái (Việt Nam)**

 - 02: CTCP An Tiến Industries (HII)
- Hà Nội (Việt Nam)**

 - 01: CTCP Nhựa Hà Nội (NHH)
- Wonju (Hàn Quốc)**

 - 01: CT TNHH ANKOR Bioplastics (ANKOR)

70+: Thị trường xuất khẩu

03: Khu công nghiệp

- Tỉnh Hải Dương (Việt Nam)**

 - Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát
 - Khu công nghiệp An Phát 1
 - Khu công nghiệp Lương Điền Ngọc Liên

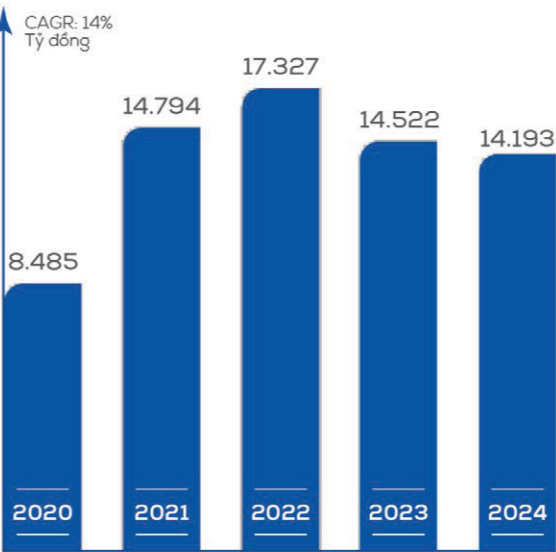
70+
Thị trường xuất khẩu



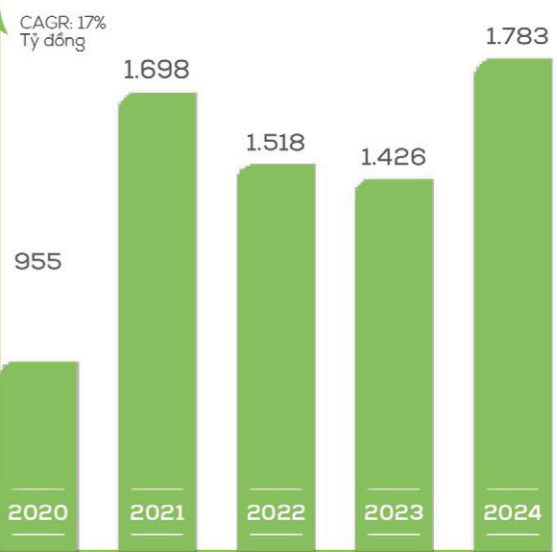
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN



DOANH THU HỢP NHẤT (TỶ ĐỒNG)



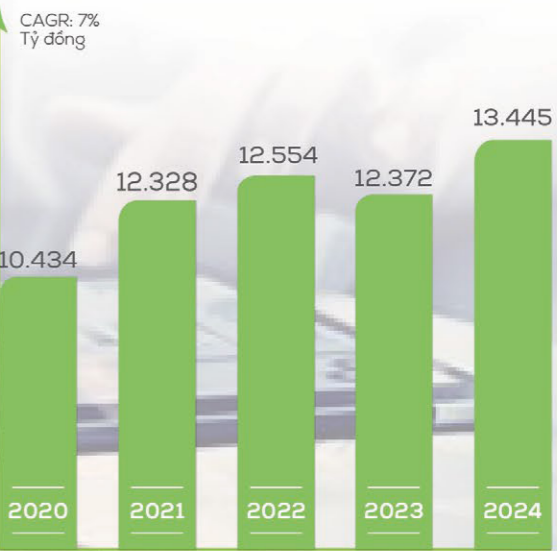
LỢI NHUẬN GỘP HỢP NHẤT (TỶ ĐỒNG)



VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT (TỶ ĐỒNG)



TỔNG TÀI SẢN HỢP NHẤT (TỶ ĐỒNG)



(Tại ngày 31/12/2024)



CÁC CÔNG TY CON

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, CTCP Tập đoàn An Phát Holdings có 18 công ty con như sau:

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Địa chỉ: Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, TT. Nam Sách, H. Nam Sách, Hải Dương
Tỷ lệ lợi ích (%): 50.17
Tỷ lệ biểu quyết (%): 50.17
Hoạt động chính: Sản xuất, kinh doanh bao bì nhựa, sản phẩm nhựa và nguyên liệu nhựa các loại.

Công ty Cổ phần An Tiến Industries (*)

Địa chỉ: Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Tỷ lệ lợi ích (%): 27,52
Tỷ lệ biểu quyết (%): 54,85
Hoạt động chính: Sản xuất hạt phụ gia nhựa và bột đá.

Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (*)

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Tỷ lệ lợi ích (%): 46.68
Tỷ lệ biểu quyết (%): 93.04
Hoạt động chính: Phát triển hạ tầng khu công nghiệp.

Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 (*)

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Tỷ lệ lợi ích (%): 47.51
Tỷ lệ biểu quyết (%): 99.997
Hoạt động chính: Kinh doanh và phát triển hạ tầng khu công nghiệp.

An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd (*)

Địa chỉ: Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore
Tỷ lệ lợi ích (%): 27.52
Tỷ lệ biểu quyết (%): 100
Hoạt động chính: Kinh doanh hạt nhựa

Công ty Cổ phần An Thành Bicsol (*)

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Tỷ lệ lợi ích (%): 38.46
Tỷ lệ biểu quyết (%): 99.69
Hoạt động chính: Kinh doanh hạt nhựa

Công ty Cổ phần Liên vận An Tín (*)

Địa chỉ: Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
Tỷ lệ lợi ích (%): 27.25
Tỷ lệ biểu quyết (%): 99
Hoạt động chính: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường ven biển và viễn dương.

Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh (*)

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Tỷ lệ lợi ích (%): 50.15
Tỷ lệ biểu quyết (%): 99.95
Hoạt động chính: Sản xuất, kinh doanh bao bì nhựa

Công ty An Phát International, INC (*)

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng 10701, Dãy 268, thành phố Stafford, bang Texas 77477, Mỹ
Tỷ lệ lợi ích (%): 50.17
Tỷ lệ biểu quyết (%): 99.99
Hoạt động chính: Kinh doanh hạt nhựa và các sản phẩm nhựa

Công ty AFC EcoPlastics, LLC (*)

Địa chỉ: PO Box 1831, thành phố Austin, bang Texas 78767, Mỹ
Tỷ lệ lợi ích (%): 43,9
Tỷ lệ biểu quyết (%): 87,5
Hoạt động chính: Kinh doanh hạt nhựa

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (*)

Địa chỉ: Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội
Tỷ lệ lợi ích (%): 31,48
Tỷ lệ biểu quyết (%): 62,75
Hoạt động chính: Sản xuất, kinh doanh nhựa kỹ thuật

Công ty TNHH An Trung Industries (*)

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Tỷ lệ lợi ích (%): 31,48
Tỷ lệ biểu quyết (%): 100
Hoạt động chính: Sản xuất nhựa bao bì, nhựa kỹ thuật, nhựa gia dụng



Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM (*)

Địa chỉ: Thôn Hảo, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
Tỷ lệ lợi ích (%): 31,48
Tỷ lệ biểu quyết (%): 100
Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa

Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát (*)

Địa chỉ: Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng
Tỷ lệ lợi ích (%): 33,86
Tỷ lệ biểu quyết (%): 100
Hoạt động chính: Sản xuất, kinh doanh hạt nhựa và các sản phẩm nhựa

Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (*)

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Tỷ lệ lợi ích (%): 31,48
Tỷ lệ biểu quyết (%): 100
Hoạt động chính: Sản xuất khuôn mẫu và sản phẩm gia công cơ khí

Công ty Cổ phần Ankor Bioplastics (*)

Địa chỉ: 216, Munmakgongdangil, quận Munmak, thành phố Wonju, tỉnh Gangwon, Hàn Quốc
Tỷ lệ lợi ích (%): 17,27
Tỷ lệ biểu quyết (%): 51
Hoạt động chính: Sản xuất sản phẩm từ nhựa

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường (*)

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Tỷ lệ lợi ích (%): 31,45
Tỷ lệ biểu quyết (%): 99,86
Hoạt động chính: Sản xuất, kinh doanh sản phẩm nhựa nội thất

Công ty cổ phần Khu công nghiệp Lương Điện Ngọc Liên (*)

Địa chỉ: Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
Tỷ lệ lợi ích (%): 47,51
Tỷ lệ biểu quyết (%): 99,99
Hoạt động chính: Phát triển hạ tầng khu công nghiệp

(*) Công ty sở hữu các công ty con này gián tiếp qua công ty con khác, theo đó, tỷ lệ lợi ích trong các công ty con này khác với tỷ lệ biểu quyết.

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Tại ngày 1/4/2025)



ÔNG NGUYỄN LÊ THĂNG LONG

Chủ tịch HĐQT
Tiến sỹ Khoa học vật liệu
Sinh năm 1984

2013 – 2016: Chuyên viên phát triển sản xuất Công ty Mobidi-ag France
2017 – 2018: Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và phát triển CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
2018 – 2019: Phó Giám đốc Ban Nghiên cứu và phát triển CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
2019 – 2021: Giám đốc Ban Nghiên cứu và phát triển CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
11/2018 – 03/2020: Thành viên HĐQT tại CTCP Nhựa Hà Nội
11/2019 – 01/2023: Thành viên HĐQT Ankor Bioplastics Co., Ltd
01/2023 đến nay: Chủ tịch HĐQT Ankor Bioplastics Co., Ltd
01/2020 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Anbio
02/2022 đến nay: Tổng giám đốc CTCP AnBio
01/2021 – 01/2023: Thành viên HĐQT kiêm TGD CTCP Sản xuất PBAT An Phát
01/2023 – 02/2024: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Sản xuất PBAT An Phát
02/2024 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Sản xuất PBAT An Phát
07/2021 đến 10/2024: Phó TGD CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
06/2021 đến 06/2022: Phó Chủ tịch thường trực HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh
06/2021 đến 05/2024: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
06/2022 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh
10/2024 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings

07/2007 – 07/2008: Nhân viên hành chính CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh);
08/2008 – 08/2009: Trưởng phòng Hành chính Nhân sự CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh);
09/2009 – 09/2010: Chuyên viên Ban Thư ký CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh);
10/2010 – 12/2017: Trưởng Ban Thư ký CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh;
01/2018 – 05/2019: Phó Chánh văn phòng CTCP Tập đoàn An Phát Holdings;
05/2019 – 01/2023: Phó Tổng giám đốc phụ trách nội chính CTCP Tập đoàn An Phát Holdings;
01/2023 đến nay: Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
09/2019 – 02/2023: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings.
02/2021 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh
02/2023 đến nay: Phó Chủ tịch thường trực HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings

BÀ NGUYỄN THỊ TIỆN

Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT
Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Thạc sĩ Quản lý kinh tế
Luật sư
Sinh năm 1985



ÔNG NGUYỄN LÊ TRUNG

Phó Chủ tịch HĐQT
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Sinh năm 1976



ÔNG PHẠM ĐỖ HUY CƯỜNG

Thành viên HĐQT
Tổng giám đốc Giám đốc
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Sinh năm 1983

1998 – 2002: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMC;
2002 – 2007: Phó Giám đốc và Kế toán trưởng công ty TNHH Anh Hai Duy;
2007 – 2009: Kế toán trưởng CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh);
2009 – 2015: Thành viên HĐQT của CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái, nay là CTCP An Tiến Industries;
Từ 8/2009 – 6/2011: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh)
Từ 7/2011 – 6/2022: Thành viên HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh
Từ 7/2011 – nay: Tổng Giám đốc CTCP Nhựa An Phát Xanh
Từ 6/2017 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP An Phát Holdings

2005 – 2009: Nhân viên tài chính Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam;
2009 – 2013: Trưởng nhóm Kiểm toán Công ty TNHH Ernst & Young;
2013 – 2015: Trưởng Ban Tài chính kế toán CTCP Tập đoàn Đại Dương;
2015 – 2017: Giám đốc Tài chính – Ban Tài chính CTCP Tập đoàn T&T;
2018 đến 01/2024: Thành viên HĐQT, Phó TGD thường trực kiêm Giám đốc Tài chính CTCP Tập đoàn An Phát Holdings;
11/2019 – nay: Thành viên HĐQT Ankor Bioplastics Co., Ltd
12/2021 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát
09/2021 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1
09/2018 – 04/2021: Thành viên HĐQT CTCP An Tiến Industries
05/2021 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt
05/2021 đến 04/2023: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Nhựa Bao bì Vĩnh
01/2021 đến 03/2021: Thành viên HĐQT CTCP Sản xuất PBAT An Phát
08/2023 đến 03/2024: Chủ tịch HĐQT CTCP Liên vận An Tín
04/2023 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Hà Nội
09/2023 đến nay: Tổng Giám đốc CTCP An Thành Bicsol
01/2023 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
04/2024 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Liên vận An Tín

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp)



ÔNG LIM HEONYOUNG

Thành viên độc lập HĐQT
Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Sinh năm 1969

2002 – 2004: Tổng giám đốc Công ty En-Zone Co., Ltd.
2004 – 2005: Giám đốc Công ty Hallatech Co., Ltd.
2005 – 2012: Giám đốc Công ty GreenChemical Co., Ltd.
2015 đến nay: Tổng giám đốc Công ty Ankor Bioplastics Co., Ltd.
03/2020 – 04/2021: Thành viên độc lập HĐQT CTCP Nhựa Hà Nội
06/2021 đến nay: Thành viên độc lập HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings

THAY ĐỔI NHÂN SỰ HĐQT TỪ 1/1/2024 ĐẾN NAY:

- 05/2024: Miễn nhiệm ông Nguyễn Lê Thăng Long thôi giữ vị trí Thành viên HĐQT
- 05/2024: Miễn nhiệm ông Nirav Sudhir Patel thôi giữ vị trí Thành viên HĐQT độc lập
- 10/2024: Miễn nhiệm ông Phạm Ánh Dương thôi giữ vị trí Chủ tịch HĐQT
- 10/2024: Bổ nhiệm ông Nguyễn Lê Thăng Long giữ vị trí Chủ tịch HĐQT

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG PHẠM ĐỖ HUY CƯỜNG

Thành viên HĐQT
Tổng giám đốc, Giám đốc
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Sinh năm 1983

2005 - 2009: Nhân viên tài chính Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam;
2009 - 2013: Trưởng nhóm Kiểm toán Công ty TNHH Ernst & Young;
2013 - 2015: Trưởng Ban Tài chính kế toán CTCP Tập đoàn Đại Dương;
2015 - 2017: Giám đốc Tài chính - Ban Tài chính CTCP Tập đoàn T&T;
2018 đến 01/2024: Thành viên HĐQT, Phó TGĐ thường trực kiêm Giám đốc Tài chính CTCP Tập đoàn An Phát Holdings;
12/2021 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát
09/2021 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát I
09/2018 - 04/2021: Thành viên HĐQT CTCP An Tiến Industries
05/2021 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt
05/2021 đến 04/2023: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Nhựa Bao bì Vĩnh
01/2021 đến 03/2021: Thành viên HĐQT CTCP Sản xuất PBAT An Phát
08/2023 đến 03/2024: Chủ tịch HĐQT CTCP Liên vận An Tín
04/2023 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Hà Nội
09/2023 đến nay: Tổng Giám đốc CTCP An Thành Bicsol
01/2023 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
04/2024 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Liên vận An Tín



BÀ HÒA THỊ THU HÀ

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính
Cử nhân Kinh tế
Sinh năm 1978

2000 - 2002: Nhân viên kế toán tại Công ty TNHH Khang Vinh;
2003 - 2005: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Hưng Việt;
2005 - 03/2007: Nhân viên kế toán tại Công ty TNHH Anh Hai Duy;
03/2007 - 2009: Trưởng phòng kế toán CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh;
2010 - 03/2018: Kế toán trưởng CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh;
2010 - 06/2022: Thành viên HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh;
03/2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính kế toán CTCP Nhựa An Phát Xanh;
06/2020 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Nhựa Hà Nội
01/2023 - nay: Phó Tổng giám đốc phụ trách Tài chính CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
05/2023 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh
01/2025 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Khu Công nghiệp Lương Diễn - Ngọc Liên



BÀ NGUYỄN THỊ TIỄN

Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT
Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Thạc sĩ Quản lý kinh tế
Luật sư
Sinh năm 1985

07/2007 - 07/2008: Nhân viên hành chính CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh);
08/2008 - 08/2009: Trưởng phòng Hành chính Nhân sự CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh);
09/2009 - 09/2010: Chuyên viên Ban Thư ký CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh);
10/2010 - 12/2017: Trưởng Ban Thư ký CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh;
01/2018 - 05/2019: Phó Chánh văn phòng CTCP Tập đoàn An Phát Holdings;
05/2019 - 01/2023: Phó Tổng giám đốc phụ trách nội chính CTCP Tập đoàn An Phát Holdings;
01/2023 đến nay: Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
09/2019 - 02/2023: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings.
02/2021 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh
02/2023 đến nay: Phó Chủ tịch thường trực HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings



BÀ TRẦN THỊ THOẢN

Phó Tổng giám đốc phụ trách Sản xuất
Thạc sĩ Quản lý Kinh tế
Sinh năm 1985

6/2007 - 9/2009: Phụ trách đối ngoại Công ty TNHH XQ Việt Nam
10/2009 - 12/2015: Giám đốc Trung tâm kinh doanh CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (Nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh)
12/2015 - 2/2017: Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (Nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh)
3/2017 - 3/2018: Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (Nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh)
3/2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (Nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh)
2/2021 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh
6/2023 - nay: Phó Tổng giám đốc Phụ trách Sản xuất Tập đoàn An Phát Holdings

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp)



ÔNG PHẠM VĂN TUẤN

Phó Tổng giám đốc
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Sinh năm 1979

9/2003 đến 12/2011: Phó phòng Kinh Doanh phụ trách miền Bắc & miền Trung tại Công ty Honda Việt Nam
1/2012 đến 7/2016: Tổng Giám Đốc tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại XNK Ngôi Sao Xanh
8/2016 đến 2/2018: Phó Tổng Giám Đốc Tập Đoàn Cen-group

12/2018 đến nay: Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát

9/2019 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1

07/2021 đến nay: Phó Tổng giám đốc Tập đoàn An Phát Holdings

08/2024 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần KCN Lương Điện Ngọc Liên



BÀ HỒ THỊ HÒE

Kế toán trưởng
Cử nhân Tài chính kế toán
Sinh năm 1984

06/2007 - 09/2007: Kế toán viên CTCP Phú Thành;

10/2007 - 02/2008: Kế toán Tổng hợp CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, nay là CTCP Nhựa An Phát Xanh;

03/2018 - 02/2019: Phó Phòng kế toán CTCP Tập đoàn An Phát Holdings;

03/2019 đến nay: Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn An Phát Holdings.

03/2022 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Sản xuất PBAT An Phát

Thay đổi nhân sự Ban Điều hành từ 1/1/2024 đến nay:

09/2024: Miễn nhiệm ông Nguyễn Lê Thăng Long thôi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



BÀ PHẠM THỊ NGUYỆT

Trưởng BKS
Cử nhân Tài chính kế toán
Sinh năm: 1986

08/2009 – 10/2010: Chuyên viên tư vấn tài chính doanh nghiệp CTCP Chứng khoán An Bình

10/2010 – 08/2018: Chuyên viên tư vấn tài chính doanh nghiệp CTCP Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

08/2018 – nay: Chuyên viên cao cấp VPHĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings

11/2019 – nay: Người được ủy quyền CBTT, người phụ trách quản trị công ty CTCP Tập đoàn An Phát Holdings

05/2024 – nay: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Tập đoàn An Phát Holdings



BÀ PHẠM THỊ HOA

Thành viên BKS
Cử nhân Kế toán – Kiểm toán
Sinh năm: 1992

07/2014 – 03/2018: Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế – IFC (nay là Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế – iCPA);

04/2018 – 10/2018: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Tập đoàn Quốc tế Trường Phúc;

11/2018 – 10/2019: Kế toán tổng hợp CTCP Tập đoàn An Phát Holdings;

11/2019 đến 04/2024: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Tập đoàn An Phát Holdings.

5/2024 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Tập đoàn An Phát Holdings.



BÀ NGUYỄN THỊ THÚY NGA

Thành viên BKS
Cử nhân Tài chính Kế toán
Sinh năm: 1993

12/2017 – 10/2019: Kế toán viên tại CTCP Liên vận An Tín;

10/2019 đến nay: Kế toán viên CTCP An Thành Bicsol;

11/2019 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Tập đoàn An Phát Holdings.

Thay đổi nhân sự Ban kiểm soát từ 1/1/2024 đến nay:

- 05/2024: Ông Nguyễn Ngọc Hoàng Anh hết nhiệm kỳ và không tái bổ nhiệm
- 05/2024: Bổ nhiệm bà Phạm Thị Nguyệt giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát
- 05/2024: Bổ nhiệm bà Phạm Thị Hoa giữ chức vụ Thành viên Ban kiểm soát

02

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Định hướng chiến lược kinh doanh các lĩnh vực	44
Định hướng chiến lược hoạt động quản trị	46
Định hướng chiến lược hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	47
Định hướng chiến lược hoạt động nghiên cứu và phát triển	47

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH CÁC LĨNH VỰC



Bao bì

Giữ vững vị thế hàng đầu Đông Nam Á: Tập đoàn tiếp tục củng cố và mở rộng thị phần trong khu vực thông qua nâng cao chất lượng sản phẩm, tối ưu hóa quy trình sản xuất và gia tăng sự hiện diện tại các thị trường trọng điểm.

Đầu tư nhà máy để tăng công suất sản xuất: Triển khai dự án xây dựng nhà máy mới, nâng tổng công suất sản xuất bao bì thêm 12.000 tấn/năm, đáp ứng nhu cầu thị trường và gia tăng khả năng cạnh tranh.

Tối ưu danh mục sản phẩm: Tập trung vào các sản phẩm có biên lợi nhuận cao, mở rộng danh mục sản phẩm thân thiện với môi trường, đồng thời cải tiến mẫu mã và chất lượng để nâng cao giá trị gia tăng.

Công nghiệp hỗ trợ và nhựa xây dựng

Giữ vững vị thế hàng đầu tại miền Bắc: Tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ thông qua nâng cao chất lượng sản phẩm, tối ưu quy trình sản xuất và tăng cường hợp tác với các đối tác lớn trong và ngoài nước.

Đầu tư nhà máy sản xuất sản nhựa: Triển khai dự án xây dựng nhà máy sản nhựa mới với công suất bổ sung 6,5 triệu m² sản/năm, nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu, đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh trong ngành.

Đầu tư nhà máy nhựa kỹ thuật: Phát triển nhà máy sản xuất nhựa kỹ thuật với doanh thu dự kiến đạt 2.800 tỷ đồng/năm khi vận hành hết công suất, cung cấp các sản phẩm chất lượng cao cho ngành ô tô, điện tử, y tế và công nghiệp chế tạo.

Đa dạng hóa khách hàng và sản phẩm: Mở rộng danh mục sản phẩm và phân khúc khách hàng, tập trung vào các ngành có tiềm năng tăng trưởng cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường và gia tăng giá trị chuỗi cung ứng.



Nguyên vật liệu ngành nhựa

Giữ vững vị thế hàng đầu: Duy trì vị trí trong Top 5 nhà sản xuất hạt nhựa phụ gia và Top 3 nhà cung cấp hạt nhựa PE, PP tại Việt Nam, đồng thời mở rộng thị phần trong nước và quốc tế.

Tối ưu hóa danh mục sản phẩm: Đẩy mạnh phát triển các mã sản phẩm có biên lợi nhuận cao, tiềm năng tăng trưởng lớn, phù hợp với xu hướng thị trường và yêu cầu khắt khe của khách hàng.

Tối ưu hóa công thức nguyên vật liệu và quy trình sản xuất: Ứng dụng công nghệ tiên tiến để cải tiến công thức nguyên liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm chi phí sản xuất, từ đó gia tăng hiệu quả hoạt động và lợi thế cạnh tranh.

Bất động sản khu công nghiệp

Hoàn thiện cơ sở hạ tầng và đưa vào khai thác KCN Lương Điền - Ngọc Liên: Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo chất lượng và tiến độ, sẵn sàng đón các nhà đầu tư trong nước và quốc tế từ Quý IV/2025.

Phát triển các dịch vụ hỗ trợ tối đa cho khách hàng: Cung cấp các dịch vụ tiện ích như logistics, kho bãi, suất ăn công nghiệp, hỗ trợ pháp lý và thủ tục đầu tư nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, giúp doanh nghiệp vận hành hiệu quả.

Tim kiếm cơ hội đầu tư các KCN mới: Mở rộng quỹ đất và nghiên cứu phát triển thêm các khu công nghiệp tại các địa bàn có tiềm năng, đón đầu xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng và thu hút dòng vốn FDI.



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ

Cải tiến và tối ưu hóa cơ chế hoạt động: Tăng cường sự phối hợp giữa công ty mẹ và các công ty thành viên, nâng cao tính liên kết giữa các khối kinh doanh để tối đa hóa hiệu suất hoạt động. Đồng thời, đẩy mạnh tinh gọn bộ máy, giảm

thiểu các khâu trung gian không cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và tốc độ ra quyết định.



Tăng cường hệ thống kiểm soát và quản trị rủi ro: Hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp theo các tiêu chuẩn quốc tế, nâng cao năng lực giám sát tài chính và vận hành nhằm giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

Phát huy văn hóa doanh nghiệp: Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch và sáng tạo, trong đó đề cao tinh thần trách nhiệm, hợp tác và đổi mới. Thúc đẩy sự gắn kết nội bộ, tạo động lực làm việc cho nhân viên và củng cố niềm tin của đối tác, khách hàng đối với Tập đoàn.



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng: Cải thiện quy trình tuyển dụng nhằm thu hút nhân tài, đảm bảo sự phù hợp giữa ứng viên và nhu cầu phát triển của doanh nghiệp. Tập trung vào các tiêu chí năng lực, văn hóa doanh nghiệp và tiềm năng phát triển dài hạn.

Thiết kế chương trình đào tạo chuyên sâu: Xây dựng các chương trình đào tạo tổng thể và chuyên biệt cho từng nhóm cán bộ công nhân viên, từ cấp quản lý đến nhân viên vận hành. Đảm bảo nội dung đào tạo bám sát nhu cầu thực tiễn, giúp nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng mềm và tư duy đổi mới.

Phát triển môi trường học tập liên tục: Khuyến khích tinh thần tự học, ứng dụng công nghệ trong đào tạo và triển khai các khóa học trực tuyến, hội thảo chuyên môn nhằm nâng cao năng lực toàn diện của nhân sự.



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Đẩy mạnh nghiên cứu thị trường: Tăng cường thu thập, phân tích dữ liệu thị trường trong các lĩnh vực bao bì nhựa, nhựa kỹ thuật, nhựa xây dựng và nguyên vật liệu ngành nhựa. Nghiên cứu xu hướng tiêu dùng, nhu cầu về sản phẩm có giá trị gia tăng cao và sự dịch chuyển trong chính sách thương mại toàn cầu. Ứng dụng các công cụ phân tích hiện đại để dự báo nhu cầu và điều chỉnh chiến lược phát triển sản phẩm phù hợp.

Đẩy mạnh nghiên cứu sản phẩm mới: Tập trung vào phát triển các dòng sản phẩm có tiềm năng tăng trưởng, không chỉ trong lĩnh vực nhựa mà còn các sản phẩm liên quan khác nhằm mở rộng danh mục kinh doanh. Chú trọng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng, tối ưu hóa hiệu suất và đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường. Hợp tác với các viện nghiên cứu, trung tâm công nghệ để phát triển vật liệu mới và giải pháp sản xuất hiệu quả hơn.

Đào tạo về khoa học, công nghệ tới các đơn vị thành viên: Triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu về công nghệ sản xuất, tối ưu hóa quy trình và ứng dụng công nghệ tiên tiến. Định kỳ tổ chức hội thảo, chia sẻ kiến thức về nguyên vật liệu mới, công nghệ ép phun, đùn thổi và các giải pháp tự động hóa nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển trong toàn hệ thống.



03

BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2024 và triển vọng kinh tế năm 2025	50
Ngành nhựa Việt Nam 2024 và triển vọng 2025	52
Kết quả hoạt động năm 2024	54
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	62
Kế hoạch hoạt động năm 2025	66

TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2024 VÀ TRIỂN VỌNG KINH TẾ NĂM 2025

KINH TẾ THẾ GIỚI

Năm 2024 là một năm đầy biến động đối với nền kinh tế toàn cầu khi phải đối mặt với những thách thức lớn từ địa chính trị, chính sách tài chính và sự dịch chuyển trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong bối cảnh thế giới chưa hoàn toàn phục hồi sau đại dịch COVID-19, nền kinh tế vẫn chịu tác động mạnh mẽ từ xung đột Nga – Ukraine, chính sách tiền tệ thắt chặt tại nhiều quốc gia, lạm phát kéo dài và những thay đổi trong chính sách thương mại. Mặc dù một số nền kinh tế lớn vẫn duy trì tăng trưởng, song tốc độ phát triển không đồng đều và tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu và các nền kinh tế chủ chốt

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 đạt mức 3,2%, thấp hơn so với giai đoạn trước đại dịch. Nền kinh tế Mỹ duy trì sự ổn định với mức tăng trưởng 2,8%, nhờ vào tiêu dùng nội địa mạnh mẽ và thị trường lao động vững chắc. Tuy nhiên, chính sách tiền tệ thận trọng của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) tiếp tục giữ lãi suất ở mức cao, gây áp lực lên thị trường tài chính và doanh nghiệp.

Tại khu vực châu Âu, tốc độ tăng trưởng thấp hơn, chỉ đạt 0,8%, khi các quốc gia như Đức, Pháp, và Ý chịu

ảnh hưởng từ suy giảm cầu tiêu dùng và chi phí sản xuất tăng cao. Lạm phát tại khu vực này tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn cao hơn mục tiêu của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB), khiến chính sách tài khóa và tiền tệ chưa thể nới lỏng hoàn toàn.

Trong khi đó, Trung Quốc – nền kinh tế lớn thứ hai thế giới – tăng trưởng ở mức 5%, thấp hơn kỳ vọng do khủng hoảng bất động sản kéo dài, xuất khẩu suy giảm và nhu cầu tiêu dùng trong nước chưa hồi phục mạnh mẽ. Chính phủ Trung Quốc đã triển khai một số biện pháp kích thích tài chính và tiền tệ để thúc đẩy đầu tư và sản xuất, song vẫn chưa đạt hiệu quả mong đợi.

Những yếu tố tác động đến kinh tế toàn cầu

- Xung đột Nga – Ukraine:** Cuộc xung đột này kéo dài sang năm thứ ba, tiếp tục ảnh hưởng đến nguồn cung năng lượng và chuỗi cung ứng toàn cầu. Giá dầu và khí đốt vẫn duy trì ở mức cao do các lệnh trừng phạt đối với Nga, khiến chi phí sản xuất và vận chuyển tăng lên, đặc biệt là tại châu Âu.

- Lạm phát và chính sách lãi suất:** Dù đã có dấu hiệu giảm nhiệt so với năm 2023, lạm phát vẫn ở mức cao tại nhiều quốc gia. Các ngân hàng trung ương lớn như FED, ECB tiếp tục duy trì lãi suất ở mức cao nhằm kiểm soát giá cả, điều này dẫn đến chi phí vay vốn cao hơn, ảnh hưởng đến đầu tư và tiêu dùng.

- Chính sách thuế quan và thương mại:** Xung đột thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc vẫn chưa hạ nhiệt, với các chính sách thuế quan và hạn chế xuất khẩu công nghệ tiếp tục gây tác động tiêu cực đến chuỗi cung ứng toàn cầu. Điều này buộc nhiều doanh nghiệp phải dịch chuyển sản xuất sang các quốc gia Đông Nam Á nhằm tránh rủi ro từ căng thẳng thương mại.

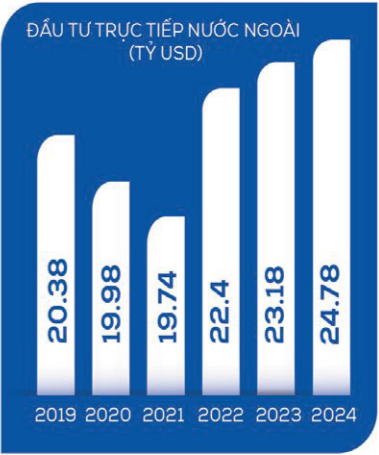
- Chuỗi cung ứng và dịch chuyển sản xuất:** Các tập đoàn đa quốc gia đang tìm cách giảm phụ thuộc vào Trung Quốc, đẩy mạnh đầu tư vào Đông Nam Á, Mexico và Ấn Độ. Xu hướng “Trung Quốc +1” tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, giúp các nước như Việt Nam, Thái Lan, Indonesia hưởng lợi từ dòng vốn FDI.

Tình hình khu vực Đông Nam Á

Bất chấp những biến động toàn cầu, khu vực Đông Nam Á vẫn duy trì được đà tăng trưởng ổn định, với mức tăng trưởng trung bình khoảng 4,5%. Trong đó, Việt Nam, Indonesia, và Philippines là những quốc gia có tốc độ phát triển mạnh mẽ nhờ dòng vốn đầu tư nước ngoài và sự mở rộng của các ngành công nghiệp chế tạo.

Tuy nhiên, khu vực này vẫn đối mặt với một số thách thức như áp lực lạm phát do giá nguyên vật liệu tăng cao, sự suy giảm nhu cầu xuất khẩu từ các thị trường lớn như Mỹ và châu Âu, cùng với đó là rủi ro về biến động tỷ giá và lãi suất. Dù vậy, Đông Nam Á vẫn là một trong những khu vực hấp dẫn nhất đối với các nhà đầu tư nhờ vào tiềm năng tăng trưởng cao, dân số trẻ và chính sách thu hút đầu tư thuận lợi từ các chính phủ trong khu vực.

Nhìn chung, năm 2024 là một năm đầy thách thức nhưng cũng mở ra nhiều cơ hội cho các nền kinh tế. Trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động, việc duy trì sự linh hoạt trong chính sách kinh tế và tận dụng tốt cơ hội từ sự dịch chuyển của chuỗi cung ứng sẽ là yếu tố then chốt để các quốc gia và doanh nghiệp phát triển bền vững.



KINH TẾ VIỆT NAM

Năm 2024, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu tác động từ môi trường kinh tế toàn cầu đầy biến động, song vẫn giữ được đà tăng trưởng tích cực nhờ vào các chính sách điều hành linh hoạt của Chính phủ. Trong bối cảnh lãi suất toàn cầu duy trì ở mức cao, thị trường xuất khẩu gặp nhiều thách thức và dòng vốn đầu tư nước ngoài có sự điều chỉnh, Việt Nam vẫn thể hiện khả năng thích ứng tốt, từng bước củng cố vị thế là một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất khu vực Đông Nam Á.

Tăng trưởng GDP

Tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2024 ước tính đạt khoảng 7,09%, cao hơn so với mức 5,05% của năm 2023 nhưng vẫn thấp hơn so với mức 8,02% của năm 2022. Động lực tăng trưởng chính đến từ sự phục hồi mạnh mẽ của ngành công nghiệp chế biến chế tạo, đóng góp khoảng 8,4% vào GDP. Ngành dịch vụ cũng ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể nhờ vào sự phục hồi của du lịch và bán lẻ, với mức tăng khoảng 9,2%. Đầu tư công tiếp tục đóng vai trò quan trọng khi Chính phủ đẩy mạnh giải ngân các dự án hạ tầng trọng điểm, giúp kích thích tăng trưởng kinh tế.

Mặc dù nền kinh tế Việt Nam có sự phục hồi, vẫn còn nhiều thách thức như suy giảm nhu cầu tiêu dùng từ các thị trường xuất khẩu chủ lực như Mỹ, EU và Trung Quốc. Ngoài ra, chính sách tiền tệ thắt chặt từ các nền kinh tế lớn cũng ảnh hưởng đến dòng vốn đầu tư vào Việt Nam, đòi hỏi các biện pháp điều hành linh hoạt hơn từ Chính phủ.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Lạm phát năm 2024 được kiểm soát ở mức khoảng 3,63%, thấp hơn so với nhiều nền kinh tế trong khu vực nhờ vào chính sách tiền tệ thận trọng và các biện pháp điều hành linh hoạt của Chính phủ. Tuy nhiên, giá cả một số mặt hàng thiết yếu như lương thực, thực phẩm và năng lượng vẫn chịu áp lực tăng do biến động từ thị trường quốc tế. Chính phủ đã triển khai nhiều biện pháp hỗ trợ nhằm bình ổn giá cả và duy trì sức mua của người dân, góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

FDI vào Việt Nam năm 2024 tiếp tục duy trì xu hướng tích cực, với tổng vốn đăng ký ước tính đạt khoảng 24,78 tỷ USD,

tăng 11,6% so với năm 2023. Vốn FDI thực hiện đạt 17,34 tỷ USD, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước. Các lĩnh vực thu hút FDI chủ yếu bao gồm sản xuất chế biến, công nghệ cao và năng lượng tái tạo. Các chính sách ưu đãi đầu tư, môi trường kinh doanh cải thiện và chi phí lao động cạnh tranh tiếp tục là những yếu tố thu hút dòng vốn nước ngoài. Tuy nhiên, các doanh nghiệp FDI cũng gặp không ít thách thức từ biến động chuỗi cung ứng và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trong khu vực.

Xuất nhập khẩu

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2024 ước đạt 760,15 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 380,76 tỷ USD và nhập khẩu đạt 379,39 tỷ USD. Dù thị trường toàn cầu suy giảm, xuất khẩu của Việt Nam vẫn duy trì mức tăng trưởng 14,3% nhờ vào các mặt hàng chủ lực như điện tử, dệt may, nông sản và thủy sản. Thặng dư thương mại đạt 24,77 tỷ USD, góp phần ổn định cán cân vãng lai và tăng dự trữ ngoại hối. Tuy nhiên, doanh nghiệp xuất khẩu vẫn đối mặt với nhiều thách thức từ chính sách bảo hộ thương mại của một số thị trường lớn.

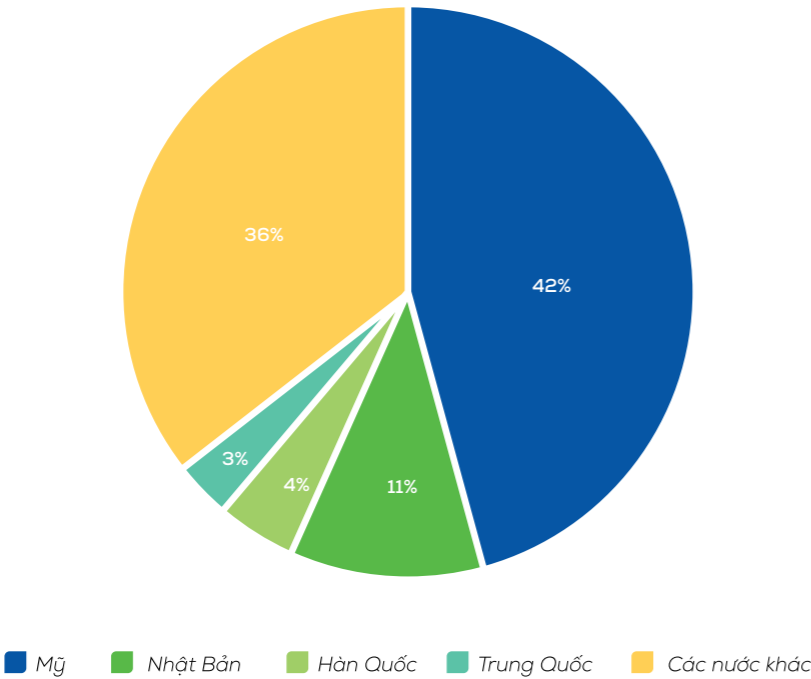
Nhìn chung, kinh tế Việt Nam năm 2024 tiếp tục phát triển trong một môi trường đầy thách thức, nhưng vẫn thể hiện sự ổn định và khả năng thích ứng cao. Các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ, cùng với sự phục hồi của các ngành kinh tế chủ lực, đã giúp nền kinh tế duy trì động lực tăng trưởng. Tuy nhiên, để phát triển bền vững trong tương lai, Việt Nam cần đẩy mạnh cải cách thể chế, nâng cao năng suất lao động và tận dụng tốt hơn các cơ hội từ hội nhập kinh tế toàn cầu.



NGÀNH NHỰA VIỆT NAM 2024

Năm 2024, ngành nhựa Việt Nam tiếp tục đà tăng trưởng mạnh mẽ, bất chấp những thách thức từ tình hình kinh tế thế giới và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường quốc tế. Nhờ vào sự phục hồi kinh tế hậu COVID-19, cùng với việc đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ sản xuất và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, ngành nhựa Việt Nam đã ghi nhận những kết quả ấn tượng về cả xuất khẩu lẫn nhập khẩu.

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU SẢN PHẨM NHỰA NĂM 2024 (THEO GIÁ TRỊ)



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nhựa năm 2024 đạt 6,7 tỷ USD, tăng 29,8% so với năm 2023 (5,2 tỷ USD). Sự tăng trưởng này cho thấy nhu cầu sản phẩm nhựa của Việt Nam trên thị trường quốc tế đang gia tăng đáng kể, phản ánh năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường thành công của doanh nghiệp trong nước. Xuất khẩu sang Mỹ đạt 3,1 tỷ USD trong năm 2024, tăng 42,4% so với năm 2023 (2,2 tỷ USD). Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của ngành nhựa Việt Nam, chiếm khoảng 45,8% tổng kim ngạch xuất khẩu. Việc Mỹ tăng cường nhập khẩu nhựa từ Việt Nam có thể xuất phát từ nhu cầu thay thế nguồn cung từ Trung Quốc do căng thẳng thương mại, cũng như xu hướng tìm kiếm chuỗi cung ứng ổn định hơn. Trong khi xuất khẩu sang Nhật Bản và Hàn Quốc nhìn chung không thay đổi, xuất khẩu sang Trung Quốc tăng mạnh 22%, từ 180 triệu USD lên 219 triệu USD, cho thấy sự cải thiện trong thương mại với Trung Quốc, có thể đến từ nhu cầu linh kiện nhựa cho sản xuất nội địa.

Song song với sự phát triển mạnh của xuất khẩu, nhập khẩu nguyên liệu nhựa cũng ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể. Tổng kim ngạch nhập khẩu nguyên liệu nhựa của Việt Nam năm 2024 đạt 11.780 triệu

USD, tăng 20,7% so với năm 2023 (9.755 triệu USD). Mức tăng trưởng mạnh này phản ánh nhu cầu ngày càng cao về nguyên liệu nhựa phục vụ sản xuất, đặc biệt trong bối cảnh ngành công nghiệp chế biến chế tạo mở rộng và nhu cầu tiêu thụ trong nước gia tăng. Trong đó, Trung Quốc là nhà cung cấp lớn nhất, với kim ngạch nhập khẩu từ nước này đạt 3.201 triệu USD trong năm 2024, tăng mạnh 44,9% so với năm 2023 (2.209 triệu USD). Điều này có thể do giá nguyên liệu cạnh tranh, các ưu đãi thương mại giữa hai nước, cũng như sự gia tăng nhập khẩu các loại hạt nhựa giá rẻ từ Trung Quốc.

Có nhiều yếu tố góp phần vào sự tăng trưởng tích cực của ngành nhựa Việt Nam trong năm 2024. Đầu tiên, nhu cầu tiêu dùng toàn cầu đối với các sản phẩm nhựa vẫn tiếp tục gia tăng, đặc biệt là trong các lĩnh vực như bao bì, y tế và hàng tiêu dùng. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhựa Việt Nam mở rộng thị phần và tăng trưởng doanh thu.

Bên cạnh đó, sự đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành. Nhiều doanh nghiệp đã cải tiến dây chuyền sản xuất, áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế để đáp ứng yêu cầu khắt khe

từ thị trường xuất khẩu. Điều này giúp sản phẩm nhựa Việt Nam có thể tiếp cận và duy trì vị thế tại các thị trường khó tính như Mỹ, Nhật Bản và EU.

Một yếu tố quan trọng khác là tác động của các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết, giúp giảm thuế quan và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận thị trường quốc tế. Nhờ đó, doanh nghiệp nhựa Việt Nam có cơ hội mở rộng mạng lưới khách hàng và giảm thiểu rủi ro từ sự phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống.

Ngoài ra, việc đảm bảo nguồn cung nguyên liệu nhựa ổn định cũng là một lợi thế giúp ngành phát triển bền vững. Việt Nam tiếp tục nhập khẩu nguyên liệu từ các đối tác quan trọng như Trung Quốc, Hàn Quốc và Đài Loan, đảm bảo đủ nguồn cung cho sản xuất trong nước. Mặc dù chi phí nguyên liệu có nhiều biến động, nhưng với sự chủ động của các doanh nghiệp trong quản lý chuỗi cung ứng, ngành nhựa Việt Nam vẫn duy trì được sự ổn định trong sản xuất và kinh doanh.

Tóm lại, năm 2024 là một năm phát triển đầy triển vọng của ngành nhựa Việt Nam, với sự tăng trưởng mạnh mẽ trong xuất khẩu và mở rộng thị trường. Những yếu tố như nhu cầu toàn cầu gia tăng, đầu tư công nghệ, tận dụng lợi thế từ các FTA và đảm bảo nguồn cung nguyên liệu đã giúp ngành duy trì đà phát triển. Tuy nhiên, trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt và biến động kinh tế toàn cầu, doanh nghiệp nhựa Việt Nam cần tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng danh mục sản phẩm và đa dạng hóa thị trường để đảm bảo tăng trưởng bền vững trong những năm tới.

TRIỂN VỌNG NGÀNH NHỰA VIỆT NAM 2025

Năm 2025, ngành nhựa Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng nhờ vào sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu, sự dịch chuyển chuỗi cung ứng, cũng như những chính sách hỗ trợ từ Chính phủ và các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết. Mặc dù vẫn đối mặt với nhiều thách thức từ giá nguyên liệu đầu vào, xu hướng bảo hộ thương mại của một số quốc gia và yêu cầu ngày càng khắt khe về tiêu chuẩn môi trường, ngành nhựa Việt Nam vẫn có nhiều cơ hội bứt phá nếu tận dụng tốt các yếu tố thuận lợi trong năm tới.

Theo dự báo, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nhựa năm 2025 tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định so với năm 2024. Mỹ vẫn sẽ là thị trường xuất khẩu chủ lực của nhựa Việt Nam, nhờ nhu cầu cao đối với bao bì nhựa, nhựa gia dụng và linh kiện nhựa trong các ngành công nghiệp. Nhật Bản và EU cũng được kỳ vọng sẽ tiếp tục mở rộng nhập khẩu từ Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh các doanh nghiệp đang tìm kiếm nguồn cung thay thế từ Trung Quốc do ảnh hưởng của căng thẳng thương mại toàn cầu.

Một trong những động lực chính giúp ngành nhựa Việt Nam tăng trưởng trong năm 2025 là sự dịch chuyển chuỗi cung ứng. Trong bối cảnh các tập đoàn đa quốc gia đang tái cấu trúc mạng lưới sản xuất nhằm giảm sự phụ thuộc vào Trung Quốc, Việt Nam nổi lên như một điểm đến hấp dẫn nhờ vào chi phí lao động cạnh tranh, hệ thống hạ tầng ngày càng được cải thiện và chính sách thu hút đầu tư nước ngoài hiệu quả. Sự gia tăng đầu tư FDI vào lĩnh vực sản xuất nhựa sẽ không chỉ giúp nâng cao năng lực sản xuất trong nước mà còn thúc đẩy chuyển giao công nghệ, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.

Bên cạnh xuất khẩu, nhu cầu tiêu thụ nhựa trong nước cũng được kỳ vọng sẽ tăng mạnh trong năm 2025, nhờ vào sự phục hồi của ngành xây dựng, bất động sản và công nghiệp ô tô. Các sản phẩm nhựa xây dựng như ống nhựa, ván sàn SPC và nhựa kỹ thuật phục vụ ngành ô tô sẽ tiếp tục được mở rộng, tạo động lực tăng trưởng quan trọng cho ngành.

Tuy nhiên, ngành nhựa Việt Nam cũng sẽ phải đối mặt với không ít thách thức trong năm 2025. Giá nguyên liệu đầu vào vẫn có thể biến động mạnh do những bất ổn địa chính trị và chính sách điều tiết của các quốc gia sản xuất dầu mỏ lớn. Việc đảm bảo nguồn cung nguyên liệu ổn định với chi phí hợp lý sẽ là bài toán quan trọng mà các doanh nghiệp cần giải quyết. Ngoài ra, áp lực cạnh tranh trong khu vực cũng gia tăng khi các quốc gia như Thái Lan, Indonesia và Malaysia đang đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm nhựa có giá trị gia tăng cao.

Tóm lại, năm 2025 là một năm đầy triển vọng nhưng cũng không ít thách thức đối với ngành nhựa Việt Nam. Để duy trì tốc độ tăng trưởng, các doanh nghiệp cần tập trung vào nâng cao năng lực sản xuất, đầu tư công nghệ, mở rộng thị trường và thích ứng với xu hướng tiêu dùng bền vững. Nếu tận dụng tốt các cơ hội và có chiến lược kinh doanh hợp lý, ngành nhựa Việt Nam sẽ tiếp tục khẳng định vị thế của mình trên bản đồ thương mại quốc tế và đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của đất nước.

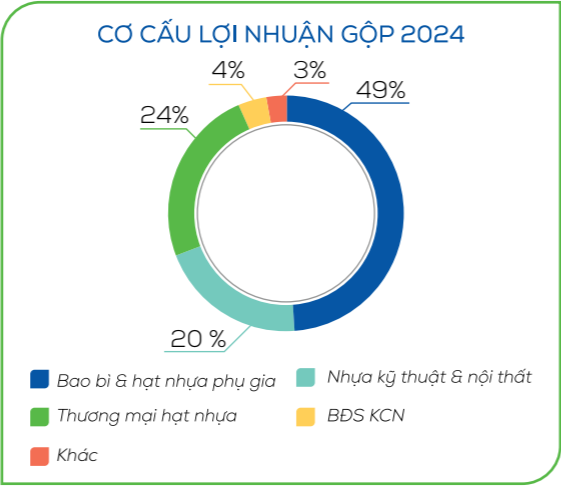
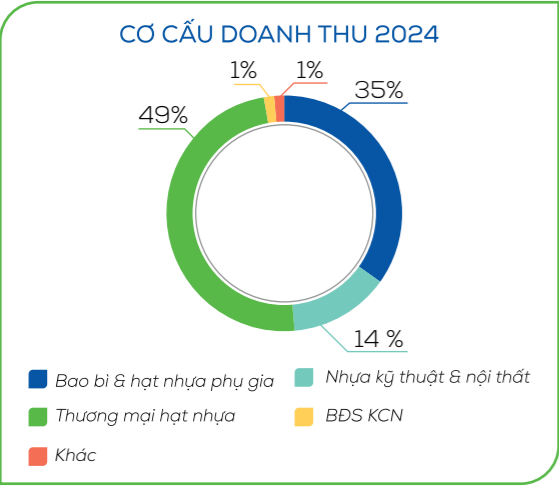
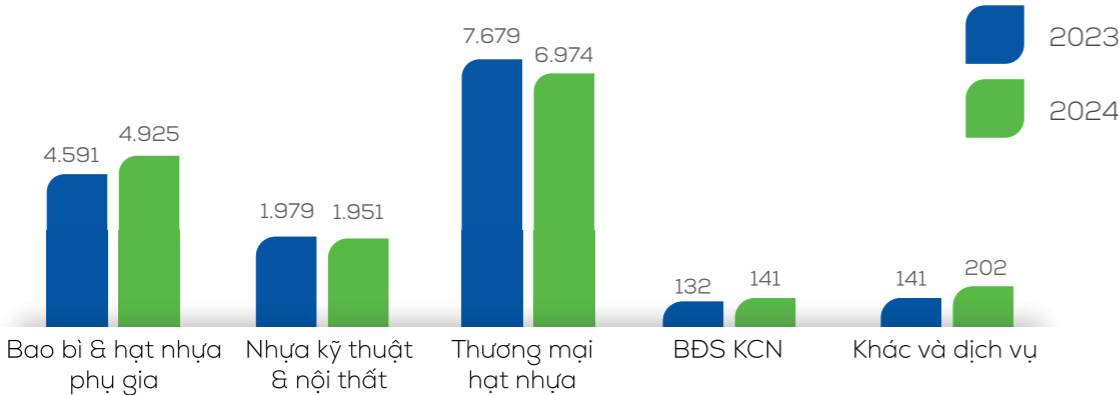
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ đạt kế hoạch	So với cùng kỳ 2024/2023
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	13.000	14.193	109%	-2%
LNST (tỷ đồng)	281	310	110%	+41%

Năm 2024 APH ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 14.193 tỷ đồng, giữ ở mức ổn định so với năm 2023. Lợi nhuận gộp đạt 1.783 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ, biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 9,8% năm 2023 lên 12,6% năm 2024, chủ yếu do giá hạt nhựa đã ổn định hơn nên biên lợi nhuận thương mại tốt hơn năm trước. Chi phí lãi vay giảm 34% so với 2023 do do lãi suất vay giảm. Nhờ vậy, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 521 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 310 tỷ đồng, tăng lần lượt 71% và 41% so với năm trước. Tại ngày 31/12/2024, vốn chủ sở hữu hợp nhất đạt 5.919 tỷ đồng, tỷ lệ vốn vay/vốn chủ sở hữu vẫn ổn định ở mức 0,66 lần so với đầu năm 2024. Các chỉ tiêu thực hiện doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế đều vượt kế hoạch.

CƠ CẤU TỔNG DOANH THU THUẦN THEO LĨNH VỰC (TỶ ĐỒNG)



KẾT QUẢ KINH DOANH THEO CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH

Mảng bao bì và hạt nhựa phụ gia
khẳng định vị trí nhà xuất khẩu uy
tín tại Việt Nam

Doanh thu và lợi nhuận gộp mảng sản xuất bao bì và hạt phụ gia đạt lần lượt 4.925 tỷ đồng và 874 tỷ đồng, đóng góp lần lượt 35% doanh thu và 49% lợi nhuận gộp trong kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2024. Mảng này được triển khai bởi CTCP Nhựa An Phát Xanh (HSX: AAA) và CTCP An Tiến Industries (HSX: HII). AAA giữ vững vị trí nhà xuất khẩu bao bì nhựa lớn nhất Việt Nam và Top 3 doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm nhựa lớn nhất Việt Nam (theo số liệu Tổng cục Hải Quan). Sản lượng bao bì và hạt phụ gia đều tăng trưởng so với năm trước. Không những vậy, Tập đoàn còn tận dụng lợi thế về quy mô và không ngừng cải thiện hiệu quả hoạt động, cải thiện biên lợi nhuận so với năm trước.



Giữ vững vị thế trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ

Lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và nhựa xây dựng của Tập đoàn bao gồm các sản phẩm nhựa kỹ thuật, khuôn đúc, và tấm ốp nhựa trần, sản được triển khai bởi CTCP Nhựa Hà Nội (HSX: NHH) và các công ty con của NHH. Năm 2024, doanh thu thuần mảng này đạt 1.951 tỷ đồng, giảm nhẹ 1% so với năm trước, nhưng nhờ việc tái cơ cấu sản phẩm/khách hàng nhắm đến các nhóm sản phẩm/khách hàng có biên lợi nhuận cao hơn, lợi nhuận gộp mảng này đã cải thiện đáng kể, đạt 364 tỷ đồng, tăng 22% so với năm trước.

Lĩnh vực thương mại nguyên vật
liệu ngành nhựa

Hoạt động trong lĩnh vực thương mại nguyên vật liệu ngành nhựa thực hiện thông qua CTCP An Thành Bicsol (ATT) và Công ty TNHH An Thành Bicsol Singapore (ATS) là 2 công ty con của HII. Doanh thu mảng thương mại hạt nhựa năm 2024 đạt 6.974 tỷ đồng, giảm 9% so với năm 2023, tuy nhiên, lợi nhuận gộp lên tới 430 tỷ đồng, tăng 67% so với cùng kỳ. Giá hạt nhựa ổn định trong năm là nguyên nhân giúp tăng hiệu quả mảng thương mại hạt nhựa.

Lĩnh vực bất động sản khu công
nghiệp

Năm 2024 doanh thu bất động sản khu công nghiệp đạt 141 tỷ đồng, tăng 7% so năm 2023 do tiếp tục ghi nhận doanh thu từ việc cho thuê mới Khu công nghiệp An Phát 1. Tỷ lệ lấp đầy KCN An Phát 1 hiện đạt 100%. 10095%. Tại ngày 31/12/2024, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn, tức tiền thuê đã nhận trước của các hợp đồng cho thuê bất động sản đầu tư thuộc Dự án An Phát Complex và Dự án Khu Công nghiệp An Phát 1 là 2.151 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN MỚI

Dự án Nhà máy 8

Dự án Nhà máy 8 của Công ty tại Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Sản phẩm chính của nhà máy là hạt nhựa compound và tấm sàn nhựa. Tháng 11 năm 2024, dự án đã hoàn thành và đi vào hoạt động.

Dự án Nhà máy sản xuất Bao bì nhựa và Bao bì phân hủy sinh học

Tháng 9/2024, HĐQT đã thông qua chủ trương đầu tư Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất Bao bì nhựa và Bao bì phân hủy sinh học với tổng vốn đầu tư ban đầu là 488,26 tỷ đồng. Sản phẩm mục tiêu của Dự án gồm: bao bì nhựa với công suất 10.500 tấn/năm và bao bì phân hủy sinh học với công suất 3.500 tấn/năm. Địa điểm thực hiện dự án là Lô CN09, KCN Kỹ thuật cao An Phát 1.

Tháng 11/2024, Dự án được điều chỉnh quy mô với tổng mức đầu tư tăng lên 945,75 tỷ đồng; tăng công suất bao bì nhựa lên 22.500 tấn/năm, công suất bao bì phân hủy sinh học được giữ nguyên ở mức 3.500 tấn/năm. Tiến độ Dự án dự kiến gồm 2 giai đoạn: giai đoạn 1 sẽ vận hành chính thức từ quý 3/2026 và giai đoạn 2 từ quý 3/2028.



Dự án nhà máy sản xuất nhựa kỹ thuật và khuôn mẫu

Dự án mở rộng nhà máy nhựa kỹ thuật là một bước đi chiến lược nhằm nâng cao năng lực sản xuất và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường trong và ngoài nước. Với tổng vốn đầu tư 1152 tỷ đồng, dự án tập trung vào việc mở rộng quy mô sản xuất các sản phẩm nhựa kỹ thuật cao cấp phục vụ cho ngành ô tô, điện – điện tử, thiết bị gia dụng và các lĩnh vực công nghiệp khác. Nhà máy sẽ được trang bị dây chuyền công nghệ hiện đại, ứng dụng các giải pháp sản xuất tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo độ chính xác và tính đồng nhất cao theo tiêu chuẩn quốc tế. Sau khi đi vào hoạt động, nhà máy có thể giúp gia tăng doanh thu ước tính lên 2.800 tỷ đồng/năm. Việc mở rộng nhà máy không chỉ củng cố vị thế của doanh nghiệp trong ngành nhựa kỹ thuật mà còn tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững và mở rộng thị trường xuất khẩu trong thời gian tới.

Dự án Khu công nghiệp Lương Điền – Ngọc Liên

Dự án khu công nghiệp Lương Điền – Ngọc Liên tiếp tục được triển khai mạnh mẽ với mục tiêu hoàn thiện cơ sở hạ tầng và thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Với tổng diện tích 150 ha và tổng mức đầu tư hơn 2.000 tỷ đồng, khu công nghiệp này được quy hoạch theo mô hình hiện đại, tích hợp hệ thống logistics, kho bãi và các dịch vụ hỗ trợ nhằm tối đa hóa hiệu quả hoạt động cho các doanh nghiệp đầu tư. Lương Điền – Ngọc Liên hướng đến thu hút các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ cao và sản xuất bền vững, góp phần thúc đẩy sự phát triển công nghiệp của khu vực. Việc hoàn thiện dự án này không chỉ giúp gia tăng nguồn thu từ cho thuê đất khu công nghiệp mà còn tạo động lực phát triển kinh tế địa phương, tạo việc làm cho hàng nghìn lao động và nâng cao sức hấp dẫn của Việt Nam đối với dòng vốn FDI.



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Bảng cân đối tài sản

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2023	% Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	6.433	6.461	-0,4%
Tài sản dài hạn	7.012	5.911	+18,6%
Tổng tài sản	13.445	12.372	+8,7%
Nợ phải trả	7.525	6.645	+13,2%
Trong đó: Nợ ngắn hạn	4.112	4.662	-11,8%
Nợ dài hạn	3.413	1.983	+72,1%
Vốn chủ sở hữu	5.919	5.727	+3,4%

Tài sản ngắn hạn:

Tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2024 đạt 6.433 tỷ đồng, xấp xỉ năm trước. Trong đó: tiền, các khoản tương đương tiền giảm từ 2.505 tỷ đồng năm 2023 xuống 2.421 tỷ đồng năm 2024. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng từ 804 tỷ đồng lên 1.280 tỷ đồng. Các khoản phải thu ngắn hạn tăng từ 1.443 tỷ đồng lên 1.806 tỷ đồng, chủ yếu do tăng phải thu khách hàng và trả trước cho người bán. Hàng tồn kho tăng từ 1.013 tỷ đồng lên 1.286 tỷ đồng, chủ yếu do giảm tăng tồn thương mại hạt nhựa.

Tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn tại ngày 31/12/2024 đạt 7.012 tỷ đồng, tăng 19% so với thời điểm cuối năm 2023. Trong đó tăng mạnh nhất là tài sản dở dang dài hạn, tăng từ 298 tỷ đồng cuối năm 2023 lên 1.225 tỷ đồng cuối năm 2024, chủ yếu do đầu tư mới Khu công nghiệp Lương Điện Ngọc Liên. Tài sản cố định tăng từ 2.814 tỷ đồng lên 3.039 tỷ đồng, chủ yếu do xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị cho Dự án Nhà máy 8 và một số Dự án mở rộng.

Nợ phải trả:

Cuối năm 2024, tổng nợ phải trả của Tập đoàn ở mức 7.525 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ. Trong đó nợ ngắn hạn giảm từ 4.662 tỷ đồng năm 2023 xuống 4.112 tỷ đồng năm 2024. Ngược lại, nợ dài hạn tăng mạnh từ 1.983 tỷ đồng lên 3.413 tỷ đồng năm 2024, chủ yếu do tăng doanh thu chưa thực hiện dài hạn tăng 500 tỷ do tăng tiền thuê đã nhận trước của các hợp đồng cho thuê bất động sản đầu tư thuộc Dự án Khu Công nghiệp An Phát 1, đồng thời vay dài hạn tăng gần 900 tỷ đồng trong kỳ do việc đầu tư mới Dự án Khu công nghiệp Lương Điện Ngọc Liên.

Vốn chủ sở hữu:

Vốn chủ sở hữu tăng từ 5.727 tỷ tại ngày 31/12/2023 lên 5.919 tỷ đồng tại ngày 31/12/2024, chủ yếu do giảm lỗ lũy kế so với cùng kỳ.

Báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2024	Năm 2023	Thay đổi %
Doanh thu thuần	14.193	14.522	-2%
Lợi nhuận gộp	1.783	1.426	+25%
Chi phí tài chính	234	333	-30%
Chi phí bán hàng	812	600	+35%
Chi phí quản lý	506	476	+6 %
Lợi nhuận sau thuế	310	219	+41%

Doanh thu thuần:

Doanh thu thuần năm 2024 đạt 14.193 tỷ đồng, giảm nhẹ 2% so với năm 2023. Doanh thu giảm chủ yếu do doanh thu thương mại hạt nhựa giảm do doanh nghiệp chủ động tái cơ cấu khách hàng, ưu tiên nhóm sản phẩm/khách hàng có biên lợi nhuận cao hơn.

Lợi nhuận gộp:

Năm 2024 lợi nhuận gộp hợp nhất đạt 1.783 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2023, nguyên nhân chủ yếu là do biên lợi nhuận mại thương mại tốt hơn năm ngoái do giá hạt nhựa ít biến động hơn, đồng thời, biên lợi nhuận các mảng sản xuất cũng cải thiện nhờ tối ưu hóa chi phí.

Chi phí tài chính:

Năm 2024 chi phí tài chính phát sinh là 234 tỷ đồng, giảm 30% so với năm 2023 nhờ trong năm Tập đoàn đã trả hết các khoản nợ trái phiếu và do lãi suất vay giảm. Trong đó, chi phí lãi vay giảm từ 288 tỷ đồng năm 2023 xuống 189 tỷ đồng năm 2024.

Chi phí bán hàng:

Năm 2024, chi phí bán hàng là 812 tỷ đồng, tăng 35% so với năm trước, chủ yếu do giá cước vận chuyển tăng.

Lợi nhuận sau thuế:

Năm 2024 lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 310 tỷ đồng, tăng 41% với năm 2023 nhờ việc tiết giảm chi phí tài chính và tối ưu hóa chi phí sản xuất.

Các chỉ số tài chính chủ yếu

	Hợp nhất		Công ty mẹ	
Chỉ tiêu	2023	2024	2023	2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,39	1,56	0,14	1,84
Hệ số thanh toán nhanh	1,17	1,25	0,13	1,83
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ vay/Tổng tài sản	0,31	0,29	0,18	0,14
Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	0,67	0,66	0,22	0,16
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	9,17	10,79	13,37	29,09
Vòng quay tổng tài sản	1,17	1,10	0,01	0,01
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,51%	2,18%	-160,05%	-414,53%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	3,66%	4,85%	-2,73%	-5,80%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,76%	2,40%	-2,21%	-4,84%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	2,10%	3,67%	-153,86%	-406,53%

Khả năng thanh toán:

Các chỉ số thanh toán của Công ty mẹ và hợp nhất đều duy trì ở mức lớn hơn 1, cho thấy Tập đoàn có thể hoàn thành tốt các nghĩa vụ nợ ngắn hạn phát sinh.

Cơ cấu vốn:

Hệ số nợ vay/tổng tài sản và nợ vay/vốn chủ sở hữu duy trì ở mức an toàn.

Hiệu quả hoạt động:

Chỉ số vòng quay hàng tồn kho hợp nhất của Tập đoàn tăng từ 9,17 vòng năm 2023 lên 10,79 vòng năm 2024. Chỉ số vòng quay tài sản theo báo cáo hợp nhất giảm từ 1,17 lần năm 2023 xuống 1,10 lần năm 2024 do tổng tài sản tăng, chủ yếu do tăng tài sản dài hạn KCN Lương Điện Ngọc Liên mới được hợp nhất năm 2024.

Khả năng sinh lời:

Các chỉ số sinh lời công ty mẹ sụt giảm, tăng số lỗ trong năm do Công ty thực hiện thoái vốn khoản đầu tư dẫn tới chi phí tài chính tăng cao. Mặc dù vậy, các chỉ số này theo báo cáo hợp nhất của Tập đoàn đều tăng so với năm 2023 chủ yếu nhờ tăng hiệu quả hoạt động thương mại và sản xuất.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG
Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế

Doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 nhằm kiểm soát chặt chẽ các tác động đến môi trường trong quá trình sản xuất. Hệ thống này đảm bảo việc sử dụng tài nguyên hiệu quả, giảm phát thải và xử lý chất thải đúng quy trình, góp phần xây dựng một nền sản xuất bền vững. Ngoài ra, các biện pháp tiết kiệm năng lượng, tối ưu hóa quy trình sản xuất và giảm thiểu chất thải nhựa cũng được triển khai đồng bộ nhằm hướng tới mô hình sản xuất xanh.



Định kỳ quan trắc môi trường
Doanh nghiệp thực hiện quan trắc môi trường định kỳ theo đúng quy định của pháp luật, bao gồm giám sát chất lượng nước thải, khí thải, tiếng ồn và chất thải rắn. Các chỉ số môi trường được đo lường thường xuyên để đảm bảo rằng hoạt động sản xuất không gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái và cộng đồng xung quanh. Các báo cáo quan trắc được tổng hợp và gửi đến cơ quan chức năng, đồng thời các biện pháp cải thiện cũng được thực hiện kịp thời nếu có dấu hiệu vượt ngưỡng tiêu chuẩn cho phép.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Doanh nghiệp cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam và các quy định liên quan. Các thủ tục pháp lý như đánh giá tác động môi trường (ĐTM), giấy phép xả thải và các yêu cầu khác đều được thực hiện nghiêm túc trước khi triển khai dự án. Ngoài ra, doanh nghiệp chủ động đầu tư vào các công nghệ xử lý chất thải tiên tiến nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng trong công tác thanh tra, kiểm tra môi trường.

Lan tỏa thông điệp tiêu dùng xanh, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường

Không chỉ tập trung vào hoạt động sản xuất, doanh nghiệp còn chú trọng đến việc lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng và đối tác kinh doanh. Các chương trình truyền thông về tiêu dùng xanh, giảm thiểu rác thải nhựa và tái chế được triển khai nhằm nâng cao nhận thức của người tiêu dùng. Đồng thời, doanh nghiệp khuyến khích nhân viên và đối tác áp dụng các giải pháp thân thiện với môi trường trong hoạt động hàng ngày, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và trách nhiệm với xã hội.



TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI XÃ HỘI
Tạo ra công ăn việc làm, an sinh xã hội

Với đội ngũ nhân sự gần 5.000 CBCNV, hệ thống 16 nhà máy, Tập đoàn đã tạo ra công ăn việc làm ổn định cho người dân tại các địa bàn hoạt động và khu vực lân cận. Với chính sách lao động trọn đời và những nỗ lực xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả, thân thiện, Tập đoàn đóng góp cho công tác an sinh xã hội tại địa phương.

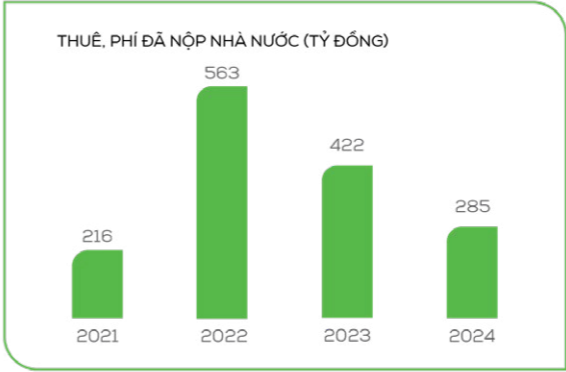


Chung tay xây dựng cộng đồng văn minh, phát triển
Tập đoàn tài trợ các chương trình an sinh xã hội tại địa phương như quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học, quỹ hội phụ nữ... Bên cạnh đó đội ngũ nhân sự được chú trọng đào tạo nâng cao về trình độ, năng lực, văn hóa, mang bộ gen người An Phát, trở thành những nhân tố tạo ra tác động tích cực tới cộng đồng xã hội.

Năm 2024, trước những thiệt hại nặng nề do cơn bão số 3 (bão Yagi) gây ra, Tập đoàn An Phát Holdings đã trao tặng 1,5 tỷ đồng nhằm hỗ trợ, giúp đỡ người dân trên địa bàn 2 tỉnh Hải Dương và Yên Bái khắc phục hậu quả do mưa lũ, nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Đóng góp cho ngân sách nhà nước

Với tăng trưởng kết quả kinh doanh, Tập đoàn hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, phí cho nhà nước, đóng góp cho nguồn thu ngân sách nhà nước.



Đẩy mạnh thu hút đầu tư tại địa phương thông qua tăng khai thác BĐS KCN

Năm 2024, Khu công nghiệp An Phát 1 đã đạt tỷ lệ lấp đầy 100%. Theo quy hoạch, KCN dự kiến thu hút từ 12.000 đến 15.000 lao động, định hướng thu hút các lĩnh vực công nghiệp theo định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh Hải Dương. Các khu công nghiệp của Tập đoàn được quy hoạch như một tổ hợp khu công nghiệp kỹ thuật cao, phát triển đầy đủ các dịch vụ đi kèm, hứa hẹn là điểm đến của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, thu hút đầu tư đến địa phương.

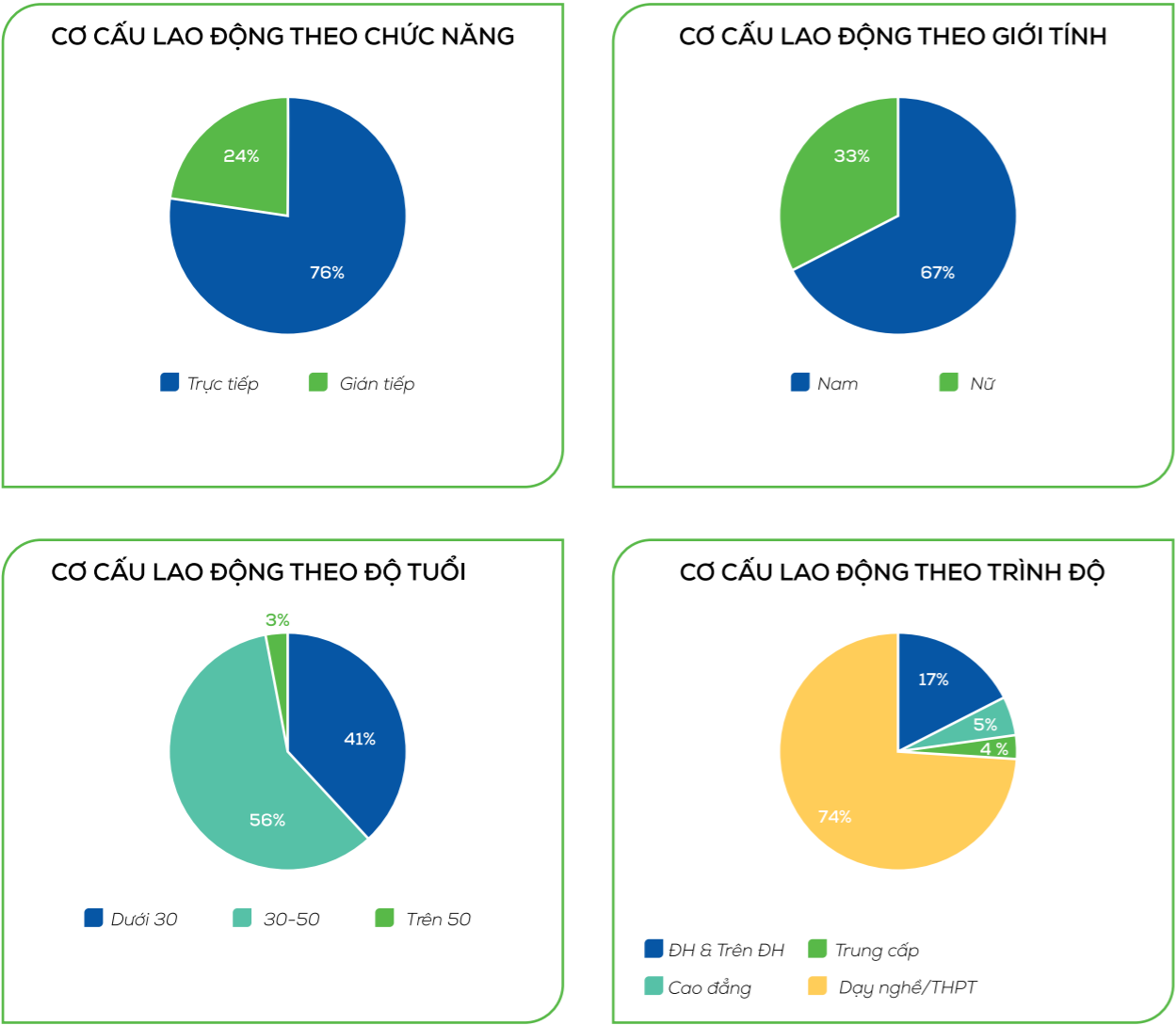
Phối hợp trong các công tác ngoại giao, tăng cường quảng bá địa phương

Năm 2024, An Phát Holdings phối hợp tổ chức đón tiếp các đoàn Ngoại giao, tăng cường xúc tiến đầu tư. Thông qua kết nối các tập đoàn sản xuất lớn trên thế giới và các nhà cung ứng tại địa phương, An Phát Holdings góp phần thúc đẩy lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ của tỉnh. Bên cạnh đó, An Phát Holdings tích cực phối hợp với chính quyền địa phương trong các công tác ngoại giao tiếp đón các phái đoàn ngoại giao.

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tình hình lực lượng lao động tại Tập đoàn

Số lượng nhân sự tại CTCP Tập đoàn An Phát Holdings tại ngày 31/12/2024 là 53 người. Tổng số lượng nhân sự Tập đoàn, bao gồm công ty mẹ và các công ty con là 4.818 người.



Chế độ làm việc

Đối với CBCNV khối văn phòng: theo giờ làm việc hành chính 8h/ngày, 5,5 ngày/tuần, sáng từ 08 giờ đến 12 giờ; chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Đối với CBCNV khối sản xuất được chia ca làm việc để đảm bảo quy trình sản xuất của nhà máy vận hành 24/24. CBCNV được hưởng chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng lương theo quy định của Luật lao động.

Chế độ bảo hiểm

Bảo hiểm xã hội (BHXH), Bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) được trích nộp cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Chính sách lương thưởng và phụ cấp

Năm 2024, Tập đoàn thực hiện trả đầy đủ và đúng hạn lương và các chế độ thưởng, hỗ trợ cho người lao động, tuân thủ các chính sách bảo hiểm, phúc lợi theo quy định của pháp luật. Không có trường hợp nợ lương của người lao động.

Nhằm đảm bảo sự linh hoạt, cạnh tranh và công bằng trong cách thức trả lương công ty áp dụng chính sách tính và trả lương theo KPI với tất cả CBCNV, ngoài trừ các vị trí công nhân, bốc vác, tạp vụ, lái xe, an ninh an toàn, các vị trí nhân viên kinh doanh đã áp dụng chính sách lương kinh doanh riêng và các vị trí tính lương khoán. Cơ chế trả lương như vậy sẽ giúp công ty giữ chân và thu hút nhân sự có chất lượng gắn bó với công ty, đồng thời tạo động lực nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công việc.

Tiền lương vị trí công việc của người lao động được đảm bảo ở mức cạnh tranh so với thị trường, góp phần ổn định công việc và nghề nghiệp, đảm bảo các lợi ích dài hạn cho CBCNV như lương hưu, bảo hiểm. Ngoài lương cố định, CBCNV còn được hưởng các loại phụ cấp. Chế độ phụ cấp được chia thành 2 loại: phụ cấp công việc và phụ cấp trách nhiệm. Phụ cấp công việc áp dụng cho các vị trí làm việc có tính chất đặc biệt theo quy định của Công ty với mức phụ cấp tính bằng 10% - 30% lương của người đảm nhiệm.



Hoạt động đào tạo

Năm 2024 công tác đào tạo tiếp tục được triển khai, hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm: hoàn thiện chính sách cho Giảng viên nội bộ, xây dựng các khóa đào tạo thường xuyên theo chuẩn chức danh, khung năng lực của Tập đoàn. Tập đoàn cũng hoàn thành số hóa thêm các khóa đào tạo khóa đào, tăng khả năng tiếp cận tới CBCNV. Các hình thức đào tạo tiếp tục được triển khai linh hoạt. Tập đoàn đã tổ chức 62 khóa đào tạo trực tiếp với gần 703 lượt đào tạo với các nội dung đào tạo Quản lý nguồn, Lãnh đạo cấp cao và kỹ năng/Chuyên môn nghiệp vụ cho CBNV toàn Tập đoàn. Ngoài ra còn tổ chức 56 khóa đào tạo trực tuyến với hơn 2.821 lượt đào tạo về các nội dung: đào tạo kỹ năng quản lý thời gian hiệu quả, kỹ năng giao tiếp hiệu quả, tư duy tích cực, kiến thức sản phẩm, đào tạo văn hóa 5S, đào tạo bảo mật thông tin, phổ biến quy trình mua sắm ...; đồng thời trang tin truyền thông nội bộ Người An Phát ra mắt với hơn 200 bài viết, cuộc thi, thu hút 24.646 lượt tương tác và bình luận.

Các hoạt động nội bộ chăm lo đời sống CBCNV

- Tổ chức thường niên chương trình gặp gỡ gia đình CBCNV giúp gia đình CBCNV được trực tiếp trải nghiệm, tham quan môi trường làm việc của CBCNV, từ đó tạo điều kiện để CBCNV an tâm công tác
- Tổ chức các chương trình chúc mừng ngày lễ tết, sinh nhật tập thể cho CBCNV
- Tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ gia đình CBCNV khi bị ốm đau, hiếu hỉ
- Tổ chức quyên góp hỗ trợ gia đình CBCNV có hoàn cảnh khó khăn



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Năm 2025, Tập đoàn tiếp tục mở rộng và tăng trưởng tại lĩnh vực cốt lõi là sản xuất các sản phẩm nhựa bao gồm nhựa bao bì, nhựa kỹ thuật, nhựa xây dựng, đảm bảo tiến độ tại các dự án sản xuất và BĐS KCN tại các công ty con. Đồng thời Tập đoàn tối ưu chi phí hoạt động của các đơn vị thành viên, tăng cường hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

Hoạt động sản xuất kinh doanh: Tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, đồng thời ưu tiên các nguồn lực triển khai các dự án sản xuất, KCN. Tập đoàn tiếp tục đa dạng hóa, tối ưu hóa cơ cấu sản phẩm, dịch vụ, khách hàng, thị trường tại các lĩnh vực nhựa bao bì, công nghiệp hỗ trợ, nhựa xây dựng, nguyên liệu ngành nhựa, nắm bắt xu thế chuyển dịch chuỗi cung ứng sang Việt Nam và xu hướng tiêu dùng xanh. Đồng thời, đảm bảo xây dựng hạ tầng và khai thác KCN Lương Điện Ngọc Liên và tìm kiếm, xây dựng quỹ đất KCN mới.

Nguồn vốn và đầu tư: triển khai các hình thức huy động vốn hiệu quả, kiểm soát và tối ưu hóa sử dụng nguồn vốn tài trợ dự án mới để phục vụ chiến lược kinh doanh ngắn, trung và dài hạn của Tập đoàn.

Quản trị doanh nghiệp và văn hóa doanh nghiệp: Hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo hướng hiệu quả, tinh gọn. Tiếp tục bồi đắp và phát huy văn hóa doanh nghiệp mang bộ Gen người An Phát, chú trọng hoạt động đào tạo – phát triển nguồn nhân lực, chuẩn bị nhân sự kế thừa, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả, thân thiện.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH

Bao bì

Mảng bao bì vẫn là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn An Phát Holdings trong năm 2025. Các thị trường chính sẽ tiếp tục là châu Âu, Nhật Bản và Mỹ. Năm 2025, mảng bao bì sẽ tập trung vào tăng công suất sản xuất đáp ứng nhu cầu xuất khẩu. Cụ thể, dự án mở rộng nhà máy bao bì sẽ giúp tăng công suất sản xuất thêm 12.000 tấn/năm, tương đương 10% công suất hiện tại.



Công nghiệp hỗ trợ và nhựa xây dựng

Mảng nhựa kỹ thuật và nhựa nội thất đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển dài hạn, góp phần gia tăng doanh thu và mở rộng thị phần trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và vật liệu xây dựng. Năm 2025, doanh nghiệp tập trung đẩy mạnh đầu tư và nâng cao năng lực sản xuất thông qua hai dự án trọng điểm: Dự án mở rộng nhà máy sản xuất nhựa kỹ thuật và Dự án mở rộng nhà máy sản xuất sản nhựa. Dự án mở rộng nhà máy nhựa kỹ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của các ngành công nghiệp ô tô, điện – điện tử và gia dụng, hướng tới mục tiêu đạt doanh thu 2.800 tỷ đồng/năm cho phần mở rộng này. Song song đó, Dự án mở rộng nhà máy sản nhựa sẽ nâng công suất thêm 6,5 triệu m²/năm, củng cố vị thế doanh nghiệp trong phân khúc vật liệu xây dựng cao cấp và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng tại thị trường quốc tế. Với chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, tối ưu hóa chi phí và không ngừng nâng cao chất lượng, mảng nhựa kỹ thuật và nhựa nội thất hứa hẹn sẽ trở thành động lực tăng trưởng quan trọng, giúp doanh nghiệp duy trì vị thế dẫn đầu và mở rộng dấu ấn trên thị trường.



Nguyên vật liệu ngành nhựa

Mảng nguyên vật liệu nhựa tiếp tục giữ vai trò cốt lõi trong chiến lược phát triển, đóng góp đáng kể vào doanh thu và lợi nhuận của Tập đoàn. Trong năm 2025, doanh nghiệp tập trung củng cố và mở rộng vị thế là Top 5 nhà xuất khẩu hạt nhựa phụ gia và Top 3 nhà cung cấp thương mại hạt nhựa PE, PP tại Việt Nam. Để đạt được mục tiêu này, doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư vào nghiên cứu và phát triển nhằm tối ưu hóa công thức hạt nhựa, nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Đồng thời, mở rộng mạng lưới phân phối và tìm kiếm thêm các đối tác chiến lược tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm như Mỹ, EU và Đông Nam Á. Việc tối ưu hóa chuỗi cung ứng, cải thiện năng lực sản xuất và nâng cao hiệu quả vận hành là những ưu tiên hàng đầu, giúp doanh nghiệp duy trì tính cạnh tranh và gia tăng thị phần. Với định hướng tập trung vào các sản phẩm có biên lợi nhuận cao và tiềm năng tăng trưởng dài hạn, mảng nguyên vật liệu nhựa sẽ tiếp tục là trụ cột vững chắc, thúc đẩy sự phát triển bền vững của Tập đoàn trong những năm tới.



BĐS Khu công nghiệp

Mảng bất động sản khu công nghiệp tiếp tục là lĩnh vực chiến lược quan trọng, đóng góp vào tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận dài hạn của Tập đoàn. Trong giai đoạn tới, trọng tâm là Dự án KCN Lương Điện Ngọc Liên, với mục tiêu hoàn thiện cơ sở hạ tầng và đưa vào khai thác nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Dự án này được định hướng trở thành KCN hiện đại, đồng bộ, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường và tiện ích, tạo sức hút mạnh mẽ đối với các doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghệ cao.

Bên cạnh việc triển khai KCN Lương Điện Ngọc Liên, Tập đoàn tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các KCN mới tại các khu vực có tiềm năng phát triển, đặc biệt là những khu vực có hạ tầng giao thông thuận lợi và chính sách ưu đãi. Đồng thời, mở rộng các dịch vụ hỗ trợ toàn diện như logistics, nhà xưởng xây sẵn, nhằm gia tăng giá trị cho khách hàng và tối ưu hóa hiệu quả khai thác quỹ đất. Với chiến lược đồng bộ và linh hoạt, mảng bất động sản KCN sẽ tiếp tục là động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển bền vững và mở rộng quy mô hoạt động của Tập đoàn trong những năm tới.



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Năm 2025, Tập đoàn APH đặt mục tiêu đạt doanh thu 9.179 tỷ đồng, giảm so với kết quả thực hiện năm 2024. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ dự kiến đạt 60 tỷ đồng, giảm 52% so với năm 2024. Mức giảm này chủ yếu do Tập đoàn tái cơ cấu danh mục đầu tư, giảm tỷ trọng đầu tư vào nhóm Nhựa thương mại và nguyên liệu nhựa, đồng thời do Tập đoàn đang trong giai đoạn đẩy mạnh đầu tư vào các dự án trọng điểm, với kỳ vọng mang lại đóng góp lợi nhuận lớn từ năm 2026-2027. Các dự án mở rộng bao gồm nhà máy sản xuất bao bì, nhà máy sản xuất sản nhựa, nhà máy nhựa kỹ thuật và KCN Lương Điện Ngọc Liên, đều đang được triển khai đúng tiến độ. Việc đầu tư đồng bộ và quy mô lớn là bước đi chiến lược nhằm củng cố vị thế dẫn đầu các mảng hoạt động cốt lõi, tạo nền tảng tăng trưởng bền vững cho những năm tiếp theo.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2025 CỦA TẬP ĐOÀN:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025
1	Doanh thu hợp nhất (tỷ đồng)	9.179
2	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ (tỷ đồng)	60



04

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Mô hình quản trị Tập đoàn An Phát Holdings	70
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	71
Báo cáo của Ban Kiểm soát	75
Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông	79
Quản trị rủi ro	88

Tập đoàn An Phát Holdings luôn nỗ lực để cải thiện hệ thống quản trị nhằm hoàn thành những mục tiêu kinh doanh, tạo nền móng cho sự phát triển bền vững, phát huy tối đa các giá trị cốt lõi.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tập đoàn. ĐHĐCĐ quyết định tổ chức và giải thể Tập đoàn, quyết định các định hướng phát triển của Tập đoàn, bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Hội đồng Quản trị do ĐHĐCĐ bầu ra và là cơ quan quản trị cao nhất của Tập đoàn, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHĐCĐ quyết định và thực hiện các vấn đề liên quan tới mục tiêu và lợi ích của Tập đoàn, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT Tập đoàn hiện có 5 thành viên, trong đó có 1 thành viên độc lập.

HĐQT hiện nay chưa thành lập các tiểu ban giúp việc vì cơ cấu tổ chức của Tập đoàn đang được tổ chức theo hướng tích hợp các chức năng kiểm soát, quản trị rủi ro vào chính các phòng ban chức năng của Tập đoàn để có thể linh hoạt giám sát hoặc tham gia trực tiếp ngay vào các hoạt động vận hành của các công ty con hay dự án.

Ngoài các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT, các giao dịch của giá trị nhỏ hơn hoặc các nhiệm vụ nằm ngoài thẩm quyền của HĐQT được giao cho Ban Điều hành quyết định.

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Điều hành.

Mối quan hệ giữa Công ty mẹ và các công ty thành viên

Các công ty con là các đơn vị trực tiếp tham gia vào các hoạt động sản xuất kinh doanh, hiện thực hóa các chủ trương, quyết định, chiến lược của Tập đoàn và các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh của mình. Các công ty con thực hiện báo cáo và công bố thông tin theo quy định của pháp luật, cơ chế quản lý nội bộ của Tập đoàn. Đồng thời các Công ty con có trách nhiệm trình Tập đoàn xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Tập đoàn với tư cách cổ đông, chủ sở hữu.

Mối quan hệ giữa Tập đoàn và các công ty con, công ty liên kết tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản trị, các quy định nội bộ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật có liên quan. Các nhiệm vụ, quy trình, dự án cần sự phối hợp của nhiều phòng ban chức năng tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên sẽ được phân định trách nhiệm thực hiện, quyết định, báo cáo để nâng cao tinh thần hợp tác, minh bạch và trách nhiệm.

Cơ chế phối hợp hoạt động giữa các đơn vị thành viên và Tập đoàn

Các công ty thành viên phối hợp với nhau nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động dựa trên nguyên tắc bình đẳng, thỏa thuận giữa các đơn vị độc lập về tư cách pháp nhân, vì lợi ích của đơn vị và lợi ích chung của Tập đoàn.

Tập đoàn quy định chính sách, định hướng phối hợp các lĩnh vực hoạt động trong phạm vi toàn Tập đoàn nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực, thế mạnh của các đơn vị thành viên.

Ban Điều hành bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Ban Điều hành tổ chức thực hiện các kế hoạch, chiến lược mà HĐQT đã đề ra cho Tập đoàn. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn.

Các bộ phận chức năng tại Tập đoàn có chức năng tham mưu, hỗ trợ HĐQT và Ban Điều hành để đề xuất các chiến lược, định hướng kinh doanh cho Tập đoàn, cũng như giám sát, hỗ trợ các công ty thành viên tăng cường hoạt động hiệu quả.

Các bộ phận chức năng thực hiện các hoạt động tập trung như: quản trị, nghiên cứu phát triển, chính sách nhân sự và đào tạo, tư vấn pháp luật, quản lý hệ thống công nghệ thông tin, phát triển thương hiệu, marketing, quan hệ công chúng, quan hệ cổ đông, quản lý vốn, thực hiện các giao dịch huy động vốn và mua bán, sáp nhập, đảm bảo huy động với chi phí tối ưu và sử dụng nguồn vốn đầu tư hiệu quả, tối đa hóa giá trị Tập đoàn và lợi ích của cổ đông. Đồng thời các phòng, ban sẽ thực hiện công tác quản trị và tương tác với các công ty con để đảm bảo hoạt động của các công ty con diễn ra hiệu quả nhất.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIỚI THIỆU HĐQT

HĐQT của Tập đoàn gồm 5 thành viên, trong đó có 1 Chủ tịch HĐQT, 2 Phó Chủ tịch HĐQT và 2 thành viên độc lập.

Thông tin chi tiết về các thành viên xem tại Chương 1

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	TV HĐQT	Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác
1	Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch HĐQT	Không Điều hành	04 Công ty, cụ thể: 11/2019 đến nay: Thành viên HĐQT Ankor Bioplastics Co., Ltd 01/2020 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Anbio 01/2022 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Sản xuất PBAT An Phát 06/2023 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh
				01 Công ty, cụ thể: 02/2021 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Nhựa An Phát Xanh
				Không có
2	Nguyễn Thị Tiệp	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	Điều hành	05 Công ty, cụ thể: 11/2019 đến nay: Thành viên HĐQT Ankor Bioplastics Co., Ltd 12/2021 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 09/2021 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1 08/2023 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Liên vận An Tín 06/2023 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Hà Nội
3	Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	Không điều hành	Không có
4	Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT	Điều hành	
5	Lim Heonyoung	Thành viên HĐQT	Độc lập	Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2024

Hoạt động giám sát

Thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị, các quy định, quy chế nội bộ và pháp luật hiện hành, HĐQT đã có những hoạt động giám sát như sau:

- Tổ chức giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh;
- Chuẩn bị nguồn vốn, chỉ đạo triển khai, giám sát các dự án của Tập đoàn;
- Chỉ đạo, chủ trì và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện đầy đủ chế độ Báo cáo tài chính và công bố thông tin trên thị trường;
- Giám sát thực hiện các Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành;
- Giám sát hoạt động của Ban Điều hành, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ hoạt động của Tập đoàn, các quy chế nội bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị doanh nghiệp.

Kết quả giám sát - Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều hành

Năm 2024, HĐQT đánh giá Tập đoàn và Ban Điều hành đã có nhiều nỗ lực để thích ứng với tình hình kinh doanh nhiều biến động, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được duy trì. Các công tác quản trị nội bộ được thực hiện tốt.

Năm 2024, Tập đoàn ghi nhận kết quả hoạt động với 14.193 tỷ đồng doanh thu và 310 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tương ứng hoàn thành 109% kế hoạch doanh thu và 110% kế hoạch lợi nhuận. Những nền tảng được xây dựng trong năm 2024 sẽ là đòn bẩy để Tập đoàn tiếp tục phát huy những thế mạnh, hoàn thành những mục tiêu chiến lược trong năm 2025 và các năm tiếp theo. Cụ thể:

Ban Điều hành đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ, chỉ đạo của HĐQT; tuân thủ chặt chẽ các quy định quản trị và quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp.

Ban Điều hành đã thực hiện tốt công tác giám sát, hỗ trợ các các công ty thành viên trong triển khai chiến lược kinh doanh, chỉ đạo kịp thời các biện pháp phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn sản xuất cho CBCNV.

Ban Điều hành đã báo cáo thường xuyên cho HĐQT về tình hình tài chính, tình hình quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư các dự án. Với việc trao đổi, cập nhật thông tin nhanh chóng và kịp thời như vậy, HĐQT luôn nắm bắt rõ tình hình hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và đưa ra những định hướng, chỉ đạo phù hợp với môi trường kinh doanh nhiều biến động.

Hoạt động họp và ban hành các Nghị quyết quan trọng

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 21 cuộc họp với tỷ lệ tham dự họp 100% của tất các các thành viên của HĐQT, ban hành 21 nghị quyết và quyết định, thông qua nhiều chủ trương, định hướng phát triển của Tập đoàn An Phát Holdings, trong đó có các nội dung như dưới đây.

Tỷ lệ tham dự họp của các thành viên HĐQT năm 2024

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Phạm Ánh Dương (miễn nhiệm tháng 10/2024)	19/19	100%
2	Ông Nguyễn Lê Trung	21/21	100%
3	Ông Phạm Đỗ Huy Cường	21/21	100%
4	Bà Nguyễn Thị Tiệp	21/21	100%
5	Ông Nguyễn Lê Thăng Long (miễn nhiệm tháng 5/2024, bổ nhiệm tháng 10/2024)	10/10	100%
6	Ông Lim HeonYoung	21/21	100%
7	Ông Nirav Sudhir Patel (miễn nhiệm tháng 5/2024)	08/08	100%

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT năm 2024

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	150102/2024/NQ - HĐQT	15/01/2024	Thông qua giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan phát sinh trong năm 2024	100%
2	250301/2024/NQ - HĐQT	25/03/2024	Thông qua giao dịch giữa Công ty với bên liên quan – Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1	100%
3	270302/2024/NQ - HĐQT	27/03/2024	Thông qua việc triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
4	010401/2024/NQ - HĐQT	01/04/2024	Thông qua việc bán cổ phiếu CTCP Nhựa Hà Nội	100%
5	250402/2024/NQ - HĐQT	25/04/2024	Thông qua thời gian, địa điểm và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
6	170501/2024/NQ - HĐQT	17/05/2024	Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
7	290505/2024/NQ - HĐQT	29/05/2024	Thông qua việc bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT	100%
8	050601/2024/NQ - HĐQT	05/06/2024	Thông qua việc bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh vay vốn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	100%
9	130601/2024/NQ - HĐQT	13/06/2024	Thông qua phương án mua lại toàn bộ trái phiếu APHH2325001 trước hạn	100%
10	250601/2024/NQ - HĐQT	25/06/2024	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2024	100%
11	150801/2024/NQ - HĐQT	15/08/2024	Thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024	100%
12	290801/2024/NQ - HĐQT	29/08/2024	Sửa chi tiết một số ngành nghề kinh doanh của Công ty	100%
13	050901/2024/NQ - HĐQT	05/09/2024	Điều chỉnh kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024	100%
14	060901/2024/NQ - HĐQT	06/09/2024	Tiếp nhận đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT của Ông Phạm Ánh Dương	100%
15	100901/2024/NQ - HĐQT	10/09/2024	Thông qua việc bán cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	100%
16	100901/2024/NQ - HĐQT	10/09/2024	Thông qua giao dịch giữa Công ty với bên liên quan – Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1	100%
17	170901/2024/NQ - HĐQT	17/09/2024	Thông qua thời gian, địa điểm và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024	100%
18	250901/2024/NQ - HĐQT	25/09/2024	Thông qua việc miễn nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc của Công ty đối với Ông Nguyễn Lê Thăng Long	100%
19	270901/2024/NQ - HĐQT	27/09/2024	Thông qua đề cử ứng viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung và tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 bổ sung	100%
20	091005/2024/NQ - HĐQT	09/10/2024	Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT Công ty	100%
21	1010/2024/NQ - HĐQT	10/10/2024	Bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội vay vốn tại Ngân hàng TNHH Thương mại Taipei Fubon	100%

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Người phụ trách quản trị công ty đã tham gia các khóa học, các buổi tập huấn theo quy định về quản trị công ty. Ngoài ra, HĐQT còn sắp xếp và cử đại diện tham dự các khóa đào tạo, tập huấn do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh tổ chức nhằm nâng cao tính tuân thủ của Công ty đối với các quy định do Nhà nước ban hành.

ĐỊNH HƯỚNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Bên cạnh việc tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản trị doanh nghiệp, phát huy các nguyên tắc quản trị tiên tiến bao gồm: Công bằng, Trách nhiệm, Trách nhiệm giải trình, Minh bạch, Tập đoàn An Phát Holdings hướng đến phát triển và bồi đắp văn hóa doanh nghiệp với phương châm “Con người là tài sản lớn nhất của doanh nghiệp. Mọi sự thành bại, mọi hoạt động đều quy tụ lại ở yếu tố con người.” Toàn bộ đội ngũ nhân sự của Tập đoàn được xây dựng để mang bộ Gen Người An Phát. Cán bộ lãnh đạo được bồi đắp để tuân thủ theo bộ nguyên tắc ứng xử 9G: coi các nhân viên dưới quyền như thành viên trong Gia đình, luôn Giữ tín với cấp dưới, cấp trên và đối tác, khách hàng, phải Gương mẫu trong lối sống, công việc; biết Gánh vác các công việc, trách nhiệm chung; luôn Gần gũi với nhân viên; biết Gợi mở để khơi nguồn sáng tạo của nhân viên, Giúp đỡ kịp thời, san sẻ khó khăn, bao dung với nhân viên, thường xuyên Giáo dục, đào tạo, nâng cao trình độ của nhân viên; đồng thời cũng phải Giám sát công việc của cấp dưới qua đánh giá hiệu quả công việc một cách công bằng và có hệ thống. Ngoài ra Tập đoàn chú trọng việc xây dựng đội ngũ lãnh đạo kế cận để sẵn sàng đảm đương các nhiệm vụ quan trọng trong tương lai. Nhiều chương trình đào tạo cán bộ nguồn được triển khai để nâng cao năng lực và bồi đắp gắn bó lâu dài với Tập đoàn.

Trong năm 2025, dưới các yêu cầu cao hơn của pháp luật, thị trường, HĐQT tập trung vào các định hướng quản trị sau:

Tập đoàn xác định mô hình hoạt động, quản trị là mô hình Tập đoàn, trong đó sẽ phát triển mở rộng lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là sản xuất các nguyên liệu, sản phẩm nhựa bao gồm nhựa bao bì, nhựa kỹ thuật, nhựa xây dựng và hạt nhựa phụ gia. Nhựa sinh học thân thiện với môi trường vẫn là mũi nhọn trong định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Tập đoàn.

Để cao tính hiệu quả trong quản trị, tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản trị dựa trên bốn cột trụ: công bằng, trách nhiệm, trách nhiệm giải trình, minh bạch.

Tập trung phát triển đội ngũ cán bộ nguồn, ưu tiên đào tạo và thăng tiến nội bộ.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát của Tập đoàn gồm 03 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu ra, hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Điều hành. Hiện tất cả các thành viên Ban Kiểm soát đều là thành viên độc lập, không kiêm nhiệm chức danh điều hành nào tại Tập đoàn để đảm bảo tính độc lập và khách quan trong hoạt động kiểm tra, giám sát và kiến nghị trong lĩnh vực quản trị rủi ro, nâng cao năng lực quản trị, tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán tại Tập đoàn. Các thành viên BKS đều là những người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là Thành viên BKS
1	Bà Phạm Thị Nguyệt	Trưởng Ban	29/05/2024
2	Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên	28/11/2019
3	Bà Phạm Thị Hoa	Thành viên	28/11/2019

Chi tiết sơ yếu lý lịch của các thành viên Ban Kiểm soát vui lòng xem tại Chương 1.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

Năm 2024 Ban Kiểm soát tăng cường vai trò trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát, phối hợp với HĐQT và Ban Điều hành bám sát quá trình triển khai và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được quy định, Ban Kiểm soát cũng tham gia giám sát công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ tại Tập đoàn cũng như ở các đơn vị thành viên, đảm bảo các hoạt động vận hành, sản xuất kinh doanh, tuân thủ theo các quy định của pháp luật và quy chế quản trị của Tập đoàn, góp phần hạn chế rủi ro trong các lĩnh vực hoạt động.

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã triển khai các nhiệm vụ chính sau:

Giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2024;

Giám sát và đưa ra ý kiến đánh giá về việc thực hiện các mục tiêu về sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Tập đoàn;

Thẩm tra Báo cáo tài chính năm để đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam;

Soát xét, thẩm định các giao dịch trọng yếu của Tập đoàn và các đơn vị thành viên với các bên liên quan.

Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Tập đoàn và các công ty thành viên đã niêm yết theo quy định của pháp luật;

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp để triển khai các nhiệm vụ.



NỘI DUNG CHÍNH VÀ KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP CỦA BKS TRONG NĂM

Phiên họp	Thành phần tham dự	Nội dung chính	Kết quả
16/04/2024	3/3	Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023; Thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2023 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;	Các số liệu kế toán đảm bảo đầy đủ, khách quan, trung thực và chính xác với thực tế; Thống nhất nội dung Báo cáo hoạt động BKS năm 2023;
18/06/2024	3/3	Đánh giá, xem xét tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT trong quý 2; Kiểm tra các quy trình thực hiện và tuân thủ các quy định liên quan tới công bố thông tin.	Các phòng, ban chức năng và các đơn vị thành viên thực hiện nghiêm túc và triển khai các nghị quyết của HĐQT ban hành.
16/09/2024	3/3	Đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết HĐQT; Đánh giá hoạt động giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực, mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán thống kê, lập báo cáo tài chính.	Các phòng, ban chức năng và các đơn vị thành viên thực hiện nghiêm túc và triển khai các nghị quyết của HĐQT ban hành; Công tác kế toán được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật và chế độ kế toán hiện hành, đảm bảo tính khách quan, trung thực, đúng với thực tế hoạt động kinh doanh của công ty.
24/12/2024	3/3	Rà soát các nghị quyết HĐQT ban hành trong nửa cuối năm 2024 và đánh giá kết quả thực hiện ; Đánh giá việc thực thi các quy định của pháp luật về thuế, chính sách tiền lương, tiền thưởng, BHYT, BHXH, cổ tức,...	Các bộ phận liên quan đã thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT, không để xảy ra sai sót; Việc thực thi các quy định của pháp luật về thuế, chính sách tiền lương, tiền thưởng, BHYT, BHXH cho người lao động và chi trả cổ tức cho cổ đông đều được thực thi đầy đủ, kịp thời, và nghiêm chỉnh.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ NĂM 2024

- Thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh: năm 2024, Tập đoàn hoàn thành 109% chỉ tiêu về doanh thu và 110% chỉ tiêu lợi nhuận;
- Phối hợp với HĐQT chọn EY là đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính của Tập đoàn và các công ty con;
- Nhận thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên;
- Triển khai phương án mua lại cổ phiếu ưu đãi cổ tức, hoàn lại và có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HĐQT VÀ BĐH

- HĐQT đã giám sát chặt chẽ các hoạt động của BĐH trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Năm 2024, HĐQT đã tiến hành 21 phiên họp, đã thông qua và ban hành 21 nghị quyết và quyết định thuộc thẩm quyền HĐQT. Các phiên họp của HĐQT có số thành viên tham dự đảm bảo theo đúng quy định. Số phiên họp của HĐQT đảm bảo theo đúng quy định tại điều lệ Công ty.
- Ban hành kịp thời các Nghị quyết sau khi có kết quả kiểm phiếu dưới hình thức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản các thành viên thông qua tờ trình. Các nghị quyết của HĐQT được ban hành đúng chức năng, quyền hạn của HĐQT và phù hợp với chủ trương, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật. Trong công tác phối hợp với BKS: HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ. Các Tờ trình, Nghị quyết, biên bản kiểm phiếu biểu quyết của HĐQT đều được gửi tới BKS để tạo thuận lợi cho công tác của BKS.
- Các vấn đề quan trọng đều được HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản; việc bầu thành viên trong HĐQT đều được HĐQT xin ý kiến của ĐHĐCĐ theo đúng quy định.
- Dưới sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của HĐQT, trong năm 2024 BĐH đã chủ động trong việc hoàn thành các chức năng, nhiệm vụ được giao, chỉ đạo thường xuyên để đưa ra các giải pháp kinh doanh, kế hoạch ứng biến kịp thời với diễn biến của môi trường kinh doanh, khắc phục khó khăn, quyết tâm hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua và các nghị quyết, quyết định của HĐQT. BĐH đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo đúng các định hướng, chỉ đạo của HĐQT.

KIỂM SOÁT VIỆC TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT:

Công tác Công bố thông tin của Tập đoàn thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành, không có sai phạm nào báo cáo.

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH

Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính:

Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất quý, năm và bán niên năm 2024 đã được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán, thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và tuân thủ các quy định, các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam. BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2024 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng, hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Kết quả kinh doanh:

Ban Kiểm soát thống nhất về các số liệu đã được thể hiện trong báo cáo riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2024

Ưu điểm:

- Các thành viên Ban Kiểm soát làm việc trên tinh thần độc lập, khách quan, và tuân thủ các quy định pháp luật trong công tác giám sát các hoạt động của Tập đoàn.
- Ban Kiểm soát đã phối hợp tốt với HĐQT và BDH, các phòng ban chức năng để hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của Ban, thực hiện kiểm tra, giám sát quá trình hoạt động của công ty, phát hiện các rủi ro tiềm tàng, đề xuất các giải pháp khắc phục, đảm bảo hoạt động của Tập đoàn an toàn, hiệu quả và tuân thủ pháp luật.

Tồn tại:

Do quy mô Tập đoàn lớn, số lượng thành viên Ban Kiểm soát còn ít nên phạm vi soát xét, giám sát còn hạn chế, cần được tăng cường, đẩy mạnh hơn nữa.

ĐỀ XUẤT CỦA BKS CHO NĂM 2025

Nhằm phát huy hơn nữa vai trò trong việc giám sát, kiểm tra tính tuân thủ, minh bạch trong hoạt động của Tập đoàn, BKS sẽ đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động kiểm tra giám sát nội bộ, cụ thể:

- Tăng cường kiểm tra, giám sát tuân thủ các quy định, quy trình, quy chế trong quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn;
- Định kỳ kiểm tra việc hạch toán, lập báo cáo tài chính quý, năm của Tập đoàn;
- Tiếp tục nghiên cứu, tư vấn và đề xuất với HĐQT, BDH các giải pháp để hoàn thiện hệ thống quản trị và quản trị rủi ro của Tập đoàn theo các thông lệ quốc tế, nhằm tăng cường minh bạch, hạn chế rủi ro trong vận hành.



THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Tại ngày 31/12/2024, các thông tin về cổ phiếu APH của Tập đoàn An Phát Holdings như sau:

Mã chứng khoán: **APH**
Sàn giao dịch: **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh**
Ngày giao dịch đầu tiên: **28/7/2020**
Mệnh giá: **10.000 đồng**

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: **243.884.268 cổ phiếu**,

Trong đó:

Số lượng cổ phiếu phổ thông niêm yết: 243.884.268 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu phổ thông chưa niêm yết: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: **0 cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: **243.884.268 cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: **0 cổ phiếu**

Giá trị vốn hóa thị trường (tại ngày 31/12/2024): **1.707 tỷ đồng**



THỐNG KÊ GIAO DỊCH NĂM 2024

Tổng số phiên giao dịch

234 phiên

Tổng khối lượng khớp lệnh

349.802.300 cổ phiếu

Tổng giá trị khớp (triệu đồng)

3.044.324

Thống kê theo giá cổ phiếu	Ngày	Giá (VND/CP)	Thống kê theo khối lượng cổ phiếu	Ngày	Khối lượng (CP)
Đóng cửa	31/12/2024	7.000	Đóng cửa	31/12/2024	790.400
Cao nhất	06/06/2024	10.900	Cao nhất	28/05/2024	10.624.400
Thấp nhất	12/09/2024	6.050	Thấp nhất	18/01/2024	186.100
			Giao dịch trung bình mỗi ngày		1.494.882



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Quá trình tăng vốn điều lệ của Tập đoàn từ khi thành lập như sau:

Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm (nghìn đồng)	Vốn điều lệ (thực góp) sau tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận phát hành tăng vốn	Mục đích sử dụng vốn
Tháng 03/2017	15.000.000	15.000.000	Các cổ đông sáng lập góp vốn bằng tiền thành lập Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	Góp vốn thành lập Công ty
Tháng 06/2017	535.000.000	550.000.000	Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Các cổ đông góp vốn bằng tiền. (*)	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	Mua cổ phiếu AAA, VBC và cho AAA vay
Tháng 08/2017	550.000.000	1.100.000.000	Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Các cổ đông góp vốn bằng tiền.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	Mua chứng quyền AAA, mua cổ phiếu AAA, CTCP Sản xuất Tổng hợp An Thành, CTCP Liên Vận An Tín, mua cổ phần CTCP Nhựa Bao Bì Vĩnh (VBC) và đầu tư tài chính ngắn hạn.
Tháng 02/2018	141.148.800	1.241.148.800	Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược. Các cổ đông góp vốn bằng tiền.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	Đầu tư vào các công ty con như AAA, CTCP Nhựa Bao Bì An Vinh
Tháng 10/2018	41.794.680	1.282.943.480	Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược. Các cổ đông góp vốn bằng tiền.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	Đầu tư vào công ty con AAA
Tháng 01/2019	84.675.510	1.367.618.990	Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư cần trả công nợ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	Hoán đổi khoản vay. Những khoản vay trước đó được sử dụng vào việc đầu tư cổ phiếu AAA và bổ sung vốn lưu động.
Tháng 07/2019	32.000.000	1.423.773.390	Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư. Các cổ đông góp vốn bằng tiền.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	Bổ sung vốn kinh doanh; tái cấu trúc các khoản nợ.
Tháng 09/2019	32.000.000	1.423.773.390	Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư. Các cổ đông góp vốn bằng tiền.	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	Bổ sung vốn kinh doanh; tái cấu trúc các khoản nợ.
Tháng 07/2020	43.000.000	1.466.773.390	Chào bán ra công chúng, bán đấu giá công khai qua Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước	Toàn bộ số vốn thu được, bao gồm cả phần thặng dư vốn, được Công ty sử dụng để đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất nguyên vật liệu sinh học tự hủy (Dự án PBAT); bổ sung vốn lưu động và mua cổ phiếu AAA tăng tỷ lệ sở hữu
Tháng 4/2021	557.449.830	2.024.223.220	Chào bán cho cổ đông hiện hữu. Các cổ đông góp vốn bằng tiền	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước	Mua cổ phiếu AAA (bao gồm mua trên sàn hoặc/và mua cổ phiếu phát hành thêm) để tăng tỷ lệ sở hữu
Tháng 2/2022	487.768.260	2.511.991.480	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước	Do phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu nên không phát sinh vốn góp tăng thêm.
Tháng 3/2023	(73.148.800)	2.438.842.680	Mua lại cổ phiếu ưu đãi	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước	Mua lại cổ phiếu để hoàn lại phần vốn góp của cổ phần ưu đãi cổ tức, hoàn lại và có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo yêu cầu của Người sở hữu cổ phần ưu đãi

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2024 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ. Hiện tại, số lượng cổ phiếu quỹ Công ty: 0 cổ phiếu.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(Theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/02/2025)

Danh mục	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ trên vốn điều lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	175.251.749	71,86%
1- Cổ đông tổ chức	32.636.849	13,38%
2- Cổ đông cá nhân	142.614.900	58,48%
II. Cổ đông nước ngoài	68.632.519	28,14%
1. Cổ đông tổ chức	67.689.211	27,75%
2. Cổ đông cá nhân	943.308	0,39%
III. Cổ phiếu quỹ	-	-
Tổng cộng	243.884.268	100%

CƠ CẤU SỞ HỮU THEO LOẠI CỔ ĐÔNG

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ
Sở hữu từ 5% trở lên	0	0	67.102.750	27,51%	67,102,750	27,51%
Sở hữu dưới 5%	175.251.749	71,86%	1.529.769	0,63%	176.781.518	72.49%
Tổng	175.251.749	71,86%	68.632.519	28,14%	243.884.268	100%

Cổ đông	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ
Nhà nước	-	-	-	-	-	-
Nội bộ	6.813.875	2,79%	-	-	6.813.875	2,79%
Khác	168.437.874	69,06%	68.632.519	28,14%	237.070.393	97,21%
Tổng	175.251.749	71,86%	68.632.519	28,14%	243.884.268	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 100%

SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

(Theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/02/2025)

STT	Họ tên	Chức vụ	Tổng số lượng sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch HĐQT	750	0,0003%
2	Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	5.562.500	2,28%
3	Nguyễn Thị Tien	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực	125.000	0,05%
4	Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.125.000	0,46%
5	Lim Heon Young	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
6	Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính	625	0,0003%
7	Trần Thị Thoản	Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất	-	-
8	Phạm Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	-	-
9	Hồ Thị Hòe	Kế toán trưởng	-	-
10	Phạm Thị Nguyệt	Trưởng Ban kiểm soát; Người được ủy quyền CBTT, người phụ trách quản trị Công ty	-	-
11	Phạm Thị Hoa	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
12	Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
Tổng cộng			6.813.875	2,79%

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ LIÊN QUAN ĐẾN CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT; Tổng Giám đốc	1.875.000	0,77%	1.125.000	0,46%	Bán cổ phiếu trên sàn theo phương thức khớp lệnh
2	Nguyễn Thị Tien	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực	875.000	0,36%	125.000	0,05%	Bán cổ phiếu trên sàn theo phương thức khớp lệnh
3	Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính kế toán	500.625	0,21%	625	0,0003%	Bán cổ phiếu trên sàn theo phương thức khớp lệnh
4	Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT (hiện đã miễn nhiệm)	11.875.000	4,87%	3,687,900	1,51%	Bán cổ phiếu trên sàn theo phương thức khớp lệnh

GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(Xem tại mục báo cáo tài chính)

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BDH

Nguyên tắc chi trả thù lao của HĐQT, BKS và BDH

Việc chi trả thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT, BKS, BDH tuân thủ theo định mức quy định tại Điều lệ Công ty về chế độ thù lao, tiền thưởng và các chi phí hoạt động, đồng thời được ĐHĐCĐ thông qua tại mỗi kỳ ĐHĐCĐ thường niên và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích chi trả cho HĐQT, BKS và BDH năm 2024

Tổng mức thù lao của thành viên HĐQT và thành viên BKS được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Tập đoàn phê duyệt như sau:

Mức thù lao	Mức ĐHĐCĐ phê duyệt năm 2024 (đồng/người/tháng)
Hội đồng quản trị	
Chủ tịch	15.000.000
Thành viên	10.000.000
Ban kiểm soát	
Trưởng BKS	5.000.000
Thành viên	3.000.000

Trong năm Tập đoàn đã thực hiện chi trả thù lao theo mức được ĐHĐCĐ thường niên 2024 phê duyệt.

Năm 2024 thu nhập (bao gồm lương, thưởng, thù lao) của các thành viên HĐQT, BDH như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 9 tháng 10 năm 2024)	95.000.000	120.000.000
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 9 tháng 10 năm 2024)	135.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.444.702.085	2.752.629.666
Bà Nguyễn Thị Tien	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực	3.358.831.250	2.753.283.000
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024)	50.000.000	120.000.000
Ông Lim Heon Young	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
TỔNG CỘNG		7.323.533.335	6.165.912.666

Thù lao của Ban kiểm soát	Năm nay	Năm trước
	132.000.000	132.000.000
TỔNG CỘNG	132.000.000	132.000.000

CÁC CHẾ ĐỘ ĐÃ NGỘ KHÁC ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BKS VÀ BDH:

Ngoài các khoản tiền lương và thù lao, các thành viên HĐQT; BKS, BDH còn được hưởng các chế độ đãi ngộ khác như:

- Kiểm tra sức khỏe định kỳ: Thành viên HĐQT, BKS; BDH và người thân được kiểm tra sức khỏe định kỳ mỗi năm hai lần theo gói khám sức khỏe đặc biệt tại phòng khám đa khoa VIP 12. Chi phí khám sức khỏe do Công ty thanh toán theo chi phí phát sinh thực tế.
- Bảo hiểm sức khỏe: Ngoài các chế độ bảo hiểm được hưởng theo đúng quy định của pháp luật, các thành viên HĐQT, BKS và BDH được hưởng gói Bảo hiểm sức khỏe cho bản thân và người thân do Tập đoàn chi trả.
- Phụ cấp điện thoại di động: mỗi thành viên HĐQT; BKS; BDH được Tập đoàn thanh toán cước điện thoại di động theo chi phí phát sinh thực tế do có thể sử dụng điện thoại cá nhân để phục vụ cho công việc.
- Chế độ đi công tác: thành viên HĐQT; BKS và BDH đi công tác đường hàng không được sử dụng hãng hàng không Vietnam Airlines. Thành viên HĐQT; BKS và BDH được thanh toán công tác phí theo chi phí phát sinh thực tế phù hợp với công việc.

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

CHÍNH SÁCH QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông là một trong mục tiêu cốt lõi trong quản trị doanh nghiệp. Với phương châm đó, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cổ đông là ưu tiên hàng đầu trong công tác Quan hệ nhà đầu tư (IR) của Tập đoàn. Dù mới chính thức được niêm yết từ cuối tháng 7/2020, Tập đoàn đã nỗ lực hoàn thiện các hoạt động quan hệ cổ đông, hướng tới việc bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cổ đông theo các quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế quản trị của Tập đoàn, đảm bảo tính minh bạch và bình đẳng trong đối xử với cổ đông. Bên cạnh đó, hoạt động IR của Tập đoàn hướng đến mục tiêu cung cấp thông tin giúp thị trường có cái nhìn công bằng, chính xác về tình hình tài chính hiện tại và triển vọng kinh doanh của Tập đoàn, từ đó phản ánh đúng giá trị doanh nghiệp.

MỤC TIÊU CÁC HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Đảm bảo độ tin cậy của số liệu tài chính cung cấp:

Tập đoàn duy trì thực hiện soát xét các báo cáo tài chính bán niên và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm. Năm 2024, báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm của Tập đoàn và các công ty thành viên được soát xét và kiểm toán bởi CT TNHH Ernst & Young Việt Nam. Các báo cáo tài chính tuân thủ theo tiêu chuẩn kế toán Việt Nam (VAS), không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

Chủ động, minh bạch và bình đẳng trong công bố thông tin:

APH đảm bảo tính trung thực, minh bạch và thống nhất trong việc cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan, bảo đảm tất cả các cổ đông được đối xử bình đẳng, bất kể là cổ đông cá nhân hay tổ chức, trong nước hay nước ngoài. Chính sách bảo vệ quyền lợi cổ đông và đảm bảo sự bình đẳng giữa cổ đông lớn và cổ đông thiểu số được thể hiện bằng việc các cổ đông được cung cấp thông tin như nhau, bao gồm các thông tin về các đợt phát hành, thông tin mời họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty được cập nhật kịp thời và chính xác thông qua website www.anphatholdings.vn, mục Quan hệ Nhà đầu tư. Trong năm 2024, APH tuân thủ các quy định về công bố thông tin theo quy định, không có sai phạm nào bị báo cáo. Ngoài ra, Tập đoàn chủ động cập nhật các thông tin được đánh giá là trọng yếu đối với lợi ích của nhà đầu tư như chiến lược, dự án mới, sản phẩm mới, các bước tiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp tác, nghiên cứu phát triển. Ngoài nội dung về các hoạt động của Tập đoàn, các kênh thông tin còn hướng đến nâng cao nhận thức của nhà đầu tư, khách hàng, đối tác về vấn đề môi trường, xây dựng thói quen tiêu dùng xanh, lối sống xanh.

Đa dạng hóa các kênh thông tin và tương tác với nhà đầu tư:

Thông tin là nền tảng của mọi quyết định, vì vậy việc cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin trọng yếu sẽ giúp các nhà đầu tư và cổ đông đưa ra những quyết định đúng đắn. Năm 2024, Tập đoàn thực hiện công bố thông tin trên nhiều kênh thông tin và hình thức như website, báo chí, cổng thông tin của HOSE, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Bản tin Nhà đầu tư hàng quý, báo cáo thường niên, họp ĐHĐCĐ và các buổi họp trực tuyến với nhà đầu tư.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Quản trị rủi ro là công cụ quan trọng để đảm bảo quản trị hiệu quả và sự phát triển bền vững của Tập đoàn. Tại An Phát, đạo đức nghề nghiệp và văn hóa tuân thủ được xác định là nền tảng cốt lõi của quản trị rủi ro.

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO



Nhận diện rủi ro

Xác định các rủi ro có thể ảnh hưởng đến mục tiêu kinh doanh của Tập đoàn, nguồn phát sinh và khả năng ảnh hưởng của các rủi ro. Tập đoàn rà soát rủi ro trong tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, lập và cập nhật danh mục và nhóm rủi ro, nhận diện các yếu tố rủi ro.

Phân tích rủi ro

Đánh giá nguồn phát sinh của rủi ro, mức độ có thể tác động và khả năng xảy ra rủi ro.

Đánh giá rủi ro

Xếp hạng và đánh giá thứ tự của rủi ro dựa trên các phương diện, cả định lượng và định tính.

Xử lý rủi ro

Xây dựng phương án xử lý, đánh giá, lựa chọn, và triển khai giải pháp phù hợp để ứng phó. Tập đoàn quan điểm sẽ chấp nhận những rủi ro hợp lý, được tính toán kỹ lưỡng để nắm bắt cơ hội, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực mà rủi ro gây ra.

Giám sát rủi ro

Tập đoàn duy trì liên tục soát xét và đánh giá lại, đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của hệ thống QTRR.

Đào tạo và tham vấn

Tập đoàn duy trì các hoạt động đào tạo, truyền thông để nâng cao nhận thức, hiểu biết của CBCNV về các rủi ro tiềm tàng, công cụ xử lý. Đồng thời Tập đoàn tham vấn ý kiến của các bên liên quan, đảm bảo các bên liên quan nhận thức đầy đủ về vai trò và trách nhiệm của QTRR.

QUẢN TRỊ CÁC NHÓM RỦI RO CHÍNH NĂM 2024

Trong năm 2024, Tập đoàn đã phân tích, đánh giá và thực hiện quản lý các nhóm rủi ro chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

Rủi ro về kinh tế vĩ mô

Các rủi ro của nền kinh tế như suy giảm tốc độ tăng trưởng, lạm phát, chính sách tài khóa, chỉ số giá tiêu dùng, tỷ lệ thất nghiệp... đều có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Để kiểm soát những rủi ro này, các bộ phận phòng ban chuyên môn của Tập đoàn theo dõi sát sao các biến động của nền kinh tế và kịp thời dự báo, đánh giá những tác động đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, từ đó đề xuất các kịch bản ứng phó, nhằm hạn chế tối đa tác động của những rủi ro có thể xảy ra.

Rủi ro tài chính

Các rủi ro tài chính của Tập đoàn bao gồm rủi ro về thanh toán, lãi suất và tỷ giá. Để kiểm soát các rủi ro này, định kỳ Ban Tài chính Kế toán đã đánh giá thị trường vốn và ngoại tệ, chủ động điều chỉnh nguồn thu xuất khẩu, tín dụng thương mại, lập, theo dõi và nếu cần thiết chủ động điều chỉnh kế hoạch vay nợ và chi trả, tận dụng các khoản vay dài hạn với lãi suất ưu đãi, kiểm soát dòng tiền hiệu quả.

Rủi ro về thị trường

Lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là ngành nhựa của Tập đoàn có mức độ cạnh tranh cao. Đồng thời những biến động trong ngành có thể tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Đặc biệt, ngành nhựa hiện phải đối mặt với rủi ro lớn trong bối cảnh thay đổi thói quen tiêu dùng của khách hàng do xu hướng tiêu dùng xanh đang lan tỏa mạnh mẽ. Tập đoàn nhìn nhận đây vừa là rủi ro, vừa là cơ hội để mở ra một thị trường mới. Bằng việc chuyển đổi xanh, tiên phong phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, nhựa sinh học tự hủy, Tập đoàn có thể chiếm lĩnh trong lĩnh vực mới. Bởi lẽ đó, từ năm 2015 Tập đoàn đã phát triển thương mại các sản phẩm bao bì sinh học phân hủy hoàn toàn, xuất khẩu đến các thị trường lớn như châu Âu, Mỹ. Đồng thời tiếp tục phát triển thêm các dải sản phẩm xanh như dao, thìa, đĩa, ống hút nhựa sinh học tự hủy, chiếm lĩnh thị trường nhựa thân thiện với môi trường. Bên cạnh việc theo dõi các diễn biến thị trường của các sản phẩm hiện hữu, Ban Kinh doanh Tập đoàn có chức năng tìm kiếm, đánh giá và đề xuất các sản phẩm mới là xu hướng, có tiềm năng phát triển.

Rủi ro về nhân sự

Với đội ngũ gồm gần 5000 CBCNV toàn Tập đoàn phục vụ trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, việc duy trì và đảm bảo số lượng và chất lượng cho đội ngũ lao động đặt ra những thách thức không nhỏ, đồng thời cần nâng cao năng lực CBCNV để đáp ứng nhu cầu phát triển của Tập đoàn. Bởi lẽ đó, Tập đoàn chú trọng công tác quản trị nhân sự để đảm bảo duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao với độ linh hoạt trong tổ chức, tối ưu hóa chi phí vận hành. Với từng giai đoạn phát triển, Ban Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực sẽ lập kế hoạch nhân sự, tuyển dụng cụ thể và xây dựng đội ngũ dự bị. Các hoạt động đào tạo được triển khai cho CBCNV trước khi đưa vào sản xuất kinh doanh và trong quá trình công tác để không ngừng nâng cao chất lượng nhân sự. APH hướng đến phát triển môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả, thân thiện với CBCNV, xây dựng cơ chế lương thưởng, phúc lợi tốt để đảm bảo sự gắn bó lâu dài của CBCNV.

Rủi ro về nguyên vật liệu

Với đặc thù sản xuất và kinh doanh của ngành nhựa, biến động giá nguyên vật liệu có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Bên cạnh đó, việc tìm kiếm, đảm bảo nguồn cung nguyên vật liệu chất lượng với giá cả cạnh tranh cũng đặt ra những bài toán cần tính toán. Để hạn chế những rủi ro từ giá nguyên vật liệu, Tập đoàn theo dõi thường xuyên thị trường nguyên vật liệu, đồng thời Phòng Nghiên cứu thị trường sẽ tiến hành phân tích và dự báo trước những biến động lớn của thị trường, từ đó Trung tâm mua sắm xây dựng kế hoạch mua hàng phù hợp. Đồng thời, Tập đoàn áp dụng chính sách bán hàng linh hoạt, quản lý hiệu quả tồn kho nguyên vật liệu, có thể điều chỉnh giá bán thành phẩm theo biến động giá nguyên vật liệu. Ban Phát triển chuỗi cung ứng có chức năng tìm kiếm, phát triển mạng lưới nhà cung cấp để đảm bảo nguồn cung, chất lượng và giá cả cạnh tranh của nguyên vật liệu đầu vào.

Rủi ro về môi trường

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn có thể gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh do nước thải, chất thải từ quá trình vận hành sản xuất và sinh hoạt. Để hạn chế rủi ro này, Tập đoàn tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về môi trường, đồng thời xây dựng và áp dụng quy trình, hệ thống tiên tiến để quản lý các rủi ro về môi trường. Trước khi triển khai dự án đầu tư mới, các đánh giá về tác động môi trường được thực hiện bởi các đơn vị tư vấn chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, một trong những mục tiêu của hoạt động cải tiến sản xuất tại Tập đoàn đó là giảm tiêu hao nguyên vật liệu và năng lượng, giúp Tập đoàn không chỉ tăng cường hiệu quả của các hoạt động sản xuất kinh doanh, mà còn hạn chế tối đa tác động đến môi trường.

05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2024 ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Thông tin chung	92
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	94
Báo cáo của Kiểm toán độc lập	95
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	96
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	99
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	100
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	102

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 3 tháng 5 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý và kinh doanh các sản phẩm nhựa.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau

Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 10 năm 2024 Bổ nhiệm ngày 9 tháng 10 năm 2024 Miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 9 tháng 10 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Tien	Phó Chủ tịch thường trực	
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	
Ông Lim Heon Young	Thành viên	
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Nguyệt	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024
Bà Phạm Thị Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tien	Phó Tổng Giám đốc Thường trực
Ông Phạm Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thoản	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thoản	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Phạm Đỗ Huy Cường.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác. Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Phạm Đỗ Huy Cường

Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 80, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trịnh Hoàng Anh

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2071-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Quý Mạnh

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4482-2023-004-1

Đơn vị tính: VND				
MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.432.616.126.697	6.461.141.451.648
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		2.420.846.456.524	2.504.566.161.779
111	1. Tiền	5	1.653.383.125.481	1.350.732.799.127
112	2. Các khoản tương đương tiền		767.463.331.043	1.153.833.362.652
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		718.639.358.712	1.279.801.986.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	718.639.358.712	1.279.801.986.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.805.439.344.143	1.442.902.494.496
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	1.212.518.977.883	919.940.356.502
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	548.912.877.301	367.833.850.021
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	1.500.000.000	21.876.744.806
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	95.804.730.836	163.429.207.443
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(53.297.241.877)	(30.177.664.276)
140	IV. Hàng tồn kho	11	1.286.467.029.662	1.012.787.360.648
141	1. Hàng tồn kho		1.289.656.800.476	1.017.162.035.056
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.189.770.814)	(4.374.674.408)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		201.223.937.656	221.083.448.725
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	19	24.683.416.689	30.386.997.686
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		175.208.437.025	187.745.409.384
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		1.332.083.942	2.951.041.655

Đơn vị tính: VND				
MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.012.234.560.329	5.911.334.520.981
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		9.354.030.456	20.584.816.813
215	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	3.621.150.000
216	2. Phải thu về cho vay dài hạn	9	9.354.030.456	22.563.666.813
219	3. Phải thu dài hạn khác	9	-	(5.600.000.000)
220	II. Tài sản cố định		3.039.540.835.272	2.814.399.477.125
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	2.837.172.020.348	2.588.418.152.112
222	Nguyên giá		5.405.811.895.916	4.863.137.173.835
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.568.639.875.568)	(2.274.719.021.723)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	56.808.705.545	68.631.827.666
225	Nguyên giá		68.149.427.156	79.377.928.130
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(11.340.721.611)	(10.746.100.464)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	145.560.109.379	157.349.497.347
228	Nguyên giá		185.673.530.293	191.813.461.989
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(40.113.420.914)	(34.463.964.642)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	1.292.866.537.138	1.306.668.401.953
231	1. Nguyên giá		1.504.476.425.979	1.456.305.908.609
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(211.609.888.841)	(149.637.506.656)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.224.875.552.568	298.454.303.329
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	1.224.875.552.568	298.454.303.329
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		270.502.527.608	232.491.376.638
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	18.1	240.125.934.987	232.491.376.638
253	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	18.2	30.376.592.621	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.175.095.077.287	1.238.736.145.123
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	19	966.856.509.112	939.879.803.847
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	36.4	17.124.056.391	17.825.305.749
269	3. Lợi thế thương mại	20	191.114.511.784	281.031.035.527
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		13.444.850.687.026	12.372.475.972.629

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ		NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
300	C.	NỢ PHẢI TRẢ		7.525.490.719.831	6.645.048.176.169
310	I.	Nợ ngắn hạn		4.111.902.921.704	4.661.655.654.126
311		1. Phải trả người bán ngắn hạn	21.1	858.274.957.090	619.469.518.910
312		2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21.2	135.152.896.271	139.405.920.093
313		3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	89.478.785.797	28.835.000.417
314		4. Phải trả người lao động		68.017.479.010	60.919.440.361
315		5. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	93.294.106.690	163.650.641.102
318		6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	24	111.481.190.914	116.182.822.055
319		7. Phải trả ngắn hạn khác	25	161.601.099.772	160.874.694.307
320		8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	26	2.554.855.324.899	3.356.436.604.945
322		9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	28	39.747.081.261	15.881.011.936
330	II.	Nợ dài hạn		3.413.587.798.127	1.983.392.522.043
336		1. Phải trả dài hạn người bán	24	2.039.511.700.402	1.498.211.375.163
337		2. Chi phí phải trả dài hạn	25	3.948.813.984	8.828.368.337
338		3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	26	1.353.861.218.836	459.715.868.096
341		4. Phải trả dài hạn khác	36.4	11.930.004.975	12.438.709.938
342		5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	27	4.336.059.930	4.198.200.509

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ		NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
400	D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.919.359.967.195	5.727.427.796.460
410	I.	Vốn chủ sở hữu	29	5.919.359.967.195	5.727.427.796.460
411		1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.438.842.680.000	2.438.842.680.000
411a		Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.438.842.680.000	2.438.842.680.000
412		2. Thặng dư vốn cổ phần		28.504.818.180	28.504.818.180
414		3. Vốn khác của chủ sở hữu		80.017.867.883	80.017.867.883
417		4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		18.039.589.063	11.535.596.776
418		5. Quỹ đầu tư phát triển		15.338.409.392	15.338.409.392
421		6. (Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(74.803.666.113)	(171.045.714.609)
421a		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		(193.110.537.434)	63.527.414.919
421b		(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		118.306.871.321	(234.573.129.528)
429		7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		3.413.420.268.790	3.324.234.138.838
440		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		13.444.850.687.026	12.372.475.972.629

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập kiêm Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòe

Tổng Giám đốc

Phạm Đỗ Huy Cường

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ		CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
01	1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.1	14.198.943.914.914	14.530.290.338.324
02	2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	30.1	(6.371.888.455)	(8.354.251.448)
10	3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.1	14.192.572.026.459	14.521.936.086.876
11	4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	31	(12.409.095.705.865)	(13.095.883.733.741)
20	5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.783.476.320.594	1.426.052.353.135
21	6.	Doanh thu hoạt động tài chính	30.2	270.750.036.355	272.030.107.716
22	7.	Chi phí tài chính	32	(233.571.246.411)	(333.061.379.491)
23		Trong đó: Chi phí lãi vay (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)		(189.170.550.269)	(287.951.772.799)
24	8.	Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	18.1	18.968.757.899	16.295.858.757
25	9.	Chi phí bán hàng	33	(811.883.500.668)	(600.039.044.890)
26	10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	33	(506.408.359.503)	(476.006.882.373)
30	11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		521.332.008.266	305.271.012.854
31	12.	Thu nhập khác	34	12.722.836.694	21.488.604.852
32	13.	Chi phí khác	34	(112.210.601.392)	(11.741.682.279)
40	14.	(Lỗ)/lợi nhuận khác		(99.487.764.698)	9.746.922.573
50	15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		421.844.243.568	315.017.935.427
51	16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	36.1	(112.083.789.416)	(101.939.382.276)
52	17.	(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	36.4	(192.544.395)	6.204.325.224
60	18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN		309.567.909.757	219.282.878.375
61	19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		119.051.958.721	34.653.893.039
62	20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		190.515.951.036	184.628.985.336
70	21.	Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	38	488	(106)
71	22.	Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ	38	488	(106)

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập kiêm Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòe

Tổng Giám đốc

Phạm Đỗ Huy Cường

Đơn vị tính: VND				
MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		421.844.243.568	315.017.935.427
Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư, hao mòn tài sản cố định vô hình, phân bổ lợi thế thương mại, và phân bổ chi phí thuê đất trả trước dài hạn		517.864.270.385	489.582.892.895
03	(Hoàn nhập)/các khoản dự phòng		16.334.674.007	(54.645.687.382)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(6.812.655.839)	(13.780.803.726)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(17.266.051.595)	(211.309.291.193)
06	Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	32	198.556.193.056	299.819.925.236
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.130.520.673.582	824.684.971.257
09	Giảm các khoản phải thu		(275.088.831.066)	590.174.395.650
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		(272.494.765.420)	1.034.208.361.145
11	Tăng các khoản phải trả		795.745.636.755	785.973.365.298
12	Tăng/(giảm) chi phí trả trước		(30.471.231.823)	(32.245.221.625)
14	Tiền lãi vay đã trả		(212.381.218.546)	(288.747.716.638)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(46.653.796.927)	(98.238.508.575)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	28	(36.606.243.156)	(39.261.037.638)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.052.570.223.399	2.776.548.608.874
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(1.165.933.691.630)	(686.118.735.269)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		55.498.811.722	11.334.351.248
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.034.172.616.178)	(2.555.239.716.444)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		2.731.033.946.684	2.225.937.524.405
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, trừ đi tiền thu về		(916.642.371.358)	(754.141.600.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		79.167.500.000	243.351.083.504
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		189.184.631.276	169.392.615.269
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.061.863.789.484)	(1.345.484.477.287)

Đơn vị tính: VND				
MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(213.876.160.920)
33	Tiền thu từ đi vay		7.777.428.198.988	7.465.207.404.505
34	Tiền trả nợ gốc vay		(7.792.957.784.619)	(8.147.768.644.932)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(23.157.371.452)	(36.099.257.738)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(46.965.850.000)	(10.515.725.259)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(85.652.807.083)	(943.052.384.344)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(94.946.373.168)	488.011.747.243
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.504.566.161.779	2.004.003.607.480
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		11.226.667.913	12.550.807.056
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	2.504.566.161.779	2.004.003.607.480
Hải Dương, Việt Nam				
Ngày 28 tháng 3 năm 2025				

Người lập kiêm Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hồ Thị Hòe

Phạm Đỗ Huy Cường

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 3 tháng 5 năm 2024.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, kinh doanh các sản phẩm nhựa và xuất bản phần mềm.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư và phát triển hạ tầng khu công nghiệp của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp cho đến thời điểm hoàn thành và bàn giao cho khách hàng, do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư và phát triển hạ tầng khu công nghiệp của Tập đoàn có thể kéo dài trên 12 tháng. Chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động thông thường khác là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 4.818 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4.069 người).

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có 18 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 17 công ty con) với chi tiết như sau:

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
I – Nhóm các công ty sở hữu trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty Nhựa An Phát Xanh”)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	50,17	50,17	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa, mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.
II – Nhóm các công ty sở hữu gián tiếp					
2	Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“Công ty An Tiến”)(*)	Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	27,52	54,85	Sản xuất hạt phụ gia nhựa và bột đá.
3	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (“Công ty An Phát Complex”)(*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	46,68	93,04	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp.
4	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 (“Công ty An Phát Complex 1”)(*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	47,51	99,997	Kinh doanh và phát triển hạ tầng khu công nghiệp.

5	An Thanh Bicol Singapore PTE. Ltd (“Công ty An Thành Singapore”)(*)	Số 3 đường Temasek, tầng 21 tòa Centennial, Singapore	27,52	100	Kinh doanh hạt nhựa.
6	Công ty Cổ phần An Thành Bicol (“Công ty An Thành”)(*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	38,46	99,69	Kinh doanh hạt nhựa.
7	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín (“Công ty An Tín”)(*)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	27,25	99	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường ven biển và biển dương.
8	Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Vinh (“Công ty An Vinh”)(*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	50,15	99,95	Sản xuất, kinh doanh bao bì nhựa.
9	Công ty An Phat International, Inc. (“Công ty APA”)(*)	Số 24 Greenway Plaza, tầng 18 căn hộ 1800-I Houston, thành phố Houton, bang Texas, Mỹ	50,17	99,999	Kinh doanh hạt nhựa và các sản phẩm nhựa.
10	Công ty AFC EcoPlastics, LLC	PO Box 1831, thành phố Austin, bang Texas 78767, Mỹ	37,63	75	Kinh doanh hạt nhựa
11	(“Công ty AFC”)(*)	Số 24 Greenway Plaza, tầng 18 căn hộ 1800-I Houston, thành phố Houton, bang Texas, Mỹ	43,9	87,50	Kinh doanh hạt nhựa.
12	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (“Công ty Nhựa Hà Nội”)(*)	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội	31,48	62,75	Sản xuất, kinh doanh nhựa kỹ thuật.
13	Công ty TNHH An Trung Industries (“Công ty An Trung”)(*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	31,48	100	Sản xuất nhựa bao bì, nhựa kỹ thuật, nhựa gia dụng.
14	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM (“Công ty VIEXIM”)(*)	Thôn Hảo, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	31,48	100	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa.
15	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường (“Công ty An Cường”)(*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	31,45	99,86	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm nhựa nội thất.
16	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát (“Công ty PBAT”)(*)	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng	33,86	100	Sản xuất, kinh doanh hạt nhựa và các sản phẩm nhựa.
17	Công ty Cổ phần Ankor Bioplastics (“Công ty Ankor”)(*)	216, Munmakgongdangil, quận Munmak, thành phố Wonju, tỉnh Gangwon, Hàn Quốc	17,27	51	Sản xuất sản phẩm từ nhựa.
18	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Lương Điện Ngọc Liên(*)	Xã Lương Điện – Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	47,51	99,99	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp.

(*) Công ty sở hữu các công ty con này trực tiếp và gián tiếp hoặc gián tiếp thông qua một số công ty con khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn cũng sở hữu một số khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 18.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung

2.3 KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

2.5 CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của công ty mẹ chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con và giữa các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc lỗ lũy kế.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng hóa kho bất động sản

Bất động sản khu công nghiệp được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa bất động sản đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí đầu giá quyền sử dụng đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, chi phí quản lý xây dựng chung, chi phí làm đường và xây dựng hệ thống thoát nước, chi phí trồng cây xanh, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp tính theo giá đích danh.

Hàng tồn kho liên quan đến các sản phẩm nhựa

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho khác với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm, hàng hóa áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn hoặc lâu dài được ghi nhận là tài sản cố định vô hình căn cứ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 THUÊ TÀI SẢN

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư và tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.8 KHẤU HAO VÀ HAO MÒN

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 15 năm
Phương tiện vận tải	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Cây lâu năm	8 - 25 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 30 năm
Quyền sử dụng đất	18 - 49 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	18 năm

3.9 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 47 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
Tài sản khác	6 - 25 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Đối với các bất động sản đầu tư cho thuê dài hạn có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ mà doanh thu được ghi nhận một lần cho toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước như được trình bày tại Thuyết minh số 3.20, khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư này được ghi nhận toàn bộ một lần cùng thời điểm ghi nhận doanh thu.

3.10 XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất của Tập đoàn. Theo Thông tư 45, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

Các hợp đồng thuê đất trả trước của Tập đoàn bao gồm:

- Hợp đồng thuê đất của Công ty Nhựa An Phát Xanh ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương trong thời hạn từ 21 năm đến 48 năm;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn của Công ty An Thành đã được trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Lê Việt vào năm 2018 trong thời hạn 37 năm;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn của Công ty An Vinh được cấp bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương vào năm 2019 trong thời hạn 37,5 năm;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn của Công ty An Phát Complex được cấp bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương vào năm 2007 trong thời hạn 50 năm;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn của Công ty An Phát Complex 1 được cấp bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương từ năm 2022 đến năm 2023 trong thời hạn từ 48 năm đến 49 năm;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn của Công ty PBAT được cấp bởi Ban Quản lý Khu công nghiệp Nam Đình Vũ và hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Đỏ vào năm 2022 trong thời hạn 38 năm;
- Hợp đồng thuê đất có thời hạn của Công ty Nhựa Hà Nội ký với Sở Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội trong thời hạn 45 năm.

3.13 HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh

Trong trường hợp Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh tại thời điểm mua, Tập đoàn xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là giao dịch hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận. Phần lợi ích cổ đông không kiểm soát cũng được ghi nhận cho giá trị của các tài sản, nợ phải trả được mua. Các tài sản, nợ phải trả được mua được trình bày trong cùng nhóm với các tài sản, nợ phải trả tương tự của Tập đoàn.

Trong trường hợp trước ngày kiểm soát, khoản đầu tư là công ty liên kết hoặc khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tập đoàn và giao dịch mua công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, khi lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn không đánh giá lại khoản đầu tư trước đây mà tiến hành phân bổ giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và giá phí mua vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả tại ngày mua.

Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con nhưng không mất quyền kiểm soát

Khi Tập đoàn mua thêm lợi ích trong công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của phần lợi ích mua thêm được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Khi Tập đoàn chuyển nhượng một phần lợi ích trong công ty con mà không mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của phần lợi ích đã chuyển nhượng được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3.14 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Trường hợp Tập đoàn tăng tỷ lệ lợi ích trong công ty liên kết, khi đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư của công ty liên kết được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty dùng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ thời điểm khoản đầu tư không còn là công ty liên kết. Phần lãi/(lỗ) từ việc thanh lý khoản đầu tư trong công ty liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn/Nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.18 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.19 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê

(i) *Doanh thu cho thuê bất động sản trong trường hợp Tập đoàn thuê đất từ Nhà nước theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho toàn bộ thời gian thuê*

Đối với trường hợp cho thuê tài sản có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ và thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Tập đoàn ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Tập đoàn không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Tập đoàn ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Đối với các trường hợp cho thuê tài sản còn lại:

- Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

(ii) *Doanh thu cho thuê bất động sản trong trường hợp Tập đoàn thuê đất từ Nhà nước theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm*

Đối với trường hợp cho thuê tài sản có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ, Tập đoàn ghi nhận doanh thu theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

(iii) *Doanh thu cho thuê các tài sản khác*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.20 THUẾ

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các hoàn trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.22 THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc xác định báo cáo bộ phận của Tập đoàn theo khu vực địa lý của việc bán hàng và dựa trên hoạt động kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

3.23 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình mật thiết của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

4.1 MUA CÔNG TY LƯƠNG ĐIỂN NGỌC LIÊN

Theo Nghị quyết số 0808/2024/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 8 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty An Phát Complex 1, công ty con của Công ty, đã thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Lương Điển Ngọc Liên. Tại ngày 16 tháng 10 năm 2024, Công ty An Phát Complex 1 đã hoàn thành việc mua 32.498.000 cổ phiếu, tương ứng 99,99% tỷ lệ lợi ích của Công ty Lương Điển Ngọc Liên. Theo đó, Công ty Lương Điển Ngọc Liên chính thức trở thành công ty con của Công ty An Phát Complex 1, đồng thời là công ty con của Tập đoàn với tỷ lệ quyền biểu quyết là 99,99%.

Công ty Lương Điển Ngọc Liên là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801334886 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 28 tháng 9 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 4 ngày 22 tháng 1 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá rằng giao dịch mua công ty Lương Điển Ngọc Lương không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, do đó giao dịch này được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Trên cơ sở đó, giá phí của giao dịch này được phân bổ cho các tài sản, nợ phải trả được mua dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản, nợ phải trả đó tại ngày mua.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.547.048.393	1.300.744.832
Tiền gửi ngân hàng	1.650.836.077.088	1.349.432.054.295
Các khoản tương đương tiền (*)	767.463.331.043	1.153.833.362.652
TỔNG CỘNG	2.420.846.456.524	2.504.566.161.779

(*) Là khoản tiền gửi bằng VND và USD tại các ngân hàng thương mại và Công ty Cổ phần chứng khoán VPS có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng với mức lãi suất từ 1,6%/năm đến 4,8%/năm với tiền gửi bằng VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: tiền gửi có kỳ hạn từ 7 ngày đến 3 tháng và lãi suất từ 0,5%/năm đến 7,1%/năm) và 0% với tiền gửi bằng USD.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, một số tài khoản tiền gửi và tiền tại tài khoản thanh toán của Tập đoàn đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	718.639.358.712	718.639.358.712	1.279.801.986.000	1.279.801.986.000
TỔNG CỘNG	718.639.358.712	718.639.358.712	1.279.801.986.000	1.279.801.986.000

(i) Các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn từ 6 đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 2,9%/năm đến 5,3%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 4,4%/năm đến 9,5%/năm).

Một số tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu liên quan đến hoạt động kinh doanh hạt nhựa, bao bì, phụ gia và nhựa kỹ thuật	1.187.558.566.157	879.364.442.495
Phải thu từ cho thuê đất, hạ tầng khu công nghiệp và bán nhà xưởng	259.840.390	1.241.804.469
Phải thu từ cung cấp dịch vụ và khác	24.700.571.336	39.334.109.538
TỔNG CỘNG	1.212.518.977.883	919.940.356.502
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(34.637.076.865)	(26.494.466.485)
Trong đó:		
<i>Phải thu ngắn hạn từ khách hàng</i>	<i>1.210.059.007.158</i>	<i>913.873.926.462</i>
<i>Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 37)</i>	<i>2.459.970.725</i>	<i>6.066.430.040</i>

Một số khoản phải thu của Tập đoàn với được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

7.2 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán khác	544.958.948.551	367.833.850.021
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp ANI (*)</i>	<i>321.901.764.030</i>	<i>164.743.617.638</i>
<i>Các khoản trả trước khác</i>	<i>223.057.184.521</i>	<i>203.090.232.383</i>
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 37)	3.953.928.750	-
TỔNG CỘNG	548.912.877.301	367.833.850.021
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi	(263.647.405)	-

(*) Đây là các khoản trả trước cho nhà thầu xây dựng cho Dự án Nhà máy sản xuất bao bì nhựa và bao bì phân hủy sinh học và Dự án Khu Công nghiệp Lương Điện Ngọc Liên.

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay đối tác cá nhân (*)	1.500.000.000	-
Cho vay các đối tác doanh nghiệp	-	21.876.744.806
TỔNG CỘNG	1.500.000.000	21.876.744.806

(*) Khoản cho vay tín chấp một cá nhân với lãi suất 4%/năm và đáo hạn vào ngày 18 tháng 7 năm 2025

9. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	46.947.925.885	51.415.327.546
Lãi cho vay, tiền gửi	17.817.221.446	79.994.184.879
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư	16.529.788.153	4.230.412.603
Ký cược, ký quỹ	1.962.729.648	11.330.532.860
Phải thu khác	12.547.065.704	16.458.749.555
TỔNG CỘNG	95.804.730.836	163.429.207.443
Dự phòng phải thu khác ngắn hạn	(18.396.517.607)	(3.683.197.791)
Trong đó:		
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>90.758.416.809</i>	<i>147.822.372.336</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 37)</i>	<i>5.046.314.027</i>	<i>15.606.835.107</i>
Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	6.995.612.174	7.566.660.596
Phải thu khác	2.358.418.282	2.297.630.667
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	12.699.375.550
TỔNG CỘNG	9.354.030.456	22.563.666.813
Dự phòng phải thu khác dài hạn	-	(5.600.000.000)

10. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hoàng Phương	16.199.375.550	-	16.599.375.550	8.499.375.550
Industrial Oriente de Polímeros Ltd	10.775.195.970	-	10.347.132.110	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập khẩu Phúc Hưng	8.338.103.600	-	8.338.103.600	-
Khác	24.586.741.179	6.602.174.422	12.431.481.320	3.439.052.754
TỔNG CỘNG	59.899.416.299	6.602.174.422	47.716.092.580	11.938.428.304

11. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng tồn kho liên quan đến hoạt động sản xuất sản phẩm nhựa				
Nguyên liệu, vật liệu	433.649.214.059	-	420.302.852.340	-
Hàng mua đang đi đường	340.687.385.851	-	121.942.255.766	-
Thành phẩm	181.110.495.158	(2.555.755.047)	201.415.377.265	(2.664.744.712)
Hàng hóa	127.124.795.552	(634.015.767)	106.191.726.615	(1.709.929.696)
Hàng gửi bán	101.153.558.263	-	60.896.763.723	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	55.899.220.344	-	55.577.106.190	-
Công cụ, dụng cụ	36.523.369.974	-	37.327.191.882	-
Hàng tồn kho bất động sản				
Hạ tầng các khu công nghiệp (*)	13.508.761.275	-	13.508.761.275	-
TỔNG CỘNG	1.289.656.800.476	(3.189.770.814)	1.017.162.035.056	(4.374.674.408)

(*) Chủ yếu bao gồm chi phí phát triển của Dự án Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát.

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	4.374.674.408	75.611.784.700
Cộng: Trích lập dự phòng trong năm	1.861.080.415	1.375.956.062
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.045.984.009)	(72.613.066.354)
Số cuối năm	3.189.770.814	4.374.674.408

Một số hàng tồn kho với giá trị khoảng 88,2 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho một số khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

12. IAI SAN CỨ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VND						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	1.483.850.007.994	2.955.430.128.845	342.594.004.561	22.575.627.528	22.013.880.000	36.673.524.907	4.863.137.173.835
Mua trong năm	3.219.670.459	431.770.036.565	42.308.728.055	1.091.061.636	-	4.198.772.137	482.588.268.852
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	100.301.136.207	34.657.561.814	-	-	-	-	134.958.698.021
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	29.988.866.564	480.000.000	-	-	-	30.468.866.564
Thanh lý, nhượng bán	(11.989.375.456)	(55.985.938.574)	(25.750.385.820)	(1.118.020.000)	-	-	(94.843.719.850)
Điều chỉnh khác	(1.245.502.280)	(9.742.536.154)	437.571.681	53.075.247	-	-	(10.497.391.506)
Số cuối năm	1.574.135.936.924	3.386.118.119.060	360.069.918.477	22.601.744.411	22.013.880.000	40.872.297.044	5.405.811.895.916
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	142.435.230.374	952.634.259.700	96.956.213.275	10.049.676.049	2.466.500.000	6.435.763.201	1.210.977.642.599
Giá trị khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	360.687.721.435	1.640.266.247.348	222.522.276.009	16.473.151.052	10.596.323.171	24.173.302.708	2.274.719.021.723
Khấu hao trong năm	62.779.897.880	249.034.811.978	30.640.465.675	2.835.317.696	1.397.935.632	3.080.191.091	349.768.619.952
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	6.193.876.916	130.709.677	-	-	-	6.324.586.593
Thanh lý, nhượng bán	(1.517.172.389)	(35.317.350.224)	(19.950.440.849)	(929.915.065)	-	-	(57.714.878.527)
Điều chỉnh khác	(213.997.765)	(4.445.378.521)	160.970.263	40.931.850	-	-	(4.457.474.173)
Số cuối năm	421.736.449.161	1.855.732.207.497	233.503.980.775	18.419.485.533	11.994.258.803	27.253.493.799	2.568.639.875.568
Giá trị còn lại:							
Số đầu năm	1.123.162.286.559	1.315.163.881.497	120.071.728.552	6.102.476.476	11.417.556.829	12.500.222.199	2.588.418.152.112
Số cuối năm	1.152.399.487.763	1.530.385.911.563	126.565.937.702	4.182.258.878	10.019.621.197	13.618.803.245	2.837.172.020.348

Một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại khoảng 1.378,4 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Máy móc thiết bị sản xuất	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	78.477.928.130	900.000.000	79.377.928.130
- Thuê trong năm	19.240.365.590	-	19.240.365.590
- Mua lại tài sản thuê tài chính	(29.988.866.564)	(480.000.000)	(30.468.866.564)
Số cuối năm	67.729.427.156	420.000.000	68.149.427.156
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	10.547.483.797	198.616.667	10.746.100.464
- Khấu hao trong năm	6.850.498.063	68.709.677	6.919.207.740
- Mua lại tài sản thuê tài chính	(6.193.876.916)	(130.709.677)	(6.324.586.593)
Số cuối năm	11.204.104.944	136.616.667	11.340.721.611
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	67.930.444.333	701.383.333	68.631.827.666
Số cuối năm	56.525.322.212	283.383.333	56.808.705.545

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	134.593.407.590	17.227.001.143	39.993.053.256	191.813.461.989
Mua trong năm	-	3.814.657.598	-	3.814.657.598
Thanh lý, nhượng bán	(1.853.006.544)	(2.017.059.046)	-	(3.870.065.590)
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo của công ty con ở nước ngoài	(2.900.205.429)	-	(3.184.318.275)	(6.084.523.704)
Số cuối năm	129.840.195.617	19.024.599.695	36.808.734.981	185.673.530.293
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	-	509.948.200	-	509.948.200
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	23.932.583.067	9.033.019.205	1.498.362.370	34.463.964.642
Hao mòn trong năm	2.857.844.184	3.019.020.763	2.343.849.304	8.220.714.251
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.017.059.046)	-	(2.017.059.046)
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo của công ty con ở nước ngoài	-	-	(554.198.933)	(554.198.933)
Số cuối năm	26.790.427.251	10.034.980.922	3.288.012.741	40.113.420.914
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	110.660.824.523	8.193.981.938	38.494.690.886	157.349.497.347
Số cuối năm	103.049.768.366	8.989.618.773	33.520.722.240	145.560.109.379

Một số tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại khoảng 67,2 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho một số khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.349.018.347.887	85.619.726.768	21.667.833.954	1.456.305.908.609
Mua trong năm	-	1.130.007.400	217.746.115	1.347.753.515
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	61.197.580.442	-	-	61.197.580.442
Giảm khác	(14.338.455.081)	(36.361.506)	-	(14.374.816.587)
Số cuối năm	1.395.877.473.248	86.713.372.662	21.885.580.069	1.504.476.425.979
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	98.461.952.399	40.304.962.365	10.870.591.892	149.637.506.656
Khấu hao trong năm	47.875.949.062	11.364.611.168	2.731.821.955	61.972.382.185
Số cuối năm	146.337.901.461	51.669.573.533	13.602.413.847	211.609.888.841
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	1.250.556.395.488	45.314.764.403	10.797.242.062	1.306.668.401.953
Số cuối năm	1.249.539.571.787	35.043.799.129	8.283.166.222	1.292.866.537.138

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án khu công nghiệp Lương Điện Ngọc Liên (i)	999.924.886.084	-
Dự án Khu Công nghiệp An Phát 1 (ii)	121.039.888.413	83.291.425.410
Nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa (iii)	66.399.480.464	-
Dự án Nhà máy Compound (iv)	32.866.410.092	-
Nhà máy PBAT (v)	-	115.948.571.103
Dự án Khu Công nghiệp An Phát Complex	-	75.341.521.353
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	4.644.887.515	23.872.785.463
TỔNG CỘNG	1.224.875.552.568	298.454.303.329

- (i) Bao gồm chi phí quyền phát triển dự án, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, lãi vay vốn hóa của Dự án Khu Công nghiệp Lương Điện Ngọc Liên và một phần giá phí được phân bổ tại ngày mua như được trình bày ở Thuyết minh số 4.
- (ii) Bao gồm hệ thống thoát nước thải và công trình vườn ươm của Dự án Khu Công nghiệp An Phát 1.
- (iii) Bao gồm chi phí máy móc, thiết bị của Nhà máy 8 – Nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa.
- (iv) Bao gồm chi phí thi công san nền đất của Dự án Nhà máy Compound.
- (v) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 270902/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 9 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần PBAT đã phê duyệt việc dừng triển khai Dự án Nhà máy sản xuất nguyên liệu sinh học tự hủy hoàn toàn công nghệ cao (PBAT) tại Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty PBAT đã ghi nhận toàn bộ chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án này vào chi phí khác trong năm (Thuyết minh số 34).

17. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 3,9 tỷ VND (năm 2023: 15,1 tỷ VND). Các khoản chi phí đi vay này chủ yếu liên quan trực tiếp đến các khoản vay nhằm đầu tư xây dựng cho Dự án Khu công nghiệp An Phát Complex và Dự án Khu Công nghiệp Lương Điện Ngọc Liên.

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

18.1. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị tính: VND

Đầu tư vào công ty liên kết	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
Công ty Nhựa Bao bì Vĩnh (**)		99.223.085.759	-	52.266.380.000	96.231.993.460
Công ty Cổ phần Giải pháp và dịch vụ phần mềm Nam Việt ("Công ty Nam Việt")		54.500.739.920	-	(*)	53.515.560.383
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sản xuất ăn công nghiệp An Phát ("Công ty Sản xuất ăn An Phát")		45.507.106.885	-	(*)	46.685.632.808
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam ("Công ty Sunrise")		34.295.002.423	-	(*)	28.478.189.987
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xăng dầu An Đông ("Công ty An Đông")		6.600.000.000	-	(*)	6.600.000.000
Công ty Cổ phần ANCOP ("Công ty ANCOP") (***)		-	-	(*)	980.000.000
TỔNG CỘNG		240.125.934.987	-	-	232.491.376.638

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn đang trong quá trình thu thập các dữ liệu cần thiết để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

(**) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Nhựa Bao bì Vĩnh (mã chứng khoán giao dịch: VBC) được xác định theo giá đóng của phiên giao dịch tại các ngày cuối kỳ kế toán trên sàn chứng khoán HNX.

(***) Trong tháng 11 năm 2024, Công ty An Phát Complex, công ty con của Công ty, đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần ANCOP cho một cá nhân với tổng giá trị là 980 triệu VND. Qua đó, Công ty Cổ phần ANCOP không còn là công ty liên kết của Nhóm Công ty.

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích(%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Đầu tư vào công ty liên kết				Hoạt động chính
Công ty Nhựa Bao bì Vĩnh	17,48	34,84	17,48	34,84
Công ty Sunrise	18,46	48	18,46	48
Công ty An Đông	8,17	33,8	8,17	33,8
Công ty Suất ăn An Phát	10,22	37,40	10,22	37,40
Công ty Nam Việt	24,86	50	24,58	49
Công ty ANCOP	-	-	22,62	49

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này như sau:

	Công ty Nhựa bao bì Vĩnh	Công ty Sunrise	Công ty An Đông	Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Phần mềm Nam Việt	Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Tổng cộng
Giá trị đầu tư:						
Số đầu năm	73.510.001.713	24.000.000.000	6.600.000.000	54.955.000.000	44.400.000.000	204.445.001.713
Tăng giá trị đầu tư	-	-	-	1.260.000.000	-	1.260.000.000
Giảm giá trị đầu tư	-	-	-	-	(187.500.000)	(1.167.500.000)
Số cuối năm	73.510.001.713	24.000.000.000	6.600.000.000	56.215.000.000	44.212.500.000	204.537.501.713
Lãi/(lỗ) từ công ty liên kết kể từ thời điểm mua:						
Số đầu năm	22.721.991.747	4.478.189.987	-	(1.439.439.617)	2.285.632.808	28.046.374.925
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	9.724.291.849	5.816.812.436	-	166.179.537	3.261.474.077	18.968.757.899
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.029.225.350)	-	-	-	-	(2.029.225.350)
Cổ tức đã chia trong năm	(4.703.974.200)	-	-	(441.000.000)	(4.252.500.000)	(9.397.474.200)
Số cuối năm	25.713.084.046	10.295.002.423	-	(1.714.260.080)	1.294.606.885	35.588.433.274
Tổng giá trị:						
Số đầu năm	96.231.993.460	28.478.189.987	6.600.000.000	53.515.560.383	46.685.632.808	232.491.376.638
Số cuối năm	99.223.085.759	34.295.002.423	6.600.000.000	54.500.739.920	45.507.106.885	240.125.934.987

18.2. ĐẦU TƯ VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Công ty TNHH Ecovance Việt Nam ("Công ty Ecovance") (i)	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ lợi ích (%)
	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ biểu quyết (%)
	5,1%	5,1%	30.376.592.621	-	(ii)	-
TỔNG CỘNG			30.376.592.621	-	-	-

- (i) Ngày 26 tháng 6 năm 2024, Đại hội Đồng Cổ đông Công ty PBAT, công ty con của Công ty, đã phê duyệt việc góp vốn vào Công ty Ecovance theo nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông số 2606/2024/NQ-ĐHĐCĐ. Ngày 10 tháng 9 năm 2024, Công ty PBAT đã hoàn thành việc góp vốn với giá trị là 30,4 tỷ đồng, tương ứng với 5,1% tỷ lệ lợi ích của Công ty Ecovance.
- Công ty Ecovance là nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy sản xuất vật liệu phân hủy sinh học công nghệ cao Ecovance tại Lô đất CN5.5G2, Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- (ii) Tập đoàn chưa thu thập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.383.135.271	19.511.977.665
Chi phí trả trước khác	13.300.281.418	10.875.020.021
TỔNG CỘNG	24.683.416.689	30.386.997.686
Long-term		
Definite land use rights (*)	794.029.023.966	794.337.872.762
Prepaid rental expenses	35.406.998.589	44.337.964.472
Tools and supplies in use	39.327.420.404	39.907.570.781
Commission fees	49.019.070.265	37.867.091.974
Office upgrade expenses	34.787.023.451	6.234.657.686
Others	14.286.972.437	17.194.646.172
TOTAL	966.856.509.112	939.879.803.847

(*) This is the define land use rights of An Phat Complex 1 Company, An Cuong Company, and An Trung Company granted by the People’s Committee of Hai Duong Province in 2022 for a period ranging from 21 years to 50 years. Some land use rights with a remaining value of approximately VND 134.4 billion were being used as collaterals for borrowings of the Group as presented in Note 26.

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Nhựa Phát Xanh	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Nhựa Hà Nội	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Ankor	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty APA	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty An Vinh	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	197.974.540.470	362.671.745.753	20.580.681.020	13.197.669.510	8.031.966.204	602.456.602.957
Giảm trong năm	-	(21.417.035.341)	-	-	-	(21.417.035.341)
Số cuối năm	197.974.540.470	341.254.710.412	20.580.681.020	13.197.669.510	8.031.966.204	581.039.567.616
Phân bổ lũy kế:						
Số đầu năm	133.119.301.451	180.836.684.646	1.029.034.050	3.629.359.112	2.811.188.171	321.425.567.430
Phân bổ trong năm	18.530.068.292	28.294.809.568	19.551.646.970	1.319.766.952	803.196.620	68.499.488.402
Số cuối năm	151.649.369.743	209.131.494.214	20.580.681.020	4.949.126.064	3.614.384.791	389.925.055.832
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	64.855.239.019	181.835.061.107	19.551.646.970	9.568.310.398	5.220.778.033	281.031.035.527
Số cuối năm	46.325.170.727	132.123.216.198	-	8.248.543.446	4.417.581.413	191.114.511.784

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

21.1 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Giá trị (Đồng thời là số có khả năng trả nợ)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Chevron Phillips Chemicals Asia Pte Ltd	142.021.616.211	27.412.800.880
Công ty SABIC Asia Pacific Pte Ltd	83.948.789.569	-
Các đối tượng khác	612.106.263.726	578.950.790.506
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 37)	20.198.287.584	13.105.927.524
TỔNG CỘNG	858.274.957.090	619.469.518.910

21.2 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đối tượng khác	132.012.859.235	136.971.680.987
Trả trước từ bên liên quan (Thuyết minh số 37)	3.140.037.036	2.434.239.106
TỔNG CỘNG	135.152.896.271	139.405.920.093

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Tăng khác	Số cuối năm
Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	2.444.513.670	215.111.872.476	(214.303.984.085)	-	3.252.402.061
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.033.095.315	112.083.789.416	(48.254.685.998)	165.534.355	85.027.733.088
Thuế, phí khác	5.357.391.432	31.051.501.260	(35.210.242.044)	-	1.198.650.648
TỔNG CỘNG	28.835.000.417	358.247.163.152	(297.768.912.127)	165.534.355	89.478.785.797

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Trích trước lương tháng 13	62.083.676.678	47.480.883.339
Chi phí xây dựng trích trước	12.014.144.103	77.766.835.507
Chi phí lãi vay phải trả	6.167.458.802	26.839.359.667
Chi phí phải trả khác	13.028.827.107	11.563.562.589
TỔNG CỘNG	93.294.106.690	163.650.641.102

24. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê bất động sản, nhà xưởng, máy móc thiết bị và các tài sản khác nhận trước (*)	111.467.190.914	116.182.822.055
Khác	14.000.000	-
TỔNG CỘNG	111.481.190.914	116.182.822.055
Dài hạn		
Doanh thu cho thuê bất động sản, nhà xưởng, máy móc thiết bị và các tài sản khác nhận trước (*)	2.039.511.700.402	1.498.211.375.163
TỔNG CỘNG	2.039.511.700.402	1.498.211.375.163

(*) Đây là tiền thuê đã nhận trước của các hợp đồng cho thuê bất động sản đầu tư thuộc Dự án An Phát Complex và Dự án Khu Công nghiệp An Phát 1.

25. PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Nhận đặt cọc thuê lại quyền sử dụng đất và hạ tầng	149.270.820.233	139.474.509.266
Cổ tức phải trả	229.686.443	172.686.443
Phải trả về đến thư tín dụng trả chậm - L/C	-	12.833.754.060
Các khoản phải trả khác	12.100.593.096	8.393.744.538
TỔNG CỘNG	161.601.099.772	160.874.694.307
Dài hạn		
Nhận đặt cọc thuê nhà xưởng và cỏ sở hạ tầng Khu Công nghiệp	3.948.813.984	8.828.368.337
TỔNG CỘNG	3.948.813.984	8.828.368.337

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Thuyết minh	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	Tăng	Giảm	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)
Ngắn hạn					
Vay ngân hàng	26.1	2.315.358.973.813	6.726.940.344.050	(6.819.593.943.195)	2.229.749.819.159
Vay đối tượng khác		2.171.691.524	38.846.739.130	(41.102.208.616)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	26.2	230.593.691.928	323.293.171.755	(242.136.385.952)	312.434.772.224
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả		789.018.582.486	165.606.796.296	(957.000.000.000)	-
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	26.5	16.520.080.288	16.369.656.996	(20.932.047.246)	11.957.690.038
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 35)	37	2.773.584.906	7.000.000.000	(9.000.000.000)	713.043.478
TỔNG CỘNG		3.356.436.604.945	7.278.056.708.227	(8.089.764.585.009)	2.554.855.324.899
Dài hạn					
Vay ngân hàng	26.2	280.765.921.699	1.457.574.763.119	(411.273.165.700)	1.330.050.027.279
Vay đối tượng khác	26.3	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Trái phiếu phát hành		162.491.183.395	618.750.000	(163.556.250.000)	-
Nợ thuê tài chính	26.4	16.458.763.002	15.947.409.757	(18.594.981.202)	13.811.191.557
TỔNG CỘNG		459.715.868.096	1.484.140.922.876	(3.428.824.766)	1.353.861.218.836

26.1 CÁC KHOẢN VAY NGÂN HÀNG NGẮN HẠN

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
VND				
Nguyên tệ				
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	1.488.126.010.656	1.488.126.010.656 VND	2% - 5,5%	(i)
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	95.959.223.757	95.959.223.757 VND	2% - 5,5%	Tín chấp
Các khoản vay ngân hàng bằng USD	620.250.489.382	24.275.146 USD	2% - 6,6%	(i)
Các khoản vay ngân hàng bằng USD	25.414.095.364	987.352 USD	2% - 6,5%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	2.229.749.819.159			

(i)Các khoản vay có tài sản đảm bảo được thế chấp bằng:

- Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không kỳ hạn bằng VND và USD của Tập đoàn tại các ngân hàng thương mại với tổng số tiền là 104,8 tỷ VND;
- Các khoản phải thu hình thành từ vốn vay theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty Nhựa An Phát Xanh và đối tác khác mà Công ty Nhựa An Phát Xanh là người thụ hưởng;
- Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty Nhựa An Phát Xanh với tổng trị giá là 88,2 tỷ VND hình thành từ nguồn tiền vay;
- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Nhà máy 1, 2, 5 và 6 của Công ty Nhựa An Phát Xanh;
- Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 86, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương của Công ty An Vinh;
- Quyền sử dụng đất và một số tài sản gắn liền trên đất của Công ty An Thành và Công ty An Phát Complex;
- 15.400.000 cổ phiếu của Công ty Nhựa An Phát Xanh thuộc sở hữu của Công ty An Phát Holdings;
- Bảo lãnh cá nhân của một số lãnh đạo chủ chốt của Công ty Nhựa An Phát Xanh;
- Một số phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, và một số tài sản khác.

26.2 CÁC KHOẢN VAY NGÂN HÀNG DÀI HẠN

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
VND				
Nguyên tệ				
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	1.625.058.712.546	1.625.058.712.546 VND	5,2% - 8,7%	(ii)
Các khoản vay ngân hàng bằng KRW	17.426.086.957	1.002.000.000 KRW	5,45% - 5,77%	(ii)
TỔNG CỘNG	1.642.484.799.503			
Trong đó:				
Vay dài hạn	1.330.050.027.279			
Vay dài hạn đến hạn trả	312.434.772.224			

(ii) Các khoản vay có tài sản đảm bảo được thế chấp bằng:

- Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn bằng VND và USD của Tập đoàn tại các ngân hàng thương mại với tổng số tiền là 372,1 tỷ VND;
- Các khoản phải thu hình thành từ vốn vay theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty Nhựa An Phát Xanh và đối tác khác mà Công ty Nhựa An Phát Xanh là người thụ hưởng;
- Bảo lãnh cá nhân của một số lãnh đạo chủ chốt của Công ty Nhựa An Phát Xanh;
- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Nhà máy 1, 2, 5, 6 và 8 của Công ty Nhựa An Phát Xanh;
- Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY737232, CY338692, CY338691 tại Lô CN11+CN1, khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, KM47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam;
- Quyền sử dụng và lợi ích kinh tế trong tương lai hình thành từ dự án Khu Công nghiệp Lương Điền Ngọc Liên của Công ty Lương Điền Ngọc Liên;
- Quyền sử dụng và lợi ích kinh tế trong tương lai hình thành trên lô đất CN08,2 của Công ty An Phát Complex;
- Toàn bộ đất công trình nhà máy, kho bãi diện tích 1.253,403 m2 đang được cho thuê của Công ty An Phát Complex 1;
- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất và hình thành trong tương lai của Công ty An Phát Complex trên thửa đất: Số 1269 tờ 2 xã An Lâm, số 1250 xã An Bình, huyện Nam Sách Hải Dương;
- Thửa đất số 56, tờ bản đồ 86, phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương thuộc sở hữu của Công ty An Vinh;
- Giấy đảm bảo từ Quỹ tín dụng Kangwon và đất đai và tòa nhà Munak; và
- Một số phương tiện vận tải, máy móc thiết bị khác và một số tài sản khác.

26.3 VAY TỪ CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Đây là một khoản vay tín chấp với một cá nhân đảo hạn vào ngày 19 tháng 2 năm 2026 với lãi suất cố định 6%/năm, lãi trả định kỳ sáu tháng/lần.

26.5 NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Tập đoàn hiện đang thuế thiết bị theo hợp đồng thuế tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

Khoản mục	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất năm
Các khoản nợ thuế tài chính	25.768.881.595	Kỳ hạn vay từ 48 - 60 tháng, đáo hạn tháng 3 năm 2028. Gốc vay và lãi vay được trả định kỳ hàng tháng.	6,5% - 6,9%
Trong đó:			
Nợ dài hạn đến hạn trả	11.957.690.038		
Nợ dài hạn	13.811.191.557		

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính
Nợ thuế tài chính ngắn hạn					Nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	13.305.027.997	1.347.337.959	11.957.690.038	19.273.427.003	2.753.346.715
Nợ thuế tài chính dài hạn					
Trên 1-5 năm	14.703.836.182	892.644.625	13.811.191.557	18.287.514.446	1.828.751.444
TỔNG CỘNG	28.008.864.179	2.239.982.584	25.768.881.595	37.560.941.449	4.582.098.159
					32.978.843.290

27. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng trợ cấp thất nghiệp	4.336.059.930	4.198.200.509
TỔNG CỘNG	4.336.059.930	4.198.200.509

28. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	15.881.011.936	35.799.283.703
Trích quỹ trong năm (*)	60.472.312.481	19.342.765.871
Sử dụng trong năm	(36.606.243.156)	(39.261.037.638)
Số cuối năm	39.747.081.261	15.881.011.936

(*) Trích quỹ trong năm bao gồm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ phục vụ công tác điều hành, cộng đồng theo phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông như trình bày tại Thuyết minh số 29.1.

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU

29.1. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước								
Số đầu năm	2.511.991.480.000	169.232.179.100	80.017.867.883	6.606.764.915	15.338.409.392	73.420.306.452	3.399.673.159.102	6.256.280.166.844
Giảm do mua lại cổ phiếu ưu đãi	(73.148.800.000)	(140.727.360.920)	-	-	-	-	-	(213.876.160.920)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	34.653.893.039	184.628.985.336	219.282.878.375
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(9.892.891.533)	(9.449.874.338)	(19.342.765.871)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(503.696.493)	(9.177.589.000)	(9.681.285.493)
Giảm tỷ lệ lợi ích trong các công ty con hiện hữu không mất quyền kiểm soát	-	-	-	-	-	(267.892.464.034)	(225.384.856.595)	(493.277.320.629)
Mua công ty con mới	-	-	-	-	-	-	(20.257.035.843)	(20.257.035.843)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con trong mục đích hợp nhất	-	-	-	4.928.831.861	-	-	8.165.694.931	13.094.526.792
Giảm khác	-	-	-	-	-	(830.862.040)	(3.964.344.755)	(4.795.206.795)
Số cuối năm	2.438.842.680.000	28.504.818.180	80.017.867.883	11.535.596.776	15.338.409.392	(171.045.714.609)	3.324.234.138.838	5.727.427.796.460

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm nay								
Số đầu năm	2.438.842.680.000	28.504.818.180	80.017.867.883	11.535.596.776	15.338.409.392	(171.045.714.609)	3.324.234.138.838	5.727.427.796.460
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	119.051.958.721	190.515.951.036	309.567.909.757
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(26.100.607.860)	(34.371.704.621)	(60.472.312.481)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(24.156.439.000)	(24.156.439.000)
Giảm tỷ lệ lợi ích trong các công ty con hiện hữu không mất quyền kiểm soát	-	-	-	-	-	(745.087.400)	(38.545.901.708)	(39.290.989.108)
Tăng/ giảm do mua thêm công ty con	-	-	-	-	-	-	(3.196.381.306)	(3.196.381.306)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất	-	-	-	6.503.992.287	-	-	4.931.276.202	11.435.268.489
Giảm khác	-	-	-	-	-	4.035.785.035	(5.990.670.651)	(1.954.885.616)
Số cuối năm	2.438.842.680.000	28.504.818.180	80.017.867.883	18.039.589.063	15.338.409.392	(74.803.666.113)	3.413.420.268.790	5.919.359.967.195

(i) Tập đoàn đã thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023 theo Nghị quyết số 270501/2024/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 27 tháng 5 năm 2024 và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của các công ty con.

29.2 CỔ TỨC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm		
Cổ tức bằng tiền cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi với tỷ lệ 3%/cổ phiếu	-	503.696.493

29.3 CỔ PHIẾU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phần đăng ký phát hành				
Cổ phần phổ thông	243.884.268	2.438.842.680.000	243.884.268	2.438.842.680.000
Cổ phần ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phần đã bán ra công chúng				
Cổ phần phổ thông	243.884.268	2.438.842.680.000	243.884.268	2.438.842.680.000
Cổ phần ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phần đang lưu hành				
Cổ phần phổ thông	243.884.268	2.438.842.680.000	243.884.268	2.438.842.680.000
Cổ phần ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phần).

30. DOANH THU

30.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	14.198.943.914.914	14.530.290.338.324
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	6.975.873.830.439	7.685.737.550.770
Doanh thu bán thành phẩm	6.879.741.130.035	6.572.130.386.047
Doanh thu bán nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	141.237.709.840	131.884.093.287
Doanh thu cung cấp dịch vụ	315.800.995	630.828.535
Doanh thu hoạt động khác		
Các khoản giảm trừ doanh thu	(6.371.888.455)	(8.354.251.448)
Doanh thu thuần	14.192.572.026.459	14.521.936.086.876
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	14.152.288.076.226	14.487.430.743.718
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 37)	40.283.950.233	34.505.343.158

(*) Trong các năm trước, Tập đoàn ghi nhận doanh thu một lần đối với các hợp đồng cho thuê tài sản dài hạn mà Tập đoàn thuê đất từ Nhà nước theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho toàn bộ thời gian thuê, có nhận trước tiền thuê của nhiều kỳ, và có thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của các tài sản đó, theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 3.20. Nếu doanh thu từ việc cho thuê này được ghi nhận theo phương pháp phân bổ theo thời gian cho thuê, ảnh hưởng đến doanh thu, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ và lợi nhuận gộp của Tập đoàn như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay		Năm trước	
	Trường hợp doanh thu được ghi nhận một lần	Trường hợp doanh thu được phân bổ trong thời hạn thuê	Trường hợp doanh thu được ghi nhận một lần	Trường hợp doanh thu được phân bổ trong thời hạn thuê
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.192.572.026.459	14.205.001.655.767	14.521.936.086.876	14.521.936.086.876
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(12.409.095.705.865)	(12.417.559.138.602)	(13.095.883.733.741)	(13.104.347.166.478)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.783.476.320.594	1.787.442.517.165	1.426.052.353.135	1.417.588.920.398

30.2 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	97.927.214.974	190.644.102.478
Lãi chênh lệch tỷ giá	172.562.760.341	79.829.905.238
Doanh thu hoạt động tài chính khác	260.061.040	1.556.100.000
TỔNG CỘNG	270.750.036.355	272.030.107.716

30.3 DOANH THU VÀ CHI PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	141.237.709.840	131.884.093.287
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	75.107.495.731	61.484.367.639
Thu nhập từ kinh doanh bất động sản đầu tư	66.130.214.109	70.399.725.648

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	6.543.544.124.598	7.421.456.335.104
Giá vốn thành phẩm đã bán	5.637.562.544.914	5.516.243.491.811
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	152.803.456.196	96.059.935.555
Giá vốn bán nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	75.107.495.731	61.484.367.639
Giá vốn hoạt động khác	78.084.426	639.603.632
TỔNG CỘNG	12.409.095.705.865	13.095.883.733.741

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	198.556.193.056	299.819.925.236
Lỗ chênh lệch tỷ giá	31.484.009.454	28.989.734.711
Chi phí tài chính khác	3.531.043.901	4.251.719.544
TỔNG CỘNG	233.571.246.411	333.061.379.491

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	754.196.815.996	540.417.416.536
Chi phí nhân công	33.878.732.723	34.041.123.864
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.273.935.349	12.920.828.293
Chi phí khác	14.534.016.600	12.659.676.197
TỔNG CỘNG	811.883.500.668	600.039.044.890
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	198.215.909.675	183.034.922.130
Chi phí dịch vụ mua ngoài (*)	102.026.135.900	134.892.873.491
Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 20)	68.499.488.402	58.565.380.238
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	16.803.309.748	19.019.386.110
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.209.575.710	35.068.047.506
Chi phí khác	86.653.940.068	45.426.272.898
TỔNG CỘNG	506.408.359.503	476.006.882.373

(*) Các chi phí dịch vụ chuyên nghiệp với các thành viên trong mạng lưới các công ty EY toàn cầu (“các Công ty EY”) phát sinh trong năm nay và năm trước bao gồm toàn bộ phí kiểm toán riêng và hợp nhất của Tập đoàn mà Công ty Ernst & Young thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Phí kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Tập đoàn	4.578.831.678	3.110.356.214
TỔNG CỘNG	4.578.831.678	3.110.356.214

34. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	12.722.836.694	21.488.604.852
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.627.756.262	4.804.189.976
Thu nhập khác do hủy hợp đồng	567.037.035	9.524.078.884
Thu nhập khác	7.528.043.397	7.160.335.992
Chi phí khác	112.210.601.392	11.741.682.279
Chi phí khác do hủy hợp đồng	3.382.481.517	-
Lỗ từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	77.839.100	434.860.018
Chi phí phát triển Dự án nhà máy PBAT (*)	94.955.284.445	-
Chi phí khác	13.794.996.330	11.306.822.261
(LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC	(99.487.764.698)	9.746.922.573

(*) Đây là các chi phí liên quan đến việc đầu tư dự án Nhà máy sản xuất nguyên liệu sinh học tự hủy hoàn toàn công nghệ cao (PBAT) được ghi nhận vào chi phí khác trong năm 2024 do Công ty PBAT quyết định dừng thực hiện dự án.

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	4.182.094.407.153	3.912.745.987.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.493.749.157.615	1.241.106.260.113
Chi phí nhân công	897.925.902.939	860.002.709.287
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định, phân bổ lợi thế thương mại và phân bổ chi phí thuê đất trả trước dài hạn	517.864.270.385	489.582.892.895
Chi phí khác	112.483.729.933	85.848.502.220
TỔNG CỘNG	7.204.117.468.025	6.589.286.352.219

36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Tập đoàn là 20% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ những trường hợp sau đây:

- Công ty An Phát Complex chịu thuế suất thuế TNDN cho hoạt động chuyển nhượng đất của Dự án Đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp An Phát Complex là 5% đến hết năm 2026; năm 2027 là 10% và trong các năm tiếp theo là 20% do Công ty An Phát Complex được kế thừa các ưu đãi thuế từ nhận chuyển nhượng dự án cũ. Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động còn lại của Công ty An Phát Complex là 20% thu nhập chịu thuế;
- Công ty An Thành Singapore chịu thuế suất 17% theo Luật thuế TNDN của Singapore; và công ty này được miễn 75% thuế đối với 10.000 đô la Singapore thu nhập chịu thuế đầu tiên và miễn 50% thuế đối với 190.000 đô la Singapore thu nhập chịu thuế tiếp theo;
- Công ty An Phat International, Inc và Công ty AFC EcoPlastics, LLC chịu thuế suất 21% theo Luật thuế TNDN của Hoa Kỳ;
- Công ty Ankor chịu thuế lũy tiến theo thu nhập, cụ thể thuế suất phổ thông 9% đối với thu nhập dưới 200 triệu KRW; 19% đối với thu nhập từ 200 triệu đến 20 tỷ KRW; 21% đối với thu nhập từ 20 tỷ đến 300 tỷ KRW và 24% đối với thu nhập trên 300 tỷ KRW theo Luật thuế TNDN của Hàn Quốc;
- Công ty VMC được miễn thuế TNDN trong 4 năm bắt đầu từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ năm 2022 đến năm 2025 và được giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo từ năm 2026 đến năm 2034 cho hoạt động sản xuất khuôn. Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động còn lại của Công ty VMC là 20% thu nhập chịu thuế;
- Các công ty còn lại chịu thuế suất thuế TNDN là 20% thu nhập chịu thuế

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

36.1 CHI PHÍ THUẾ TNDN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	107.207.287.780	101.939.382.276
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu năm trước	4.876.501.636	-
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	192.544.395	(6.204.325.224)
TỔNG CỘNG	112.276.333.811	95.735.057.052

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	421.579.522.476	315.017.935.427
Thuế TNDN theo các thuế suất áp dụng cho Công ty và các công ty con	84.671.764.828	62.212.043.018
Thuế suất thuế TNDN 20%	109.391.016.543	73.145.256.921
Thuế suất thuế TNDN 21%	(20.460.248.205)	(13.934.116.099)
Thuế suất thuế TNDN 17%	463.831.195	2.255.767.864
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi 10%	-	833.396.499
Thuế suất thuế TNDN 9%	(2.775.021.135)	(96.299.806)
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi 5%	7.967.124	8.037.639
Miễn thuế	(1.955.780.694)	-
Các khoản điều chỉnh:		
Thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế	17.348.054.203	22.866.571.161
Chi phí dùng triển khai Dự án nhà máy PBAT không được trừ	18.991.056.889	-
Phân bổ lợi thế thương mại	13.621.574.799	11.713.076.045
Chi phí dự phòng không được trừ	10.130.261.059	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	8.695.236.148	3.666.341.679
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132	8.079.859.871	13.589.881.633
Thuế TNDN trích thiếu năm trước	4.876.501.636	-
Điều chỉnh khác	2.606.402.260	(4.116.354.731)
Điều chỉnh lãi phát sinh trên báo cáo hợp nhất từ các giao dịch chuyển nhượng vốn	(13.421.273.576)	3.243.209.148
Lỗ từ công ty liên doanh, liên kết	(21.050.273.978)	(3.259.171.751)
Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(9.706.606.342)	(13.839.296.495)
Điều chỉnh cho các khoản dự phòng đầu tư vào công ty con và liên kết trên báo cáo tài chính hợp nhất	(9.447.995.756)	(341.242.655)
Chi phí lãi vay không được trừ năm trước chuyển sang	(3.118.228.230)	-
Chi phí thuế TNDN	112.276.333.811	95.735.057.052

36.2 THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

36.3 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI CHƯA ĐƯỢC GHI NHẬN

Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó, ngoại trừ các công ty con sau:

- Công ty An Phat International, Inc. và Công ty AFC EcoPlastics, LLC. không bị giới hạn thời gian chuyển lỗ theo Luật thuế TNDN của Hoa Kỳ.
- Công ty An Thành Singapore không bị giới hạn thời gian chuyển lỗ theo Luật thuế TNDN của Singapore.
- Công ty Ankor được phép chuyển các khoản lỗ trong vòng 10 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó theo Luật thuế TNDN của Hàn Quốc.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty và nhóm công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 549,8 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 489,5 tỷ VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2024	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2024
Không giới hạn thời gian chuyển lỗ					
2020		25.038.430.320	(8.571.343.471)	-	16.467.086.849
2021		28.896.206.640	-	-	28.896.206.640
2022		96.699.103.351	-	-	96.699.103.351
2023		80.537.696.064	-	-	80.537.696.064
Thời gian chuyển lỗ 10 năm					
2019	2029	13.861.696.842	-	-	13.861.696.842
2020	2030	13.767.491.104	-	-	13.767.491.104
2021	2031	27.768.773.431	-	-	27.768.773.431
2022	2032	17.163.881.924	-	-	17.163.881.924
2023	2033	9.070.560.815	-	-	9.070.560.815
2024	2034	8.857.779.873	-	-	8.857.779.873
Thời gian chuyển lỗ 5 năm					
2019	2024	3.823.735.471	(3.823.735.471)	-	-
2022	2027	203.129.531.994	-	(115.755.766.367)	87.373.765.627
2023	2028	76.667.480.951	-	(10.566.033.169)	66.101.447.782
2024	2029	83.190.592.988	-	-	83.190.592.988
TỔNG CỘNG		688.472.961.768	(12.395.078.942)	(126.321.799.536)	549.756.083.290

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con cho các năm tài chính chưa được cơ quan thuế quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ngoại trừ khoản lỗ tính thuế của Công ty An Phát Complex 1 với số tiền là 18 tỷ đã được ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

36.4 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI CHƯA ĐƯỢC GHI NHẬN

Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Chi phí lãi vay chưa được khấu trừ

Tập đoàn được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại (“chi phí lãi vay chưa được trừ”) sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang được trừ trong năm sau tính đến ngày 31/12/2024	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2024	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2024
2019	2024	9.089.540.057	-	(9.089.540.057)	-
2020	2025 (i)	14.113.605.469	(83.064.985)	-	14.030.540.484
2021	2026 (i)	20.000.406.301	(706.543.380)	-	19.293.862.921
2022	2027 (i)	30.239.272.271	(1.783.484.996)	-	28.455.787.275
2023	2028 (i)	77.559.776.797	-	-	77.559.776.797
2024	2029	40.399.299.355	-	-	40.399.299.355
TỔNG CỘNG		191.401.900.250	(2.573.093.361)	(9.089.540.057)	179.739.266.832

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

36.4 THUẾ TNDN HOÃN LẠI

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chênh lệch tạm thời liên quan lợi nhuận chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	11.228.925.862	9.274.956.698	1.953.969.164	(70.799.443)
Chênh lệch kỳ ghi nhận doanh thu và giá vốn cho mục đích tính thuế TNDN	3.504.144.129	1.316.838.535	2.187.305.594	58.079.833
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá khoản mục tiền và phải thu	(1.341.608.261)	799.356.573	(2.140.964.834)	(396.815.443)
Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	3.732.594.661	5.911.782.676	(2.179.188.015)	5.911.782.676
Các khoản khác	-	522.371.267	522.371.267	522.371.267
	17.124.056.391	17.825.305.749		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch từ việc đánh giá giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại thời điểm hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 4)	(11.930.004.975)	(12.438.709.938)	508.704.963	179.706.334
	(11.930.004.975)	(12.438.709.938)	508.704.963	179.706.334
(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			(192.544.395)	6.204.325.224

37. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch với Tập đoàn trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xăng dầu An Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần AnCop	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Phần mềm Nam Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt
Ông Phạm Văn Tuấn	Lãnh đạo chủ chốt
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Mua hàng hóa, dịch vụ	Đi vay	Trả tiền vay	Nhận cổ tức	Lãi đi vay
Công ty Sunrise	Công ty liên kết	15.458.793.178	83.042.767.573	7.000.000.000	9.000.000.000	-	26.301.370
Công ty nhựa bao bì Vĩnh	Công ty liên kết	21.195.372.850	-	-	-	4.703.974.200	-
Công ty Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	254.487.661	11.833.456.386	-	-	-	-
Công ty Suất ăn An Phát	Công ty liên kết	3.375.296.544	43.271.701.419	-	-	4.252.500.000	-
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tạm ứng	Hoàn ứng	Cho vay	Thu hồi gốc vay	Lãi cho vay	
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	30.517.500.000	34.175.899.159	10.000.000.000	10.000.000.000	157.808.219	
Ông Phạm Văn Tuấn	Lãnh đạo chủ chốt	70.566.702.000	80.236.727.082	-	-	-	
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt	5.556.036.292	6.035.131.575	-	-	-	

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Mua hàng hóa, dịch vụ	Cho vay	Thu hồi gốc vay	Đi vay	Trả tiền vay	Nhận cổ tức
Công ty Sunrise	Công ty liên kết	10.805.458.746	77.642.401.350	-	1.300.000.000	10.000.000.000	8.000.000.000	-
Công ty nhựa bao bì Vĩnh	Công ty liên kết	19.032.980.370	196.000.000	-	-	-	-	4.703.974.200
Công ty Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	1.290.878.104	71.274.140.057	3.500.000.000	14.500.000.000	19.800.000.000	19.800.000.000	-
Công ty Suất ăn An Phát	Công ty liên kết	3.376.025.938	32.909.355.022	-	-	-	-	-
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tạm ứng	Hoàn ứng					
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	53.815.935.092	51.374.539.665					
Ông Phạm Văn Tuấn	Lãnh đạo chủ chốt	15.192.444.000	18.168.068.719					

Số dư các khoản vay, cho vay, phải thu, phải trả đối với các bên liên quan của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền cho vay các bên liên quan (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
---------------	-------------	--------------------	-------------	------------

Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)

Công ty AnBio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Phải thu bán hàng hóa	177.332.570	3.781.799.955
Công ty Sunrise	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng hóa	340.661.465	1.406.603.567
Công ty Nhựa Bao bì Vinh	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng hóa	1.928.704.068	792.842.364
Bên liên quan khác			13.272.622	85.184.154
			2.459.970.725	6.066.430.040

Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7.2)

Công ty Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Trả trước tiền mua hàng	3.953.928.750	-
			3.953.928.750	-

Phải thu khác ngắn hạn (Thuyết minh số 9)

Công ty Sunrise	Công ty liên kết	Phải thu từ chi trả hộ	210.439.367	76.351.265
Công ty Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Phải thu từ lãi cho vay	275.000	211.464.364
Ông Phạm Văn Tuấn	Lãnh đạo chủ chốt	Phải thu từ chi trả hộ và tạm ứng	1.601.875.000	11.271.900.082
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Phải thu từ chi trả hộ và tạm ứng	2.792.724.660	2.730.236.319
Ông Đinh Xuân Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Phải thu từ chi trả hộ và tạm ứng	-	201.509.035
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt	Phải thu từ chi trả hộ và tạm ứng	-	479.095.283
Các bên liên quan khác		Phải thu khác	441.000.000	636.278.759
			5.046.314.027	15.606.835.107

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
---------------	-------------	--------------------	-------------	------------

Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 21.1)

Công ty Sunrise	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	10.551.714.539	4.531.619.011
Công ty AnBio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Mua hàng hóa	5.685.645.505	5.694.537.353
Công ty Suất ăn An Phát	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	3.960.927.540	2.879.771.160
			20.198.287.584	13.105.927.524

Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 21.2)

Công ty AnBio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Mua hàng hóa	2.434.239.106	2.434.239.106
Công ty Sunrise	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	705.797.930	-
			3.140.037.036	2.434.239.106

Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 26)

Công ty Sunrise	Công ty liên kết	Vay ngắn hạn	-	2.000.000.000
Ông Lim Heon Young	Thành viên HĐQT	Vay ngắn hạn	713.043.478	773.584.906
			713.043.478	2.773.584.906

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và Ban Tổng Giám đốc tại Công ty trong năm:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 9 tháng 10 năm 2024)	95.000.000	120.000.000
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 9 tháng 10 năm 2024)	135.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.444.702.085	2.752.629.666
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực	3.358.831.250	2.753.283.000
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024)	50.000.000	120.000.000
Ông Lim Heon Young	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
TỔNG CỘNG		7.323.533.335	6.165.912.666

Thù lao của Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thù lao của Ban kiểm soát	132.000.000	132.000.000
	132.000.000	132.000.000

38. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	119.051.958.721	34.653.893.039
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác phục vụ ban điều hành (*)	-	(60.472.312.481)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	119.051.958.721	(25.818.419.442)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	243.884.302	243.884.302
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	243.884.302	243.884.302
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	488	(106)
- Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	488	(106)

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2024 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2024 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

39. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về địa điểm theo địa điểm tài sản của Tập đoàn. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được tổ chức và quản lý theo địa điểm kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn cũng lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo thứ yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty cũng bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp.

Tập đoàn theo dõi hoạt động một cách riêng biệt cho từng bộ phận cho mục đích ra quyết định phân bổ nguồn lực và đánh giá kết quả hoạt động. Kết quả hoạt động của từng bộ phận được đánh giá dựa trên lãi lỗ và được xác định một cách nhất quán với lãi lỗ của Tập đoàn trên báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, hoạt động tài chính của Tập đoàn (bao gồm chi phí tài chính và doanh thu tài chính) được theo dõi trên cơ sở tập trung và không phân bổ cho từng bộ phận.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

39.1 THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý (tính theo xuất xứ của hàng hóa) của Tập đoàn như sau:

	Việt Nam	Cộng hòa Singapore	Hợp chủng quốc Hoa Kỳ	Hàn Quốc	Điều chỉnh và loại trừ	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Doanh thu						
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	10.825.995.832.940	2.252.759.391.199	1.009.833.867.417	103.982.934.903	-	14.192.572.026.459
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	674.984.174.447	61.694.423.608	29.252.889.762	5.451.405.991	(771.382.893.808)	-
Tổng doanh thu	11.500.980.007.387	2.314.453.814.807	1.039.086.757.179	109.434.340.894	(771.382.893.808)	14.192.572.026.459
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Khấu hao, hao mòn và phần bổ chi phí thuê đất trả trước dài hạn	514.586.578.516	-	3.277.691.869	-	-	517.864.270.385
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	18.968.757.899	-	-	-	-	18.968.757.899
Thu nhập trước thuế theo bộ phận	589.558.501.548	8.594.546.465	(101.973.618.308)	(30.994.969.282)	-	465.184.460.423
Chi phí không phần bổ				(43.340.216.855)		(43.340.216.855)
Các thông tin bộ phận khác						
Đầu tư vào công ty liên kết	240.125.934.987					240.125.934.987
Chi phí mua sắm TSCĐ và xây dựng cơ bản tăng trong năm	1.170.993.156.975					1.170.993.156.975
Tài sản bộ phận	12.589.650.403.156	274.937.794.836	174.797.078.029	185.009.078.724	(302.509.276.441)	12.921.885.078.304
Tài sản không phần bổ						522.965.608.722
Tổng tài sản		187.694.618.424	37.988.579.861	103.752.847.500	(407.734.503.049)	13.444.850.687.026
Tổng nợ phải trả theo bộ phận	3.625.767.808.271					3.547.469.351.007
Tổng nợ phải trả không phần bổ						3.978.021.368.824
Tổng nợ phải trả						7.525.490.719.831

BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Dưới đây là thông tin về doanh thu thuần của Tập đoàn theo lĩnh vực kinh doanh:

	Đơn vị tính: VND
	Năm nay
Sản xuất, bán, kinh doanh thương mại hạt nhựa và sản phẩm nhựa	14.033.590.827.632
Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	67.886.769.193
Cung cấp dịch vụ	91.094.429.634
TỔNG CỘNG	14.192.572.026.459

Dưới đây là thông tin về giá trị còn lại của tài sản của Tập đoàn theo lĩnh vực kinh doanh:

	Đơn vị tính: VND
	Số cuối năm
Tài sản phân bổ theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh	12.921.885.078.304
Sản xuất, bán, kinh doanh thương mại hạt nhựa và sản phẩm nhựa	10.580.819.310.232
Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	2.294.128.086.349
Dịch vụ vận chuyển	46.937.681.723
Tài sản không phân bổ	522.965.608.722
TỔNG CỘNG	13.444.850.687.026

39.2 THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý (tính theo xuất xứ của hàng hóa) của Tập đoàn như sau:

		Đơn vị tính: VND				
	Việt Nam	Cộng hòa Singapore	Hợp chủng quốc Hoa Kỳ	Hàn Quốc	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu						
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	11.646.814.411.720	1.861.712.440.706	961.244.650.989	52.164.583.461	-	14.521.936.086.876
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	231.839.576.531	416.130.376.871	72.415.289.255	-	(720.385.242.657)	-
Tổng doanh thu	11.878.653.988.251	2.277.842.817.577	1.033.659.940.244	52.164.583.461	(720.385.242.657)	14.521.936.086.876
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Khấu hao và hao mòn	474.913.776.434	-	4.830.175.379	9.838.941.082	-	489.582.892.895
Lãi được chia từ công ty liên kết	16.295.858.757	-	-	-	-	16.295.858.757
Lợi nhuận trước thuế theo bộ phận	400.554.357.698	16.113.154.755	(64.902.887.095)	(1.758.199.486)	-	350.006.425.872
Chi phí trước thuế không phần bổ				(34.988.490.445)	(34.988.490.445)	(34.988.490.445)
Các thông tin bộ phận khác						
Đầu tư vào công ty liên kết	232.491.376.638	-	-	-	-	232.491.376.638
Chi phí mua sắm TSCĐ và xây dựng cơ bản tăng trong năm	686.118.735.269	-	-	-	-	686.118.735.269
Tài sản bộ phận	6.328.309.801.808	149.522.461.868	179.510.806.357	174.645.943.974	-	6.831.989.014.007
Tài sản không phần bổ						5.540.486.958.622
Tổng tài sản	1.817.238.038.041	131.169.000.893	38.497.330.683	123.646.829.707	-	2.110.551.199.324
Tổng nợ phải trả theo bộ phận					-	4.534.496.976.845
Tổng nợ phải trả không phần bổ						6.645.048.176.169
Tổng nợ phải trả						

BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Dưới đây là thông tin về doanh thu của Tập đoàn theo lĩnh vực kinh doanh:

		Đơn vị tính: VND	
		Năm trước	
Sản xuất, bán, kinh doanh thương mại hạt nhựa và sản phẩm nhựa		14.250.144.513.904	
Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp		131.884.093.287	
Cung cấp dịch vụ		139.907.479.685	
TỔNG CỘNG		14.521.936.086.876	

Dưới đây là thông tin về giá trị còn lại của tài sản của Tập đoàn theo lĩnh vực kinh doanh:

		Đơn vị tính: VND	
		Số cuối năm	
Tài sản phân bổ theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh		6.831.989.014.007	
Sản xuất, bán, kinh doanh thương mại hạt nhựa và sản phẩm nhựa		5.146.463.631.823	
Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp		1.659.075.657.678	
Dịch vụ vận chuyển		26.449.724.506	
Tài sản không phân bổ		5.540.486.958.622	
TỔNG CỘNG		12.372.475.972.629	

40. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê đất, nhà xưởng, thuê dịch vụ theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

			Đơn vị tính: VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm	
Đến 1 năm		11.991.147.845	11.070.436.258	
Từ 1 – 5 năm		28.184.862.188	15.275.130.269	
Trên 5 năm		66.483.003.285	65.952.812.100	
TỔNG CỘNG		106.659.013.318	92.298.378.627	

Cam kết cho thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang cho thuê nhà xưởng, thuê dịch vụ theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm (*)	Số đầu năm
Đến 1 năm	72.251.132.051	58.263.499.557
Từ 1 – 5 năm	296.841.635.585	166.801.864.393
Trên 5 năm	2.066.709.870.926	1.377.197.121.702
TỔNG CỘNG	2.435.802.638.562	1.602.262.485.652

(*) Bao gồm số tiền thuê đã nhận trước của các bất động sản đầu tư thuộc dự án An Phát Complex và Dự án Khu Công nghiệp An Phát Complex 1 (xem Thuyết minh số 24).

Cam kết liên quan đến chi phí thuê đất

Công ty An Phát Complex 1 đã nhận được các quyết định cấm trừ tiền đến bù, giải phóng mặt bằng với tiền thuê đất cho các phần diện tích dự án Khu công nghiệp An Phát 1 đã ký hợp đồng thuê đất với Nhà nước. Theo các quyết định cấm trừ và hợp đồng thuê đất, Công ty An Phát Complex 1 còn nghĩa vụ phải nộp tiền thuê đất cho giai đoạn chưa được cấm trừ từ tháng 10 năm 2069 đến tháng 2 năm 2071 cho diện tích đất thuê khoảng 401 nghìn đồng/m2. Đơn giá thuê đất này sẽ phụ thuộc vào đơn giá tại thời điểm nhận được thông báo nộp tiền của cơ quan Nhà nước trong tương lai.

Cam kết liên quan đến xây dựng đầu tư

Tập đoàn đã ký các hợp đồng liên quan tới việc triển khai dự án bất động sản và xây dựng hạ tầng. Tổng số vốn cam kết theo các hợp đồng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 ước tính là 767 tỷ đồng.

41. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
Đô la Mỹ (USD)	49.789.740,88	44.967.134,03
Euro (EUR)	33.030,00	31.111,31
Đồng bảng Anh (GBP)	56,00	74,17
Đô la Singapore (SGD)	52.160,00	36.417,69
Won Hàn Quốc (KRW)	248.452.549,00	216.294.765
Đồng Yên Nhật (JPY)	81.000,00	81.000,00
Dirham (DIR)	1.680,00	1.680,00
Đồng Rúp (RUB)	1.565.556,00	11.950

42. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết số 120202/2025/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty Nhựa An Phát Xanh đã thông qua việc chuyển nhượng 15.511.200 cổ phần, tương đương 48,65% vốn điều lệ của Công ty An Thành cho một công ty con khác của Tập đoàn là Công ty An Tiến.

Theo Nghị quyết số 100302/2025/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 3 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty Nhựa An Phát Xanh đã thông qua việc chuyển nhượng 7.185.500 cổ phần, tương đương 9.75% vốn điều lệ của Công ty An Tiến.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập kiêm Kế toán trưởng
Hồ Thị Hòe

Tổng Giám đốc
Phạm Đỗ Huy Cường